

# Table of Contents

[Lời Dẫn](#Top_of_part1_split2_xhtml)

[Tác Giả](#Top_of_part1_split4_xhtml)

[Con Của Noé](#Top_of_part1_split5_xhtml)

Con Của Noé

—★—

Tác giả: Éric-Emmanuel Schmitt

Người dịch: Nguyễn Đình Thành

Nhã Nam phát hành

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn

annie\_tuongminh  
 25-12-2018

Tặng Pierre Perelmuter bạn tôi. Câu chuyện của anh phần nào đã tạo cảm hứng cho cuốn truyện này.

Để tưởng nhớ Tu viện trường André, linh mục phó giáo phận Saint-Jean-Baptiste ở Namur và tất cả những người được trao danh hiệu Người dân ngoại công chính.

# LỜI DẪN

“Chúng ta sẽ thoả thuận như thế này nhé, con đồng ý không? Con, Joseph, con sẽ giả vờ là người Công Giáo còn ta, ta sẽ giả vờ là người Do Thái. Đây là bí mật của chúng ta, bí mật lớn nhất trong các bí mật. Ta và con có thể chết nếu phản bội bí mật này nhé. Thề không nào?”

“Con xin thề.”

Bruxelles năm 1942, Joseph, cậu bé Do Thái lên bảy. Joseph được cha Pons, vị cha xứ chân chất và mẫu mực, nhận nuôi cùng hàng chục đứa trẻ Do Thái khác tại Villa Jaune ở ngoại ô.

Nơi đây, Joseph đã khám phá ra tình bạn, khám phá ra một thế giới hoàn toàn khác với thế giới cậu từng sống, và trên tất cả, những giá trị văn hoá quý giá của nhân loại hiện diện trong những cổ vật mà cha Pons đang cố gắng lưu giữ. Hai con người, một già một trẻ thuộc hai tôn giáo khác nhau đi bên nhau để bổ trợ nhau, liệu có thể cùng nhau vượt qua cơn đại hồng thuỷ bạo lực tàn khốc nhất trong lịch sử loài người?

Một cuốn tiểu thuyết ngắn đầy xáo động trong cùng mạch truyện với Oscar và bà áo hồng, đã đưa Eric-Emmanuel Schmitt trở thành một trong những tác gia Pháp được đọc nhiều nhất trên thế giới.

Eric rõ ràng đã thành công khi “buộc” độc giả phải cười nghiêng ngả ở một số đoạn xong rồi lại rơm rớm nước mắt được ngay…

– LE TÉLÉGRAMME

Một cuốn tiểu thuyết ngắn nhưng thuần khiết và đượm chất triết học…

– LA DERNIÈRE HEURE

Eric-Emmanuel Schmitt đã tặng chúng ta một câu chuyện không thể rời mắt…

– LE SOIR MAGAZINE

Một truyện kể trong đêm khuya

– LE SOIR

Tự vấn về tôn giáo trong không gian và thời gian…

– LIRE

# TÁC GIẢ



ERIC-EMMANUEL SCHMITT là tác giả nổi tiếng Pháp-Bỉ sinh ngày 28/3/1960 tại Sainte-Foy-lès-Lyon (Pháp). Ông xuất thân từ gia đình trí thức, và bản thân cũng là tiến sĩ triết học. Sau một thời gian làm giáo viên, Eric-Emmanuel Schmitt chuyển hoàn toàn sang mảng sáng tác. Hai thập kỷ sau tác phẩm kịch đầu tay Đêm Valognes khá thành công, Eric-Emmanuel Schmitt đã trở thành một trong những tác giả Pháp nổi tiếng nhất trên toàn thế giới, các sách của ông đã được dịch ra hơn 40 thứ tiếng. Ông đã giành được chừng 30 giải thưởng văn học, trong đó đáng kể nhất là giải Goncourt dành cho truyện ngắn với tác phẩm Một mối tình ở điện Élysée, giải thưởng lớn của Viện Hàn lâm Pháp dành cho toàn bộ các tác phẩm kịch…

Eric-Emmanuel Schmitt hiện đang sinh sống và làm việc tại Bruxelles, Bỉ.

Các tác phẩm khác của Eric-Emmanuel Schmitt do Nhã Nam xuất bản:

- Nửa kia của Hitler

- Chàng sumo không thể béo

- Một ngày mưa đẹp trời

- Oscar và bà áo hồng

- Một mối tình ở điện Élysée

# Con Của Noé

Mười tuổi, tôi là một trong những đứa trẻ mà Chủ nhật nào người ta cũng mang ra đấu giá.

Người ta không bán chúng tôi mà yêu cầu chúng tôi đi lại trên một cái bục để tìm người nhận. Trong đám người xem có thể có bố mẹ ruột của chúng tôi, những người cuối cùng cũng trở về sau chiến tranh, hay những cặp vợ chồng muốn nhận nuôi chúng tôi.

Chủ nhật nào cũng vậy, tôi trèo lên tấm ván với hy vọng được nhận ra, hay chí ít là được chọn.

Chủ nhật nào cũng vậy, dưới mái tu viện Villa Jaune, tôi có mười bước chân để được nhìn thấy, mười bước chân để có được một gia đình, mười bước chân để thôi không là trẻ mồ côi nữa. Những bước chân đầu tiên không khó khăn gì bởi nỗi sốt ruột đã đẩy tôi lên bục nhưng rồi đi đến giữa thì tôi yếu dần và tôi lê những bước nặng trịch ở mét cuối cùng. Phía cuối, giống như ở đầu kia của tấm ván nhảy hồ bơi, là khoảng không đang đợi tôi. Một sự im lặng còn sâu hơn cả vực thẳm. Lẽ ra trong số những dãy đầu, mũ, sọ và búi tóc kia, một cái miệng phải mở ra rồi kêu lên: “Ôi con trai tôi!” hoặc “Cậu bé đấy đấy! Tôi muốn cậu ấy! Tôi nhận nuôi cháu!” Những ngón chân quắp lại, toàn thân căng lên chờ đợi tiếng gọi sẽ kéo tôi ra khỏi cảnh bị bỏ rơi, trước đó, tôi đã tự kiểm tra xem mình chăm chút vẻ ngoài ổn chưa.

Thức dậy từ sáng sớm, tôi nhảy khỏi giường ngủ để ra chỗ chậu rửa lạnh lẽo. Ở đó tôi dùng miếng xà bông xanh cứng như đá, mãi mới chịu mềm ra và chẳng có bọt mấy chà nhẹ lên da. Tôi chải đầu hai mươi lần để chắc chắn rằng mái tóc theo đúng ý mình. Do bộ lễ phục màu xanh dương đã quá chật so với vai tôi, quá ngắn ở cổ tay và mắt cá chân, tôi co mình lại bên trong lớp vải thô ráp của bộ đồ để giấu đi rằng tôi đã lớn.

Trong lúc chờ đợi, không ai biết mình sẽ được sống trong hạnh phúc hay khổ hình; chúng tôi chuẩn bị cho một cú nhảy mà không biết cú tiếp đất sẽ như thế nào. Xong rồi sẽ chết hay sẽ được vỗ tay đây?

Đúng là đôi giày của tôi tạo ra những hiệu ứng không tốt. Trông như hai miếng các tông cũ kỹ. Những lỗ thủng toang hoác được xỏ lại bằng dây cọ sợi. Một mẫu giày thoáng khí, cho cái lạnh, cho gió tràn vào và cho cả các ngón chân tôi thòi ra. Hai chiếc giày chỉ không bị ngấm nước từ khi có lớp bùn bám dày xung quanh. Nhưng tôi không dám mạo hiểm giặt vì sợ chúng sẽ biến mất. Dấu hiệu duy nhất để đôi giày của tôi được gọi là giày, đó là bởi tôi mang chúng ở chân. Nếu tôi cầm trên tay, chắc người ta sẽ ân cần chỉ cho tôi chỗ thùng rác ở đâu mà vứt. Lẽ ra tôi nên đi nguyên đôi giày dùng trong tuần thì hơn? Tuy nhiên, những vị khách của Villa Jaune không thể nhận ra điều ấy khi họ nhìn từ dưới lên! Kể cả khi nhận ra thì có sao! Chẳng lẽ người ta từ chối nhận tôi chỉ bởi đôi giày! Thằng Leonard tóc hung chẳng đã nhận lại được cha mẹ mình khi đang đi chân trần trình diễn đấy thôi?

“Con có thể quay về nhà ăn được rồi, Joseph bé nhỏ của ta.”

Chủ nhật nào cũng thế, hy vọng của tôi chết ngoẻo khi nghe thấy câu này. Cha Pons ngụ ý rằng lần này cũng không được và tôi cần phải rời sân khấu.

Đằng sau quay. Mười bước chân để biến mất. Mười bước để quay lại trong đau đớn. Mười bước để lại trở thành trẻ mồ côi. Đi hết cái bục, đã thấy một đứa bé khác đang đứng sốt ruột. Tim tôi thắt lại.

“Cha có nghĩ là con sẽ làm được không ạ?”

“Làm cái gì hả con?”

“Tìm được cha mẹ ạ.”

“Tìm được cha mẹ! Cha hy vọng là cha mẹ ruột của con đã thoát khỏi hiểm nguy và họ sẽ sớm xuất hiện trở lại.”

Cứ trình diễn mãi mà không có kết quả, tôi đâm ra có cảm giác lỗi là do mình. Trên thực tế, chính họ mới là người đến chậm. Chậm quay lại. Nhưng liệu có phải chỉ là lỗi của họ? Liệu họ có còn sống trên đời?

Tôi mười tuổi. Ba năm trước, cha mẹ đã gửi gắm tôi cho những người lạ.

Chiến tranh đã kết thúc được vài tuần nay. Cùng với nó, thời kỳ của hy vọng và ảo vọng đã chấm dứt. Còn lũ chúng tôi, những đứa trẻ được che giấu, chúng tôi cần phải quay lại với thực tế để xem, như thể người ta bị giáng một cú vào đầu, liệu chúng tôi có còn thuộc về một gia đình hay sẽ phải sống cô đơn trên cõi đời này...

symbol21.png

Tất cả bắt đầu trên một chuyến tàu điện.

Khi đó mẹ và tôi đang đi qua Bruxelles, chúng tôi ngồi cuối một toa tàu màu vàng khạc ra những tia lửa điện cùng tiếng tôn rung ầm ầm. Tôi đồ rằng chính những tia lửa trên nóc đã giúp chúng tôi chuyển động. Ngồi trong lòng mẹ, chìm giữa mùi nước hoa ngọt ngào, cuộn mình tựa vào chiếc cổ áo lông cáo của bà, lao đi vùn vụt giữa thành phố u ám, tuy mới chỉ bảy tuổi nhưng lúc đó tôi là một ông hoàng: lùi về phía sau, đám kia! Để chúng ta qua! Xe cộ tránh sang hai bên, xe kéo thì hoảng hốt, người đi bộ chạy dạt, trong khi đó bác tài đang lái tàu, còn mẹ và tôi thì như đang ngồi trong cỗ xe hoàng gia.

Đừng hỏi mẹ tôi trông như thế nào: liệu ta có miêu tả được mặt trời không? Hơi ấm, sức mạnh, niềm vui tỏa ra từ mẹ. Tôi nhớ nhiều đến những hiệu ứng từ mẹ hơn là vẻ ngoài của bà. Bên mẹ, tôi cười vui và không đều tồi tệ nào có thể đến với tôi.

Vì thế, khi mấy tên lính Đức lên tàu, tôi chẳng hề lo sợ. Tôi chỉ diễn vai một đứa trẻ câm lặng như đã thỏa thuận với bố mẹ, vì lo là nói tiếng Yiddish sẽ làm tôi bị lộ, tôi lập tức ngừng lời khi những bộ quân phục màu xanh xám hay những chiếc măng tô bằng da đen tiến đến gần. Vào năm 1942 ấy, chúng tôi bị buộc phải đeo ngôi sao vàng nhưng bố tôi, một thợ may khéo léo, đã tìm ra cách may cho chúng tôi những chiếc măng tô che được ngôi sao và lại phô ra được khi cẩn thiết. Mẹ tôi gọi đó là “những ánh sao băng” của chúng tôi.

Khi đám lính nói chuyện mà không để ý đến chúng tôi, tôi cảm thấy người mẹ cứng đờ và run rẩy. Liệu đó có phải là bản năng không? Hay mẹ đã nghe thấy một điều ghê gớm?

Mẹ đứng dậy, đặt tay lên miệng tôi, vội vã đẩy tôi xuống bậc ở bến tiếp theo. Chạm chân lên vỉa hè, tôi hỏi mẹ:

“Còn xa mới đến nhà mình mà mẹ! Sao mình lại xuống sớm thế?”

“Chúng ta sẽ đi dạo Joseph à. Con có muốn không?”

Tôi ấy à, tôi muốn tất cả những gì mẹ muốn, ngay cả khi phải khó nhọc đi theo mẹ trên đôi chân bảy tuổi của mình, vì mẹ bỗng bước nhanh hơn, giật cục hơn thường ngày.

Trên đường đi mẹ đề nghị với tôi:

“Chúng ta sẽ đến thăm một bà cao quý, con có muốn không?”

“Có ạ. Ai vậy mẹ?”

“Nữ bá tước De Sully.”

“Bà ấy cao bao nhiêu ạ?”

“Gì hả con?”

“Mẹ nói với con là một bà cao quý...”

“Ý mẹ muốn nói bà ấy là quý tộc.”

“Quý tộc ấy ạ?”

Vừa giải thích cho tôi, quý tộc là người có xuất thân cao quý, sinh ra trong một gia đình lâu đời, và rằng, vì sự cao quý ấy, cần phải thể hiện thái độ tôn kính với bà, mẹ vừa dẫn tôi đến tiền sảnh của một dinh thự tuyệt đẹp nơi chúng tôi được người hầu chào đón.

Ở đó, tôi thấy thất vọng vì người phụ nữ ra gặp chúng tôi không giống với điều tôi đã tưởng tượng: dù xuất thân từ một gia đình “lâu đời”, nữ bá tước De Sully có vẻ rất trẻ và dù có “xuất thân cao quý”, bà chẳng cao hơn tôi là mấy.

Hai người thì thầm nhanh chóng, sau đó mẹ ôm hôn tôi, bảo tôi ở đây đợi bà quay lại.

Bà bá tước thấp, trẻ và khiến tôi thất vọng dẫn tôi đến phòng khách nơi bà cho tôi ăn bánh, uống trà và chơi piano cho tôi nghe. Đứng trong ngôi nhà trần cao, đồ ăn ê hề cùng tiếng nhạc du dương, tôi chấp nhận xem lại vị trí của mình và thả người lút trong chiếc phô tơi nhồi bông êm ái, tôi đành công nhận đó là một bà “cao quý”.

Bà ngừng chơi, thở dài nhìn đồng hồ rồi tiến đến gần tôi, trán nhăn lại vì lo âu.

“Joseph à, ta không biết cháu có hiểu những gì ta sắp nói không nhưng dòng máu của chúng ta cấm chúng ta nói dối trẻ con.”

Nếu đó là một truyền thống của những người quý tộc thì tại sao bà lại ép tôi phải theo? Bà có cho rằng tôi cũng là quý tộc? Vả lại, tôi có phải quý tộc không nhỉ? Tôi ấy, tôi có phải là quý tộc không? Có thể... Sao lại không nhỉ? Có chứ, giống như bà ấy, không cần phải cao lớn, cũng không cần phải già, tôi cũng có cơ hội đấy chứ.

“Joseph à, cha mẹ cháu và cháu đang gặp nguy hiểm lớn. Mẹ cháu đã nghe nói sắp có nhiều vụ bắt bớ diễn ra tại nơi cháu ở. Mẹ cháu đang đi báo cho bố cháu và càng nhiều người càng tốt. Mẹ cháu đã gửi gắm cháu cho ta để bảo vệ cháu. Ta hy vọng mẹ cháu sẽ quay lại. Vậy đó. Ta thực sự hy vọng mẹ cháu sẽ quay lại.”

Vậy đó, tôi thì chẳng thích ngày nào cũng làm quý tộc: sự thực có lẽ hơi làm người ta đau lòng.

“Mẹ lúc nào cũng quay lại. Tại sao mẹ không quay lại cơ chứ?”

“Bà có thể bị cảnh sát bắt.”

“Mẹ đã làm gì sai ạ?”

“Mẹ cháu chẳng làm gì cả. Mẹ cháu là...”

Nói đến đó, nữ bá tước thở ra một hơi dài làm chuỗi ngọc trai ở cổ bà va vào nhau. Mắt bà rơm rớm.

“Mẹ cháu là gì cơ ạ?” tôi hỏi.

“Mẹ cháu là người Do Thái.”

“Đúng rồi. Trong gia đình cháu, ai mà chẳng là người Do Thái. Cháu cũng thế, bà biết không.”

Bởi vì tôi nói đúng nên bà thơm vào hai bên má tôi.

“Thế còn bà, bà có phải người Do Thái không?”

“Không. Ta là người Bỉ.”

“Như cháu thôi.”

“Đúng rồi, như cháu. Và ta là người Công Giáo.”

“Là người Công Giáo thì đối lập với Do Thái ạ?”

“Đối lập với Do Thái là Quốc xã cháu ạ.”

“Thế người ta không bắt giữ người Công Giáo ạ?”

“Không.”

“Vậy thì làm người Công Giáo sẽ tốt hơn phải không ạ?”

“Tùy là đứng trước ai. Đến đây Joseph, ta sẽ dẫn cháu đi xem nhà trong lúc đợi mẹ cháu về.”

“À, bà thấy đấy, mẹ cháu sẽ về mà!”

Nữ bá tước De Sully nắm tay tôi và đưa tôi tới cầu thang dẫn lên các tầng trên để ngắm những chiếc bình, những bức tranh và áo giáp. Ở phòng bà, tôi phát hiện ra một bức tường treo đầy váy trên những mắc áo. Ở nhà tôi cũng vậy, ở Schaerbeek, chúng tôi cũng sống giữa đống quần áo, chỉ may và vải.

“Bà cũng là thợ may giống bố cháu ạ?”

Nữ bá tước mỉm cười.

“Không. Ta mua quần áo mà những người thợ may như bố cháu làm ra. Họ cần phải làm việc cho ai đó phải không cháu?”

Tôi gật đầu đồng ý nhưng cũng giấu nữ bá tước rằng chắc chắn bà đã không chọn quần áo ở chỗ chúng tôi bởi tôi chưa bao giờ nhìn thấy những thứ đẹp như thế ở chỗ bố. Không có những bộ nhung thêu, những bộ lụa óng ánh, những phần điểm đăng ten ở cổ tay, những chiếc cúc lấp lánh như nữ trang thế này.

Ông bá tước xuất hiện và sau khi nghe vợ giải thích, ông quay sang nhìn kỹ tôi.

Ông ấy thì giống với hình ảnh của một nhà quý tộc hơn nhiều. Cao, gầy, già - dù gì thì bộ ria mép cũng làm ông trông có vẻ đáng kính - ông nhìn tôi chằm chằm từ trên cao đến mức tôi hiểu ra rằng vì ông mà người ta phải đẩy trần lùi cao đến thế.

“Đến ăn cùng chúng ta đi cháu bé.”

Đó là giọng của một nhà quý tộc, đều này tôi có thể chắc chắn! Giọng nói khỏe khoắn, sang sảng, trầm ấm mang màu của những bức tượng đồng đang sáng lên dưới ánh nến.

Trong bữa tối, tôi lịch sự hoàn thành những đoạn đối thoại xã giao mặc dù tâm trí thì quay mòng mòng quanh câu hỏi về xuất thân của mình: tôi có phải quý tộc hay không? Nếu nhà Sully sẵn lòng giúp đỡ và tiếp đón tôi thì có phải là do tôi thuộc cùng dòng tộc với họ? Vậy tôi cũng là quý tộc?

Lúc chúng tôi chuyển sang phòng khách để uống trà hoa cam, lẽ ra tôi đã có thể cất giọng hỏi thành lời câu này, nhưng vì sợ nhận được một câu trả lời phủ định nên tôi thích giữ trong đầu cái câu hỏi đầy nịnh nọt này thêm một lúc nữa...

Lúc chuông cửa kêu có lẽ tôi đang ngủ gật. Từ chiếc phô tơi nơi tôi đang đê mê đắm chìm, tôi thấy bố và mẹ xuất hiện trên bậu cửa sảnh ra vào, lần đầu tiên tôi hiểu ra rằng bố mẹ tôi và ông bà Sully không giống nhau. Vai chùng xuống trong bộ quần áo xỉn màu, tay xách va li bằng các tông, bố mẹ nói bằng vẻ ngập ngừng, vô cùng lo lắng như thể họ vừa sợ màn đêm từ nơi họ đến, vừa sợ những người chủ nhà sáng láng đang tiếp chuyện họ. Tôi tự hỏi không biết có phải bố mẹ tôi là người nghèo hay không.

“Một trận càn! Chúng bắt hết. Phụ nữ và cả trẻ em. Nhà Rosenberg. Nhà Meyer. Nhà Laeger. Nhà Perelmuter. Không chừa một ai...”

Bố khóc. Tôi thấy phiền khi bố vốn là người không bao giờ khóc, lại đến khóc ở một nhà như nhà Sully. Sự thân tình này có nghĩa gì? Liệu có phải chúng tôi cũng là quý tộc? Không rời khỏi chiếc ghế phô tơi nơi mọi người vẫn nghĩ tôi đang thiu thiu ngủ, tôi quan sát và nghe thấy hết.

“Ra đi... nhưng đi đâu? Sang Tây Ban Nha thì phải qua Pháp mà đi như thế cũng không an toàn hơn. Và nếu không có giấy tờ giả thì...”

“Mischke, anh thấy đấy, mẹ nói, lẽ ra chúng ta nên đi cùng dì Rita sang Brasil.”

“Mang bố theo mà bố đang ốm thế, không bao giờ!”

“Giờ thì bố đi rồi, Thượng đế che chở cho ông.”

“Đúng, giờ thì quá muộn rồi.”

Bá tước De Sully xen vào để lập lại trật tự.

“Tôi sẽ lo cho hai người.”

“Không, thưa ngài bá tước, số phận chúng tôi không quan trọng. Người cần cứu chính là Joseph. Trước tiên là cháu. Và chỉ một mình cháu, nếu sự việc phải như thế.”

“Đúng vậy, mẹ tôi thêm vào, cần phải che chở cho Joseph.”

Theo tôi, từng ấy sự quan tâm có thể khẳng định cho trực giác của tôi, rằng tôi là một nhà quý tộc. Dù gì đi nữa, tôi cũng là như thế trong mắt người thân của mình.

Ngài bá tước trấn an họ thêm lần nữa.

“Tất nhiên, tôi sẽ lo cho Joseph. Tôi cũng sẽ lo cho anh chị. Tuy nhiên, hai người phải chấp nhận tạm thời rời xa cháu.”

“Ôi Joseph bé bỏng của mẹ...”

Mẹ đổ sụp trong vòng tay nữ bá tước bé nhỏ, người đang dịu dàng vỗ vỗ vào vai mẹ. Khác với những giọt nước mắt của bố khiến tôi bối rối, nước mắt của mẹ làm tôi đau xé lòng.

Nếu là một nhà quý tộc thì tôi không thể giả vờ ngủ được nữa! Như một hiệp sĩ, tôi nhảy ra khỏi phô tơi để an ủi mẹ. Tuy nhiên, tôi không biết cái gì đã chiếm lấy tôi khi tôi đến gần mẹ, điều ngược lại đả xảy ra: tôi bám vào chân mẹ và bật khóc to hơn cả mẹ.

Trong một buổi tối mà nhà Sully đã chứng kiến cả nhà tôi khóc! Sau đấy, đố mà làm cho người ta tin được rằng nhà tôi cũng là một gia đình quý tộc nữa.

Để đánh lạc hướng, bố tôi liền mở va li của mình ra.

“Đây, hãy cầm lấy thưa ngài bá tước. Tôi sẽ không bao giờ trả được cho ngài, tôi xin đưa ngài tất cả những gì tôi có. Đây là những bộ quần áo tôi mới may xong.”

Và ông nhấc ra mấy chiếc áo vest, quần và áo gi lê ông đã may, treo sẵn mắc. Ông lấy mu bàn tay ve vuốt nâng niu quần áo, một cử chỉ quen thuộc ông thường làm ở tiệm, một cái vuốt nhanh cho thấy giá trị của món hàng khi làm bật lên độ mềm và mượt của vải.

Tôi thở phào vì bố tôi không tham quan phòng quần áo của nữ bá tước cùng với tôi và chưa được nhìn thấy những bộ quần áo đẹp đẽ của họ, nếu không bố sẽ chết đứng tại trận, ngượng chín người vì đã dám mang những món hàng hết sức tầm thường cho những con người hết mực tinh tế.

“Tôi không muốn được trả công dưới bất kỳ hình thức nào anh bạn ạ,” ông bá tước nói.

“Tôi xin ngài đấy...”

“Đừng sỉ nhục tôi. Tôi không làm vì tư lợi. Xin vui lòng giữ lại kho báu quý giá đó, nó có thể hữu ích cho anh.”

Ngài bá tước đã gọi những bộ quần áo của bố tôi là “kho báu”! Có cái gì đó tôi không hiểu. Có thể tôi đã lầm chăng?

Người ta dẫn chúng tôi lên tầng trên cùng của tòa nhà nơi chúng tôi được bố trí vào phòng áp mái.

Tôi mê mệt khi nhìn thấy hàng ngàn ngôi sao trên bầu trời qua ô cửa được trổ giữa mái nhà. Trước đây, tôi chưa từng có dịp quan sát bầu trời bởi nhà chúng tôi ở tầng hầm và nhìn hé qua khe cửa tầng hầm tôi chỉ toàn thấy giày, vài con chó và những chiếc giỏ. Vòm trời, tấm thảm nhung sâu thẳm đính kim cương này, với tôi như là kết quả tất yếu trong căn nhà quý tộc nơi cái đẹp sáng bừng lên ở mỗi tầng. Như thế, ở trên đầu người nhà Sully, không phải một khu nhà có sáu hộ cùng con cháu, mà là bầu trời và những thiên thể không trọng lượng. Tôi rất thích mình là một nhà quý tộc.

“Con thấy không, Joseph,” mẹ nói, “ngôi sao kia kìa, là ngôi sao của chúng ta. Của con và của mẹ.”

“Thế ngôi sao ấy tên là gì?”

“Mọi người gọi đó là sao của mục đồng; còn chúng ta ấy à, chúng ta sẽ gọi là ‘sao của Joseph và mẹ’.”

Mẹ thường có xu hướng đặt lại tên cho các ngôi sao.

Mẹ lấy tay che mắt tôi rồi bảo tôi quay tròn, sau đó bà bảo tôi nhìn lên trời.

“Đâu rồi? Con có thể chỉ cho mẹ không?”

Trong bao la, tôi học được cách nhận ra không chút nhầm lẫn đâu là “sao của Joseph và mẹ”.

Mẹ ôm tôi vào lòng và se sẽ hát ru bằng tiếng Yiddish. Ngay khi hát xong, mẹ lại bảo tôi chỉ xem ngôi sao của chúng tôi ở đâu. Sau đó mẹ lại hát. Tôi cố cưỡng lại cơn buồn ngủ, để tận hưởng giây phút này.

Bố tôi, ở cuối căn phòng, ngồi trên đống va li, vừa xếp ra xếp vào quần áo vừa càu nhàu. Giữa hai đoạn bài hát mà mẹ thì thầm, tôi cố sức hỏi bố:

“Bố ơi, bố sẽ dạy con nghề may chứ?”

Ông chán chường, không trả lời.

“Bố sẽ dạy con chứ, tôi nằn nì. Con muốn làm ra những kho báu. Như bố.”

Bố lại gần tôi, bố là người vốn cứng nhắc và xa cách, lại ôm tôi vào lòng để hôn.

“Bố sẽ dạy con tất cả những gì bố biết, Joseph ạ. Và ngay cả những gì bố không biết.”

Thường ngày, bộ râu rậm tua tủa màu đen chắc hay làm bố đau vì bố thường xuyên xoa má và không để bất cứ ai chạm vào. Tối hôm đó, chắc bố không đau và cho phép tôi tò mò sờ vào.

“Êm ái phải không con?” mẹ đỏ mặt thầm thì như thể đang nói với tôi một điều thầm kín.

“Thôi nào, đừng nói những câu ngốc nghếch như thế,” bố lẩm bẩm.

Dù có hai giường, một lớn, một bé, mẹ cứ thuyết phục tôi nằm với bố mẹ trên giường lớn. Bố không phản đối lâu. Bố thực sự rất khác từ khi chúng tôi trở thành quý tộc.

Và như thế, vừa nhìn những ngôi sao đang hát bằng tiếng Yiddish, tôi vừa thiếp đi trong vòng tay mẹ lần cuối cùng.

symbol21.png

Chúng tôi chưa bao giờ nói lời từ biệt. Có thể là do chuỗi sự kiện rối rắm liên tục xảy ra? Có thể là do bố mẹ đã bàn riêng với nhau từ trước? Chắc chắn bố mẹ không muốn trải qua cảnh này, càng không muốn tôi phải sống qua giây phút ấy... Sợi chỉ đứt đoạn mà tôi không ý thức được: bố mẹ vắng mặt vào buổi chiều ngày hôm sau và không quay lại nữa.

Mỗi khi tôi hỏi ông bá tước và bà bá tước tí hon là bố mẹ ở đâu thì câu trả lời được buông ra, giống hệt nhau: “Đi trốn rồi.”

Tôi đành chấp nhận như vậy bởi năng lượng của tôi đang bị hút vào việc khám phá cuộc sống mới: cuộc sống quý tộc.

Khi không khám phá một góc hoặc một xó xỉnh nào đấy của tòa nhà, hay khi không xem vũ điệu của những cô hầu đang tất bật lau sáng bóng mấy bộ đồ bằng bạc, đập bụi cho thảm hoặc nhồi lại gối tựa thì tôi sẽ ngồi hàng giờ ở phòng khách với bà bá tước để tập nói tiếng Pháp thật chuẩn, bà cấm tôi dùng tiếng Yiddish. Tôi càng ngoan ngoãn hơn khi bà cho tôi ăn đầy bánh và thỏa thích nghe bà chơi những điệu valse trên piano. Nhất là khi, tôi tin là danh phận quý tộc của tôi phụ thuộc vào việc tôi có thể làm chủ ngôn ngữ này hay không. Đành là ngôn ngữ này hơi buồn khi nói và khó phát âm, không điệu đà và nhiều sắc màu như ngôn ngữ của tôi nhưng đổi lại, nó rất êm ái, có chừng mực và trang trọng.

Khi có khách, tôi phải gọi ông bà bá tước là “thưa chú” “thưa cô” bởi họ nhận tôi là đứa cháu đến từ Hà Lan.

Tôi dần tin đều đó là sự thật thì một sáng nọ, cảnh sát bao vây căn nhà.

“Cảnh sát đây! Mở cửa! Cảnh sát đây!”

Người ta đập ầm ầm vào cửa chính, bấm chuông với họ là không đủ.

“Cảnh sát đây! Mở cửa! Cảnh sát đây!”

Mặc bộ áo lụa ở nhà, nữ bá tước chạy vào phòng tôi, ôm tôi vào lòng rồi bế tôi đến tận giường bà.

“Đừng sợ gì nhé Joseph, hãy trả lời bằng tiếng Pháp, luôn luôn như vậy, giống như ta ấy.”

Khi toán cảnh sát lên cầu thang, bà bắt đầu đọc truyện cho tôi. Bà và tôi ngồi tựa lưng vào gối, như thể không có chuyện gì xảy ra.

Khi vào phòng, họ ném về phía chúng tôi ánh nhìn giận dữ.

“Ông bà giấu một gia đình Do Thái ở đây.”

“Cứ lục soát tất cả như các người muốn, bà nói với vẻ trịch thượng, cứ nghe ngóng từng bức tường nữa, đập vỡ hết rương, lật hết giường lên: kiểu gì các người cũng chẳng tìm thấy gì đâu. Ngược lại, ngay ngày mai, tôi có thể cam đoan là các người sẽ nghe nói đến tôi.”

“Có người tố cáo, thưa bà.”

Không nao núng, bà bá tước phẫn nộ rằng sao cảnh sát lại có thể ai nói cũng tin như thế. Bà báo trước là việc này sẽ không dừng lại ở đây mà sẽ lên đến tận triều đình vì bà rất thân cận với nữ hoàng Elisabeth. Bà đe đám viên chức đó rằng việc này sẽ làm bọn họ mất chức và họ có thể tin như vậy!

“Bây giờ thì lục soát đi! Nhanh lên!”

Trước vẻ kiên quyết và phẫn nộ như vậy, viên cảnh sát trưởng gần như lùi lại.

“Liệu tôi có thể hỏi bà, đứa trẻ này là ai?”

“Cháu của tôi. Con của tướng Von Grebels. Liệu tôi có cần giới thiệu với ông gia phả nhà tôi không? Ông bạn à, ông đang đùa với lửa đấy!”

Sau khi lục soát mà không tìm thấy gì, bọn cảnh sát ra về như chó cụp đuôi, ấp úng bẽ bàng xin lỗi.

Nữ bá tước nhảy khỏi giường. Quá căng thẳng, bà vừa khóc vừa cười.

“Cháu đã nắm được một trong các bí mật của ta đấy Joseph, một trong các vũ khí của phụ nữ.”

“Cái nào cơ ạ?”

“Kết tội thay vì tự bào chữa. Tấn công khi bị nghi ngờ. Cắn thay vì tự vệ.”

“Của riêng phụ nữ thôi ạ?”

“Không. Cháu có thể áp dụng đều đó.”

Ngày hôm sau, nhà Sully thông báo rằng tôi không ở nhà họ được nữa bởi nếu người ta điều tra thì lời nói dối kia không thể trụ được.

“Cha Pons sẽ đến và lo cho cháu. Cháu sẽ được chăm sóc tốt nhất. Cháu phải gọi ông ấy là cha nhé.”

“Vâng thưa chú.”

“Cháu không gọi ông ấy là cha để người ta tưởng đó là bố cháu như cách cháu gọi ta là chú, cha Pons là người mà ai cũng gọi là cha.”

“Ngay cả chú cũng gọi vậy?”

“Ngay cả chúng ta cũng gọi vậy. Đó là một cha xứ. Chúng ta nói thưa cha khi nói chuyện với ông ấy. Cả đám cảnh sát cũng vậy. Lính Đức cũng thế. Tất cả mọi người. Ngay cả những người không có đức tin.”

“Những người không tin rằng ông ấy là bố của họ?”

“Ngay cả những người không tin vào đức Chúa.”

Tôi rất ngạc nhiên khi gặp một người là cha của cả thế giới hoặc được coi là như vậy.

“Vậy cha Pons có liên quan gì tới đá kỳ xà bông không ạ?” tôi hỏi.

Tôi liên tưởng đến viên đá nhẹ, chà vào người rất dễ chịu mà nữ bá tước đã mang đến phòng tắm cho tôi từ mấy hôm nay, để kỳ cọ chân và tẩy đi những chỗ da chết sần sùi. Trông giống một con chuột nhỏ, món đồ này làm tôi thích thú bởi nó nổi được - ta không trông đợi đều này ở một viên đá - và đổi màu khi được nhúng nước - chuyển từ trắng ghi sang màu đen than đá. Ông bà Sully bật cười.

“Cháu không hiểu tại sao cô chú lại cười, tôi nói dỗi. Có thể đó chính là người đã tìm ra... hay phát minh ra... viên đá kỳ xà bông. Kiểu gì chẳng có một người làm ra thứ đó!”

Thôi không cười nhạo tôi nữa, ông bà Sully gật đầu đồng tình.

“Cháu nói có lý Joseph ạ: đó có thể là ông ấy. Tuy nhiên trên thực tế, ông ấy không có bất cứ liên hệ nào với viên đá.”

symbol21.png

Kể cả là như vậy nhưng khi ông bấm chuông và bước vào dinh thự nhà Sully, tôi đoán ngay ra là ông.

Người đàn ông này cao, gầy, khiến ta có cảm giác ông được tạo thành từ hai phần không có liên quan gì với nhau: cái đầu và phần còn lại. Thân hình ông như không hiện hữu, một tấm vải không nếp nhăn, một cái áo choàng đen phẳng như thể được treo trên mắc áo, từ đó thòi ra một đôi giày bóng loáng không thấy nối với cái mắt cá chân nào. Ngược lại, cái đầu hồng hào, tròn trĩnh, hoạt bát, tươi mới, ngây thơ, tựa như một đứa trẻ vừa tắm xong, mọc ra từ chiếc áo ấy. Người ta có cảm giác muốn hôn và vòng tay ôm lấy.

“Chào cha,” bá tước nói. “Đây là Joseph.”

Tôi ngắm ông hồi lâu và cố gắng hiểu xem tại sao khuôn mặt ông không những không khiến tôi ngạc nhiên lắm mà còn có vẻ đáng tin. Tin vào cái gì? Đôi mắt đen của ông nhìn tôi trìu mến sau tròng kính nhẹ.

Đột nhiên, ánh sáng lóe lên.

“Cha không có tóc!” tôi bật thành tiếng.

Ông mỉm cười và vào giây phút đó tôi bắt đầu thấy quý mến ông.

“Tóc ta đã rụng rất nhiều. Số ít mọc lại thì ta cạo đi.”

“Tại sao ạ?”

“Để không mất thời gian chải đầu.”

Tôi phì cười. Như vậy chính ông cũng không biết tại sao ông lại hói đầu? Buồn cười quá đi mất... Nhà Sully nhìn tôi, vẻ nghi hoặc. Họ cũng không biết tại sao ư? Tôi có nên nói cho họ hiểu không nhỉ? Nhưng rốt cuộc, điều ấy hóa ra quá hiển nhiên: cha Pons có cái đầu nhẵn như một viên đá bởi ông phải giống với tên mình: Pierre Ponceơ![\*](#__Tieng_Phap_trong_nguyen_ban_ng)

Trong khi người lớn vẫn tiếp tục ngạc nhiên, tôi lại cảm thấy mình phải im lặng, cho dù có bị coi là thằng ngốc...

“Con có biết đi xe đạp không Joseph?”

“Không ạ.”

Tôi không dám thú nhận lý do của khiếm khuyết này: từ khi chiến tranh nổ ra, bố mẹ tôi, vốn thận trọng, đã cấm tôi chơi ngoài phố. Về khoản chơi đùa thì tôi rất chậm phát triển so với bọn trẻ cùng lứa.

“Thế thì ta sẽ dạy con,” cha xứ nói. “Con sẽ phải ngồi sau ta. Bám chắc vào.”

Trong sân dinh thự, tôi cố gắng để xứng đáng với niềm tự hào của nhà Sully, phải mất mấy lần tôi mới ngồi được lên cái gác ba ga.

“Bây giờ chúng ta sẽ thử ở ngoài phố nhé.”

Khi tôi đã ngồi được lên sau xe, ông bà bá tước tiến lại gần. Họ ôm hôn tôi rất nhanh.

“Hẹn sớm gặp lại cháu, Joseph. Chúng ta sẽ đến thăm cháu. Cha nhớ đề phòng tay Jacques Béo nhé.”

Tôi vừa kịp hiểu đó là một lời từ biệt thì cha xứ và tôi đã bon bon trên đường phố Bruxelles. Vì phải chăm chăm giữ thăng bằng trên xe, tôi không thể thả mình cho nỗi buồn cuốn đi.

Dưới làn mưa mỏng biến đường nhựa thành một tấm gương bóng nhẫy, chúng tôi tiến lên, nhanh chóng, run rẩy, lảo đảo trên bánh xe bé tí tẹo.

“Nếu chúng ta gặp Jacques Béo thì con phải ngồi sát vào ta và nói chuyện như thể chúng ta quen nhau từ lâu rồi nhé.”

“Jacques Béo là ai ạ, thưa cha?”

“Hắn là một tên Do Thái phản bội. Hắn ngồi trong xe của bọn Gestapo và chỉ cho bọn Quốc xã những người Do Thái mà hắn nhận ra để chúng bắt giam họ.”

Vừa khi ấy tôi nhận thấy một chiếc ô tô màu đen chạy chầm chậm theo chúng tôi. Tôi liếc ra phía sau lưng và nhận thấy đằng sau kính gạt nước, giữa đám người mặc măng tô tối màu, có một khuôn mặt nhợt nhạt và rịn mồ hôi, đang đảo đôi mắt như bi ve dò xét vỉa hè đại lộ Louise.

“Là Jacques Béo đó thưa cha!”

“Nhanh lên, kể cho ta nghe chuyện gì đó đi. Con chắc phải biết vài câu chuyện cười chứ Joseph nhỉ?”

Chẳng cần lục tìm những câu chuyện hay nhất, tôi bắt đầu dốc kho truyện của mình. Tôi chưa bao giờ nghĩ chúng hài hước đến mức khiến cha Pons cứ cười ngặt nghẽo như thế. Thành ra, càng phấn chấn, tôi cũng cười theo và khi chiếc xe chạy sát chúng tôi, tôi đã quá say sưa với thành công của mình nên không buồn để ý đến nó.

Jacques Béo vừa khó chịu nhìn chúng tôi vừa đập đập chiếc mùi soa trắng gấp vào má, rồi chán chường với vẻ yêu đời của chúng tôi, hắn ra hiệu cho lái xe tăng tốc.

Ngay sau đó, cha Pons rẽ vào con phố bên cạnh và chiếc xe ô tô biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi. Tôi đang định tiếp tục sự nghiệp tấu hài của mình thì cha Pons thốt lên:

“Ta xin con đấy, Joseph, dừng lại đi. Con làm ta cười nhiều đến mức không đạp xe được nữa.”

“Tiếc quá. Thế thì cha không được biết chuyện ba giáo sĩ Do Thái tập đi xe máy rồi.”

symbol21.png

Đêm xuống, chúng tôi vẫn còn đạp xe. Chúng tôi đã rời thành phố từ lâu và đang đi qua vùng nông thôn, nơi cây cối đã trở nên tối sẫm.

Cha Pons chưa kiệt sức nhưng không nói gì nhiều, chỉ hỏi:

“Con có ổn không?”

“Con vẫn gắng được chứ?”

“Con không mệt quá chứ Joseph?”

Tuy nhiên, càng đi xa, tôi càng có cảm giác là chúng tôi gần gũi hơn, có lẽ bởi vì tôi quàng tay qua thắt lưng ông, đầu tôi dựa vào lưng ông và tôi cảm nhận qua tấm vải rộng hơi ấm từ cơ thể gầy gò đó chầm chậm truyền sang tôi. Cuối cùng, có một tấm biển ghi chữ Chemlay, ngôi làng của cha Pons, và ông phanh lại. Chiếc xe đạp rít lên còn tôi rơi xuống hố.

“Hoan hô Joseph, con đã đạp xe rất cừ! Ba mươi lăm ki lô mét! Khởi đầu như thế là quá tuyệt!”

Tôi bò dậy không dám cãi lời cha Pons. Thật vậy, tôi cảm thấy rất xấu hổ, tôi không hề đạp xe trong suốt hành trình, tôi toàn để thõng chân sang hai bên. Hay là có chiếc pêđan nào mà tôi không nhìn ra nhỉ?

Ông dựng xe mà không để tôi kịp kiểm tra lại rồi nắm lấy tay tôi. Chúng tôi đi tắt qua cánh đồng đến tận ngôi nhà đầu tiên nằm ở rìa Chemlay, một khối nhà thấp lùn. Ở đó, ông ra hiệu cho tôi im lặng, tránh lối đi chính rồi gõ cửa một hầm rượu.

Một khuôn mặt xuất hiện.

“Vào nhanh lên.”

Cô Marcelle dược sĩ, nhanh tay đóng cửa và đưa chúng tôi xuống vài bậc cầu thang dẫn tới một căn hầm được chiếu sáng bằng ánh đèn dầu leo lét.

Cô Marcelle khiến trẻ con sự hãi và khi cúi xuống phía tôi, cô không đánh mất hiệu ứng thường thấy đó: tôi suýt hét lên. Có phải là do thiếu ánh sáng? Hay do ánh sáng chiếu hắt từ dưới lên? Cô Marcelle giống bất cứ thứ gì trừ một người phụ nữ; nom cô giống củ khoai tây đặt trên thân một con chim. Các nét trên mặt cô rất thô, móp méo, mí mắt nhăn nheo, da nâu, sần sùi, xám xịt, xù xì, giống như một cái củ người nông dân vừa nhổ lên: một nhát cuốc đã làm nên cái miệng nhỏ và hai cục u nhỏ lồi lên là đôi mắt; vài sợi tóc lưa thưa, trắng nơi chân tóc, đỏ hung ở ngọn, cho thấy có thể sẽ mọc lại vào mùa xuân. Đứng trên hai cái chân mảnh khảnh, nghiêng về phía trước, toàn thân cô trông giống một con chim cổ đỏ bụng tròn xoe, cong phồng từ đến chân, tay chống nạnh, khuỷu tay chếch về sau trông như sắp bay, cô nhìn tôi chằm chằm trước khi mổ.

“Người Do Thái phải không?” cô hỏi.

“Đúng vậy,” cha Pons đáp.

“Cháu tên là gì?”

“Joseph ạ.”

“Tốt. Không cần phải thay tên: Do Thái hay Công Giáo đều như nhau. Thế còn bố mẹ?”

“Mẹ cháu là Léa. Bố cháu là Michaël.”

“Cô hỏi họ cơ.”

“Bernstein.”

“Ái chà, họ thế thì tai họa rồi! Bernstein... Chúng ta sẽ đổi thành Bertin. Cô sẽ làm giấy tờ cho cháu với tên Joseph Bertin. Đến đây nào, đi theo cô để chụp ảnh.”

Trong góc phòng có cái ghê đẩu chờ sẵn, đặt trước tranh nền vẽ hình bầu trời phía trên một cánh rừng.

Cha Pons chải tóc và chỉnh lại quần áo cho tôi rồi bảo tôi nhìn vào chiếc máy - một cái hộp to bằng gỗ, phía trước có bộ phận xếp nếp, đặt trên chiếc giá cao gần bằng đầu người lớn.

Đúng lúc đó, một ánh chớp sáng khắp phòng, chói lóa và bất ngờ đến mức tôi cứ ngỡ mình đang nằm mơ.

Trong lúc tôi dụi mắt, cô Marcelle đặt một tấm bảng nữa vào trong cái đống xếp nếp kia và hiện tượng ánh sáng ấy lặp lại.

“Nữa đi ạ! tôi kêu lên thích thú.”

“Không, hai cái là đủ. Cô sẽ phóng ảnh tối nay. Cháu không có chấy đấy chứ? Dù gì, cô vẫn cho cháu dung dịch này. Cháu cũng không bị ghẻ đấy chứ? Kiểu gì thì cô cũng sẽ chải cho cháu bằng bàn chải và lưu huỳnh. Còn gì nữa nhỉ? Ông Pons này, ông để cháu ở đây vài ngày rồi tôi sẽ trả lại cho ông, thế có được không?”

“Được.”

Nhưng tôi thì không thấy được chút nào: ý nghĩ phải ở lại một mình với cô làm tôi sợ. Không dám nói ra đều ấy, tôi hỏi câu khác:

“Tại sao cô lại gọi là ông? Phải gọi là cha chứ?”

“Cô thích gì thì nói đấy. Ông Pons biết thừa là cô rất ghét các cha xứ, những người mà cô phải chịu đựng từ khi mới sinh ra, cô còn nhè cả bánh thánh ra cơ. Cô là dược sĩ, nữ dược sĩ đầu tiên của nước Bỉ! Cô gái đầu tiên đã tốt nghiệp! Cô đã học và hiểu về khoa học. Vì thế thưa cha... chỉ dành cho người khác! Vả lại, ông Pons không giận cô vì điều ấy.

“Không hề,” cha Pons nói, “tôi biết cô là người tốt.”

Cô bắt đầu lẩm bẩm như thể từ “tốt” gợi nhớ đến nhà thờ.

“Tôi không tốt, tôi chỉ công bằng. Tôi không thích các cha xứ, tôi không thích Do Thái, tôi không thích người Đức, nhưng tôi không chịu được việc tấn công lủ trẻ.”

“Tôi biết là cô yêu lũ trẻ mà.”

“Không, tôi cũng không yêu lũ trẻ. Nhưng dù gì chúng cũng là người.”

“Vậy thì cô yêu loài người!”

“Này ông Pons, hãy dừng việc muốn tôi yêu cái gì đó đi! Đúng là miệng lưỡi của các cha xứ. Tôi không yêu ai, cũng không yêu cái gì cả. Nghề của tôi là dược sĩ: có nghĩa là giúp người ta sống được. Tôi làm việc của mình, chỉ đơn giản vậy thôi. Nhanh lên, đi đi, ra khỏi cái sàn này cho tôi. Tôi sẽ trả lại cho ông thằng bé này, khỏe mạnh, tươm tất, sạch sẽ, với những giấy tờ giúp nó được yên thân, mẹ kiếp!”

Cô quay người để khỏi phải nói chuyện tiếp. Cha Pons cúi xuống, vừa cười vừa nói nhanh với tôi:

“Mẹ kiếp đã trở thành biệt hiệu của cô ấy trong làng. Cô ấy chửi thề còn nhiều hơn ông đại tá bố cô ấy.”

Mẹ kiếp cho tôi ăn, chuẩn bị giường và ra lệnh, giọng kiểu cấm cãi, cho tôi đi ngủ. Khi đi ngủ tối hôm ấy, tôi không ngăn nổi mình dành phần nào tình cảm mến mộ cho người phụ nữ nói mẹ kiếp tự nhiên đến thế.

symbol21.png

Tôi ở bên cô Marcelle đáng sợ ấy vài ngày. Mỗi tối, sau một ngày làm việc ở tiệm thuốc phía trên hầm, cô điềm nhiên ngồi trước mặt tôi làm giấy tờ giả cho tôi.

“Cháu có thấy phiền nếu cô ghi cháu sáu tuổi thay vì bảy tuổi không?”

“Cháu sắp tám tuổi rồi, tôi cự nự.”

“Vậy là cháu sáu tuổi. Như thế sẽ thận trọng hơn. Không biết chiến tranh sẽ kéo dài đến bao giờ. Càng trưởng thành muộn càng tốt cho cháu.”

Khi cô Marcelle đặt câu hỏi, trả lời cũng chẳng ích gì bởi cô tự hỏi chính mình và chỉ chờ đợi câu trả lời từ chính cô.

“Cháu cũng sẽ nói là bố mẹ cháu đã chết. Chết tự nhiên. Xem nào, chết vì bệnh gì nhỉ?”

“Đau bụng được không ạ?”

“Bị cúm! Một loại cúm cấp tính cực mạnh. Thử kể chuyện của cháu xem nào.”

Khi người khác lặp lại những gì cô đã nghĩ ra thì cô Marcelle lại rất chú ý lắng nghe.

“Cháu là Joseph Bertin, cháu sáu tuổi, cháu sinh ở Anvers và bố mẹ cháu chết vào mùa đông năm ngoái vì bị cúm.”

“Tốt. Này, ngậm viên kẹo bạc hà này đi.”

Khi tôi khiến cô hài lòng, cô làm giống như huấn luyện viên xiếc thú: cô ném cho tôi một viên kẹo và tôi phải bắt lấy nó.

Cha Pons đến thăm chúng tôi hằng ngày, ông không giấu chuyện ông gặp khó khăn khi tìm cho tôi một gia đình nhận cưu mang.

“Trong các trang trại lân cận, tất cả các gia đình “tin cậy” đều đã tiếp nhận một hoặc hai đứa trẻ. Ngoài ra, những người có thể là ứng cử viên cũng đều đang cân nhắc, họ sẽ dễ tiếp nhận hơn nếu đó là một em bé. Joseph đã lớn, bảy tuổi rồi.”

“Sáu tuổi chứ, thưa cha,” tôi phản đối.

Để thưởng cho tôi vì câu nói vừa rồi, cô Marcelle nhét một viên kẹo vào mồm tôi rồi hét lên với cha xứ:

“Nếu ông muốn, ông Pons ạ, tôi có thể đe dọa những người đang ngần ngại.”

“Bằng cách nào?”

“Mẹ kiếp! Nếu họ không tiếp đón những người tị nạn của ông thì họ sẽ không có viên thuốc nào cả! Cho họ chết rã họng ra!”

“Không, cô Marcelle, ta cần các gia đình tự nguyện chấp nhận rủi ro này. Họ có thể vào tù vì tội đồng lõa...”

Cô Marcelle quay về phía tôi.

“Cháu có muốn học nội trú tại trường của cha Pons không?”

Biết là trả lời cũng chẳng ích gì, tôi không động đậy mà để cô nói tiếp.

“Ông hãy nhận nó vào Villa Jaune, ông Pons ạ, ngay cả khi đó là nơi đầu tiên người ta đến tìm những đứa trẻ được che giấu. Nhưng, mẹ kiếp, với những giấy tờ tôi làm cho nó thì...”

“Tôi nuôi cháu nó thế nào đây? Tôi không thể xin chính quyền thêm một cái tem thực phẩm nào nữa. Trẻ con ở Villa Jaune còn đang chẳng đủ ăn, cô biết điều ấy mà.”

“Ôi dào, không vấn đề gì! Ông xã trưởng tối nay sẽ đến đây tiêm. Tôi sẽ xử lý vụ này.”

Đêm đến, sau khi đã hạ cánh cửa sắt của tiệm thuốc ầm ĩ như thể vừa làm nổ tung một cái xe tăng, cô Marcelle đến hầm tìm tôi.

“Joseph, có thể cô sẽ cần cháu giúp, cháu trèo vào rồi ngồi im trong cái tủ treo áo măng tô nhé?”

Thấy tôi không trả lời, cô nổi nóng.

“Cô đang hỏi mày cơ mà! Mẹ kiếp, mày bị ngố hay sao vậy?”

“Vâng, cháu đồng ý.”

Tiếng chuông cửa vang lên, tôi trườn vào giữa đống vải vóc sực mùi băng phiến trong khi cô Marcelle để ông xã trưởng vào theo lối cửa sau tiệm thuốc. Cô đỡ giúp ông cái áo khoác bằng vải gabardine rồi nhét vào tủ ngay trước mũi tôi.

“Càng ngày kiếm insuline càng khó ông Van der Mersch ạ.”

“À, tình hình đang khó khăn mà...”

“Trên thực tế thì tuần tới tôi khó mà tiêm cho ông được! Thiếu thốn! Đứt đoạn! chấm hết!”

“Lạy Chúa... thế thì... bệnh tiểu đường của tôi...”

“Không có cách nào cả ông xã trưởng ạ, trừ phi...”

“Trừ phi gì cơ cô Marcelle? Cô cứ nói! Chuyện gì tôi cũng dám làm.”

“Trừ phi ông đưa cho tôi tem thực phẩm. Tôi có thể mang đi đổi lấy thuốc cho ông.”

Ông xã trưởng trả lời giọng hoảng hốt.

“Không thể được... tôi đang bị theo dõi... dân số trong làng đã tăng quá nhiều mấy tuần nay... và cô biết rõ là tại sao... tôi không thể đòi thêm mà không làm bọn Gestapo chú ý đến chúng ta... điều đó... điều đó sẽ có hại cho chúng ta... Cho tất cả chúng ta!”

“Ông cầm lấy chỗ bông này và rịt chặt vào. chặt hơn thế này!”

Vừa dọa dẫm ông xã trưởng, cô vừa lại gần chỗ tôi, nói qua kẽ cửa, nhanh và nhỏ:

“Lấy chìa khóa trong áo măng tô của ông ấy, chùm bằng sắt ấy, không phải chùm bọc da.”

Tôi cứ ngỡ mình nghe nhầm. Hình như cô đã đoán ra điều ấy? Cô bồi thêm qua kẽ răng:

“Nhanh lên, mẹ kiếp!”

Cô quay lại băng nốt cho ông xã trưởng còn tôi thì quờ quạng tìm chùm chìa khóa.

Sau khi ông xã trưởng rời đi, cô cho tôi ra khỏi tủ và dẫn tôi xuống hầm rồi biến mất vào màn đêm.

symbol21.png

Ngày hôm sau, từ rất sớm, cha Pons đã đến báo với chúng tôi:

“Có chuyện rồi cô Marcelle, tem thực phẩm ở trụ sở xã bị trộm khoắng sạch rồi!”

Cô Marcelle xoa tay vào nhau.

“Thế à? Trộm thế nào vậy?”

“Bọn trộm đã dùng móc mở khóa cửa chớp rồi đập vỡ kính cửa sổ.”

“Ái chà! Ông xã trưởng còn phá cả trụ sở làm việc của mình cơ à?”

“Ý cô là sao? Chính ông ấy đã ăn cắp...”

“Không, là tôi. Dùng chìa khóa của ông ấy. Nhưng khi trả lại chìa khóa vào hộp của ông ấy sáng nay, tôi đã chắc chắn ông ấy sẽ làm giả một vụ bẻ khóa để không bị nghi ngờ. Xem nào ông Pons, hãy cầm lấy đống tem này. Cả tập này là của ông.”

Dù có vẻ quàu quạu và không cười nổi, mắt cô Marcelle vẫn ánh lên niềm vui.

Cô hích vai tôi.

“Đi nào! Bây giờ, cháu đi theo ông cha xứ đi!”

Trong lúc mọi người chuẩn bị hành trang và thu thập giấy tờ giả cho tôi, tôi nhẩm lại câu chuyện về cuộc đời giả của mình, và đến trường vào đúng giờ học sinh ăn trưa.

Tu viện Villa Jaune như một con mèo khổng lồ nằm cuộn mình trên đỉnh đồi. Những cái chân bằng đá từ bậc thềm dẫn đến miệng là một lối vào trước kia được sơn màu hồng, trên đó mấy cái tràng kỷ cũ kỹ đang nằm thè lưỡi đầy đáng ngờ. Trên tầng có hai ô kính lớn hình ô van trông giống như hai con mắt choán cả mặt tiền tòa nhà, nhìn trừng trừng tất cả những ai đi vào khoảnh sân nằm giữa hàng rào và hàng cây tiêu huyền. Trên mái, hai cái ban công của phòng áp mái có lan can dựng đứng bằng sắt uốn trông giống hai cái tai và tòa nhà nơi có phòng ăn tập thể cuộn mình như một cái đuôi bên tay trái.

Chữ “jaune”[\*](#__Tieng_Phap__nghia_la__mau_vang) trong tên của tòa nhà chỉ mang tính tham khảo. Một thế kỷ bụi bẩn, mưa gió, hỏng hóc và những cú sút bóng của đám trẻ đập vào tường đã làm bong tróc và vạch nhằng nhịt lên lớp vữa giờ đã ngả sang màu vàng hung xỉn.

“Chào mừng con đến với Villa Jaune, Joseph,” cha Pons nói với tôi. “Từ giờ trở đi, đây sẽ là trường học và nơi ở của con. Có ba loại học sinh ở đây: học sinh ngoại trú về nhà ăn cơm trưa; học sinh bán trú ở lại ăn trưa và học sinh nội trú, sinh hoạt tại đây. Con sẽ là học sinh nội trú: ta sẽ chỉ giường và tủ của con ở nhà ngủ tập thể cho con.”

Tôi nghĩ đến những điểm khác biệt lần đầu được nghe thấy: ngoại trú, bán trú, nội trú. Tôi thấy thích thú vì đó không chỉ là thứ tự mà còn là thứ bậc: từ học sinh suông đến học sinh trọn vẹn, ở giữa là những học sinh nửa vời. Vậy là ngay lập tức tôi được vào tầng lớp trên. Bị mất tước vị quý tộc cách đây mấy hôm, tôi lại thấy hài lòng vì người ta đã bổ sung ưu đãi cho mình.

Ở nhà ngủ tập thể, tôi ngây ngất khi nhìn thấy tủ của mình - cả đời tôi chưa bao giờ có tủ riêng - và khi ngắm những cái giá trống huơ trống hoác này, tôi mơ về biết bao kho báu sẽ để ở đó, mà không nhận ra rằng, hiện tại, tôi chỉ có hai chiếc vé tàu điện cũ để trưng bày.

“Bây giờ, ta sẽ giới thiệu anh phụ trách của con. Học sinh nội trú nào ở Villa Jaune cũng được một anh lớn hơn bảo vệ. Này Rudy!”

Cha Pons gọi to tên “Rudy” nhiều lần mà chẳng ai trả lời. Các giám thị tiếp lời gọi. Rồi cả đám học sinh nữa. Cuối cùng, sau một lúc lâu đến mức tôi tưởng chừng không thể chịu được, cả trường nháo nhào cả lên thì cái người mang tên Rudy ấy mới xuất hiện.

Khi hứa sẽ cho một “anh lớn” làm anh phụ trách, cha Pons đã không nói dối tôi: Rudy cao lênh khênh. Anh ấy cao đến mức trông như được treo lên một sợi chỉ sau đôi vai xuôi, trong khi tay và chân anh lơ lửng trong không khí, thõng thượt, lòng thòng còn đầu anh đung đưa về phía trước, nặng nề, lù xù đầy những sợi tóc quá nâu, quá dày, quá xơ, không hiểu sao được cắm ở đó. Anh chầm chậm tiến đến để xin lỗi vì sự khổng lổ của mình như thể một con khủng long uể oải nói: “Đừng sợ: ta là người tốt, ta chỉ ăn cỏ thôi.”

“Thưa cha gọi con?” anh hỏi giọng trầm mà uể oải.

“Rudy, đây là Joseph, em đỡ đầu của con.”

“Ôi không thưa cha, đây không phải một ý hay.”

“Con không được cãi.”

“Thằng bé này có vẻ ngoan... nó không đáng phải chịu như vậy.”

“Ta giao cho con đưa em đi thăm trường và dạy em nội quy.”

“Con ấy à?”

“Sau từng ấy lần bị phạt, ta tin là con nắm rõ nội quy hơn ai hết. Đến hồi chuông thứ hai thì con dẫn em đỡ đầu sang lớp bé.”

Cha Pons đi khuất. Rudy nhìn tôi chằm chằm như nhìn một đống củi mà anh ấy phải gùi trên lưng rồi thở hắt ra.

“Mày tên là gì?”

“Joseph Bertin. Em sáu tuổi. Em sinh ra ở Anvers và bố mẹ em chết vì bệnh cúm Tây Ban Nha.”

Anh ngước mắt nhìn lên trời.

“Đừng có nói làu làu như thế, phải đợi người ta đặt câu hỏi đã, nếu mày muốn người ta tin.”

Phật lòng vì đã cư xử vụng về, tôi áp dụng lời khuyên của nữ bá tước De Sully và tấn công phủ đầu:

“Tại sao anh lại không muốn làm anh đỡ đầu của em?”

“Bởi số tao rất đen. Nếu có một cục sạn trong món đậu lăng, kiểu gì tao cũng cắn phải. Nếu có một cái ghế sắp gãy, thể nào tao cũng ngồi phải. Nếu một cái máy bay rơi, kiểu gì cũng xuống đầu tao. Tao đen đủi và tao mang đến sự đen đủi. Ngày tao sinh ra, bố tao mất việc và mẹ tao bắt đầu khóc. Nếu mày đưa tao trồng cây, cây sẽ chết. Nếu mày cho tao mượn xe đạp, xe sẽ thủng lốp. Tao có những ngón tay tử thần. Khi các ngôi sao nhìn tao, chúng run rẩy. Còn mặt trăng thì xoắn đít lại. Tao là thảm họa của vũ trụ, là sai lầm, là thiên tai, là hiện thân của sự đen đủi, một schlemazel thực thụ.”

Sau đó, anh càng tiếp tục phàn nàn, giọng lúc trầm lúc bổng tùy theo cảm xúc, tôi lại càng bò ra cười. Cuối cùng tôi hỏi:

“Có người Do Thái ở đây không anh?”

Anh đứng như trời trồng.

“Người Do Thái ấy hả? Ở Villa Jaune á! Không có ai cả! Không bao giờ! Tại sao mày hỏi tao câu này?”

Anh nắm lấy vai tôi rồi nhìn chằm chằm vào mặt tôi.

“Mày có phải người Do Thái không, Joseph?”

Anh vẫn nhìn tôi chòng chọc. Tôi biết là anh thử độ bình tĩnh của tôi. Ánh mắt anh nghiêm khắc, trong ấy hàm chứa một lời van xin: “Hãy nói dối cho tốt vào, anh xin em, hãy nói dối như thật ấy”.

“Không, em không phải người Do Thái.”

Anh buông vai tôi ra, yên tâm. Tôi tiếp tục:

“Với lại, thậm chí em còn không biết Do Thái nghĩa là thế nào.”

“Tao cũng không biết.”

“Anh Rudy, người Do Thái trông như thế nào?”

“Mũi khoằm, mắt lồi, môi trề, tai lòng thòng.”

“Hình như họ có móng guốc chứ không có chân và còn có đuôi ở mông nữa.”

“Phải xem mới biết được,” Rudy nói vẻ nghiêm túc. “Nói gì đi nữa thì người Do Thái cũng là những người đang bị truy đuổi và bắt giam hiện nay. May là mày không phải người Do Thái Joseph ạ.”

“Và anh nữa, cũng may anh không phải Do Thái Rudy ạ. Nhưng dù sao anh cũng phải tránh nói tiếng Yiddish và đừng nói schlemazel mà hãy nói là kẻ đen đủi.”

Anh giật bắn mình. Tôi mỉm cười. Người này đã chọc thủng bí mật của người kia, từ giờ chúng tôi có thể là đồng bọn của nhau. Để đánh dấu thỏa thuận giữa chúng tôi, anh bảo tôi thực hiện một trò rất phức tạp với các ngón tay, lòng bàn tay và khuỷu tay rồi nhổ nước bọt xuống đất.

“Tao sẽ dắt mày đi thăm Villa Jaune.”

Bằng cử chỉ rất tự nhiên, anh nhét bàn tay nhỏ của tôi vào bàn tay ấm áp khổng lồ của anh như thể chúng tôi là anh em tốt từ bao lâu nay, dẫn tôi đi khám phá thế giới nơi tôi sẽ ở nhiều năm tới.

“Dù thế nào,” anh thì thầm qua kẽ răng, “mày cũng không thấy tao có vẻ gì của một nạn nhân phải không?”

“Nếu anh học cách dùng lược thì tất cả sẽ thay đổi.”

“Thế còn bộ tịch lố lăng của tao? Mày nhìn cái bộ tịch của tao chưa? Chân thì như cái xuồng, tay thì như cái vồ.”

“Bởi vì chúng mọc ra trước các phần còn lại Rudy ạ.”

“Tao như ăn phải bột nở, cứ lớn phổng lên! Biến thành mục tiêu chẳng may mắn gì đâu!”

“Vóc dáng cao to khiến mọi người tin tưởng anh.”

“Hở?”

“Và đám con gái thích thế.”

“Hở... chú mày sẽ thừa nhận rằng cần phải là một thằng vô cùng schlemazel mới tự coi mình là schlemazel!”

“Anh không thiếu may mắn Rudy ạ, mà là thiếu não.”

Tình bạn của chúng tôi bắt đầu như thế: tôi đã ngay lập tức đưa anh đỡ đầu của tôi vào dưới sự bảo hộ của mình.

symbol21.png

Chủ nhật đầu tiên, cha Pons gọi tôi đến văn phòng cha vào lúc chín giờ.

“Joseph, cha rất tiếc: cha muốn con tới dự lễ thánh cùng với các bạn khác ở tu viện.”

“Vâng. Nhưng tại sao cha lại xin lỗi ạ?”

“Con không bị sốc sao? Con sẽ bước vào một nhà thờ Công Giáo chứ không phải nhà thờ Do Thái.”

Tôi nói với ông rằng bố mẹ tôi không đi lễ thường xuyên ở nhà thờ Do Thái và tôi nghĩ họ thậm chí còn không tin ở Chúa.

“Không sao cả,” cha Pons kết luận. “Hãy tin vào bất cứ điều gì con muốn, tin vào Chúa của Israel, Chúa của người Công Giáo hoặc chẳng tin vào gì cả, nhưng ở đây, con hãy cư xử như mọi người, chúng ta sẽ đến nhà thờ của làng.”

“Không phải là nhà nguyện ở phía cuối vườn ạ?”

“Nhà nguyện đó hỏng rồi. Hơn nữa, ta muốn cả làng biết mặt tất cả các con chiên trong đàn của ta.”

Tôi chạy về phòng ngủ tập thể để chuẩn bị. Tại sao tôi lại phấn khích khi đi lễ đến thế nhỉ? Chắc chắn là do tôi cảm thấy trở thành người Công Giáo sẽ có lợi ích rất lớn: điều đó sẽ bảo vệ tôi. Tốt hơn nữa: điều đó khiến tôi trở nên bình thường. Là người Do Thái, hiện tại, có nghĩa là có cha mẹ không thể nuôi dạy tôi, có một cái họ mà đổi đi thì hơn là để nguyên, phải thường xuyên kiểm soát cảm xúc của mình và nói dối. Vậy thì, có lợi ích gì? Tôi rất muốn trở thành một đứa trẻ Công Giáo mồ côi.

Chúng tôi xuống làng Chemlay trong bộ trang phục vải dạ màu xanh dương, xếp hàng hai theo thứ tự từ cao xuống thấp, bước những bước nhịp nhàng theo nhịp một bài hát hướng đạo. Qua nhà nào chúng tôi cũng được chào đón bằng những cái nhìn trìu mến. Người ta cười với chúng tôi. Người ta ra dấu thân thiện. Chúng tôi là một phần của buổi trình diễn ngày Chủ nhật: những đứa trẻ mồ côi của cha Pons.

Chỉ mỗi cô Marcelle, đứng ở bậu cửa hiệu thuốc, trông có vẻ như sắp cắn đến nơi. Khi cha Pons của chúng tôi, người giữ vị trí khóa đoàn, đi ngang qua, cô buột miệng lẩm bẩm:

“Lên đường nhồi sọ! Hãy nuôi chúng bằng khói! Cho chúng hút thuốc phiện đi! Các vị tưởng mình đang an ủi chúng nhưng những thứ ma túy đó là thuốc độc! Nhất là tôn giáo!”

“Chào cô Marcelle,” cha Pons mỉm cười đáp lời, “cơn giận làm cô thật đẹp, sáng Chủ nhật nào cũng thế.”

Ngạc nhiên trước lời khen, cô bực bội trốn vào hiệu thuốc bằng cách kéo cửa nhanh tới mức suýt làm vỡ chuông treo cửa.

Nhóm chúng tôi đi qua vòm cửa tạc đầy những hình điêu khắc đáng sợ và tôi khám phá nhà thờ đầu tiên trong đời.

Được Rudy dặn trước, tôi biết là phải nhúng tay vào âu nước thánh, làm dấu chữ thập trước ngực, khuỵu chân nhanh rồi đi trên lối đi ở giữa. Đứa đi trước kéo, đứa đi sau đẩy, đến lượt mình, tôi bỗng thấy sợ. Tôi lo rằng, khi chạm vào nước thánh, sẽ có một giọng nói vang lên giữa những bức tường này và tức giận hét lên: “Đứa trẻ này không phải người Công Giáo! Đuổi nó ra ngay! Đó là một đứa Do Thái!” Thay vào đó, khi tôi chạm vào, nước sóng sánh ôm lấy tay tôi và quyện dọc các ngón tay tôi, mát lành và thuần khiết. Được cổ vũ, tôi chú tâm vẽ trên mình một dấu thập đối xứng hoàn hảo rồi quỵ gối nơi các bạn đã làm như vậy trước khi ngồi vào băng ghế cùng họ.

“Giờ đây chúng ta đang ở trong nhà của Chúa, một giọng lanh lảnh vang lên. Cảm ơn Người đã tiếp nhận chúng con trong vòng tay Người.”

Tôi ngẩng đầu: để gọi là một ngôi nhà thì đúng là một ngôi nhà thật! Không phải nhà của bất kỳ ai! Một ngôi nhà không cửa, không vách ngăn với những khuôn cửa sổ đầy màu sắc được đóng kín, với những chiếc cột chẳng để làm gì và trần nhà dạng vòm. Tại sao trần nhà lại cong? Lại cao đến thế? Lại không có cả đèn chùm nữa? Và tại sao xung quanh cha xứ lại thắp đầy nến giữa ban ngày ban mặt thế này nhỉ? Liếc vòng quanh, tôi thấy có vừa đủ ghế cho mỗi người trong số chúng tôi. Thế thì Chúa sẽ ngồi đâu? Và tại sao ba trăm con người chen chúc nhau trong căn nhà này lại chiếm ít chỗ đến thế? Toàn bộ không gian xung quanh chúng tôi có tác dụng gì? Chúa sống ở đâu trong căn nhà của ông?

Mấy bức tường rung lên và những tiếng rung này trở thành âm nhạc: tiếng đàn ống vang lên. Âm bổng gãi vào tai tôi. Âm trầm làm mông tôi rung lên. Những âm điệu trầm bổng lan tỏa, khỏe khoắn và hào sảng.

Trong vòng đúng một giây, tôi đã hiểu ra tất cả: Chúa đang hiện hữu. Khắp nơi xung quanh chúng tôi. Khắp nơi bên trên chúng tôi. Chính là Người, không khí dao động, không khí hát, không khí vang vang dưới mái vòm, không khí trườn theo các vòm trên cao. Chính là Người, không khí hòa trộn với những sắc màu trên các ô kính sặc sỡ, không khí óng ánh, không khí đổi màu, không khí sực nức mùi mộc dược, sáp ong và vị ngọt của những bông hoa ly.

Tim tôi ngập tràn hạnh phúc, lòng tôi vững chãi. Tôi hít Chúa đến căng lồng ngực, đến mức sắp ngất.

Nghi lễ vẫn tiếp diễn. Tôi chẳng hiểu gì cả, tôi vừa uể oải vừa đê mê chiêm ngưỡng buổi lễ. Khi tôi cố nghe lời hát, những ca từ vượt quá trình độ hiểu biết của tôi. Chúa là một, rồi hai - đức chúa Cha, đức Chúa Con - và đôi khi là ba - cha, Con và Thánh thần. Thánh thần là ai? Một người bà con? Đột nhiên, tôi phát hoảng: Chúa là bốn người! Vị linh mục Chemlay vừa thêm vào một người phụ nữ: Đức Mẹ Đồng trinh Marie. Rối trí bởi số lượng các vị thần tăng lên đột ngột, tôi bỏ qua phần nói về bảy gia đình và lao vào các bài hát bởi tôi rất thích cất tiếng hát.

Khi linh mục bảo sẽ phân phát những chiếc bánh thánh, tôi vừa tự động đứng vào hàng thì các bạn giữ tôi lại.

“Mày không có quyền. Mày bé quá. Mày còn chưa làm lễ ban thánh thể.”

Dù thất vọng, tôi cũng thở phào thoải mái: chúng không ngăn tôi do tôi là người Do Thái, tức là điều đó đã không lộ ra.

Khi quay về Villa Jaune, tôi chạy tới chỗ Rudy để chia sẻ cơn hào hứng của mình với anh. Chưa từng được xem một vở diễn hay buổi hòa nhạc nào, tôi đánh đồng niềm vui thưởng thức nghệ thuật với nghi lễ Công Giáo. Rudy chịu khó nghe tôi rồi lắc đầu.

“Tuy nhiên, chú mày vẫn chưa nhìn thấy thứ đẹp nhất...”

“Gì cơ?”

Anh leo lên lấy thứ gì đó trong tủ của mình và ra hiệu cho tôi đi theo ra công viên. Giấu mình dưới tán cây dẻ, tránh khỏi những ánh mắt tọc mạch, chúng tôi ngồi xổm trên mặt đất và anh chìa vật đó cho tôi xem.

Đó là một cuốn sách kinh bằng da dê thuộc, khi chạm vào tôi cảm nhận được nó mềm không tưởng, phía ngoài các trang được mạ vàng khiến ta liên tưởng đến họa tiết bằng vàng trên bàn thờ, các dải đánh dấu trang bằng lụa gợi nhớ đến những chiếc áo lễ màu xanh của giáo sĩ. Anh rút từ đó ra mấy tấm thẻ tuyệt đẹp. Trên tấm nào cũng in hình cùng một người phụ nữ dù rằng nét mặt, kiểu tóc, màu mắt và màu tóc có khác nhau. Tại sao có thể nói là cùng một người nhỉ? Là vì ánh sáng trên trán bà, ánh mắt trong vắt, màu da nhợt đến khó tin cùng đôi má hồng hồng, bộ váy đơn giản với những nếp gấp, khiến bà trông quý phái, rạng rỡ như một bà hoàng.

“Ai vậy?”

“Đức Mẹ Đồng trinh Marie. Mẹ của Jésus. Vợ của Chúa trời.”

Thảo nào, bà đúng là có khí chất thần thánh. Bà tỏa rạng. Như có sự lan truyền, ngay cả tấm thẻ cũng như không còn làm bằng bìa mà bằng bánh trứng, lòng trắng trứng được đánh bông lên chói lóa, giữa các phần lồi lõm là những chi tiết được đổ khuôn với phần diềm đăng ten màu xanh dương tinh tế kết hợp với màu hồng bay bổng, những sắc màu pastel còn bồng bềnh hơn cả những đám mây được ánh ban mai cù nhẹ vào.

“Anh nghĩ có phải là vàng không?”

“Chắc chắn rồi.”

Tôi vuốt đi vuốt lại mái tóc quý giá ôm lấy khuôn mặt hiền hậu của người phụ nữ ấy. Tay tôi lướt nhẹ trên vàng. Tôi vuốt ve chiếc mũ của Marie. Mẹ của Chúa Jésus để mặc tôi làm như vậy.

Không hiểu sao, đột nhiên mắt tôi rơm rớm và tôi thả mình nằm xuống đất. Rudy cũng thế. Chúng tôi khe khẽ khóc, những tấm thẻ thánh thể đặt trên ngực. Mỗi đứa nghĩ về mẹ mình. Mẹ đang ở đâu? Vào lúc này mẹ có cảm nhận được sự bình an của Đức Mẹ Marie không? Liệu trên gương mặt mẹ giờ có hiện hữu thứ tình yêu mà chúng tôi đã thấy nghiêng về phía mình cả nghìn lần và chúng tôi đang thấy lại trên những tấm thẻ này, hay là nỗi muộn phiền, sợ hãi, tuyệt vọng?

Tôi khẽ hát bài hát mẹ vẫn ru và ngắm bầu trời qua vòm lá. Rudy cất tiếng hát khàn khàn hòa vào giọng tôi, thấp hơn hai quãng. Chính lúc đó cha Pons tìm thấy chúng tôi, hai đứa trẻ vừa hát một bài hát trẻ con bằng tiếng Yiddish vừa khóc bên những hình ảnh thánh thiện của Đức Mẹ Marie.

Thấy cha xứ đến, Rudy lẩn đi. Mười sáu tuổi, anh ấy sợ bị chế giễu hơn tôi. Cha Pons đến ngồi cạnh tôi.

“Con không cảm thấy quá bất hạnh khi ở đây chứ?”

“Không ạ, thưa cha.”

Tôi nuốt nước mắt và cố làm cha vui.

“Con rất thích buổi lễ. Và con vui vì tuần này đã đến lớp giáo lý.”

“Tốt quá, cha xứ nói với vẻ không tin lắm.”

“Con nghĩ rằng sau này, con sẽ là một người Công Giáo.”

Cha xứ nhìn tôi trìu mến.

“Con là người Do Thái Joseph ạ, ngay cả khi con chọn tôn giáo của ta thì con vẫn là người Do Thái.”

“Là người Do Thái nghĩa là như thế nào ạ?”

“Là người được chọn. Hậu duệ của dân tộc được Chúa trời chọn cách đây hàng nghìn năm.”

“Tại sao Người lại chọn chúng con? Vì chúng con tốt hơn những người khác? Hay xấu hơn?”

“Chẳng phải thế này cũng chẳng phải thế kia. Dân tộc con không có ưu điểm hay khuyết điểm nào đặc biệt cả. Sự lựa chọn từ trên trời rơi xuống, vậy thôi.”

“Cái gì rơi xuống ạ?”

“Một sứ mệnh. Một nhiệm vụ. Chứng minh cho loài người thấy là chỉ có một Chúa trời và qua Chúa trời, buộc con người phải tôn trọng lẫn nhau.”

“Con có cảm giác là Người đã thất bại, phải không cha?”

Cha xứ không nói gì, tôi tiếp tục.

“Nếu dân tộc con được chọn, thì đó là chọn làm tấm bia. Hitler muốn giết chúng con.”

“Liệu có thể là vì điều đó không? Bởi dân tộc con là trở ngại đối với sự man rợ của hắn. Nhiệm vụ mà Chúa đã giao cho dân tộc con đặc biệt chứ không phải dân tộc con đặc biệt. Con có biết là Hitler muốn trừ khử cả người Công Giáo nữa không?”

“Hắn không thể làm điều đó, người Công Giáo quá đông!”

“Hiện thời thì hắn không thể. Hắn đã thử ở nước Áo rồi nhanh chóng dừng lại. Tuy nhiên, điều này đã nằm trong kế hoạch của hắn. Người Do Thái rồi đến người Công Giáo. Hắn tấn công bắt đầu từ dân tộc con và sẽ kết thúc bằng chúng ta.”

Tôi hiểu rằng tình đoàn kết là một trong những động cơ khiến cha hành động như vậy chứ không đơn thuần chỉ là lòng tốt. Điều này làm tôi yên tâm đôi chút. Tôi lại nghĩ tới ông bà bá tước De Sully.

“Thưa cha, liệu có phải vì con là hậu duệ của một chủng tộc đã có từ nhiều nghìn năm và là chủng tộc đáng quý nên con là quý tộc không ạ?”

Rất ngạc nhiên, cha xứ sững người một chút rồi thì thầm:

“Đúng rồi, con là quý tộc.”

“Đấy chính là điều con cảm thấy.”

Tôi thấy nhẹ nhõm vì trực giác của mình được khẳng định. Cha Pons nói tiếp:

“Với ta, con người, ai cũng là quý tộc cả.”

Tôi bỏ qua câu cuối cùng này để chỉ giữ lại điều làm tôi thỏa nguyện.

Trước khi đi, cha vỗ vai tôi:

“Có thể cha sẽ làm con sốc nhưng cha không muốn con quá chú ý tới giáo lý hay nghi lễ. Con cứ học càng ít càng tốt, con đồng ý không?”

Cha đi xa dần để lại tôi đang tức điên vì giận dữ. À, thì ra vì tôi là người Do Thái, nên tôi không có quyền được sống trong thế giới bình thường! Người ta chỉ cho tôi mượn nó trong chốc lát. Tôi không được biến nó thành thế giới của mình. Người Công Giáo thích co cụm riêng với nhau, một đám đạo đức giả và dối trá!

Giận điên người, tôi tìm gặp Rudy và trút hết cơn giận dành cho cha Pons với anh. Không buồn an ủi tôi, anh khuyên tôi nên giữ khoảng cách với cha.

“Chú mày có lý khi nghi ngờ như vậy, cha cũng chẳng đàng hoàng lắm đâu. Tao phát hiện ông ấy có một bí mật.”

“Bí mật gì?”

“Một cuộc sống khác. Một cuộc sống được che giấu. Một cuộc sống đáng xấu hổ, chắc chắn là như vậy.”

“Gì cơ?”

“Không có gì, nhẽ ra tao không nên nói gì cả.”

Tôi đã phải ám Rudy đến tận tối để đến mức anh không thể chịu nổi nữa, đành phải kể với tôi điều mình phát hiện ra.

Đêm nào cũng vậy, sau khi đèn tắt, khi nhà ngủ tập thể đóng cửa, cha Pons nhẹ nhàng đi xuống cầu thang, thận trọng mở cửa sau như kẻ cắp và đi ra vườn rồi hai, ba tiếng sau mới quay trở về. Trong thời gian ấy, ông vẫn để đèn trong phòng nhằm giả vờ mình vẫn ở đó.

Rudy đã phát hiện ra và xác nhận những lần đi về của ông khi chính anh cũng trốn khỏi nhà ngủ tập thể để ra nhà vệ sinh hút thuốc.

“Vậy ông ấy đi đâu?”

“Tao chịu. Chúng ta không có quyển ra khỏi Villa.”

“Em sẽ tìm hiểu.”

“Mày ấy à! Mày mới có sáu tuổi!”

“Trên thực tế là bảy. Gần tám rồi.”

“Mày sẽ bị đuổi cổ!”

“Anh nghĩ là người ta sẽ trả em về nhà á?”

Mặc kệ Rudy phản đối kịch liệt việc trở thành tòng phạm với tôi, tôi vẫn trấn được cái đồng hồ của anh và nóng lòng đợi đến tối, thậm chí không cần cưỡng lại cơn buồn ngủ.

symbol21.png

Chín rưỡi tối, tôi luồn lách giữa mấy dãy giường đến tận hành lang và từ chỗ đó, khuất sau một cái chảo lớn, tôi thấy cha Pons đi xuống lặng lẽ như cái bóng dọc theo bờ tường.

Quỷ quái và nhanh chóng, ông rút cái chốt to bè của cánh cửa sau rồi lẩn ra ngoài. Bị chậm một chút do phải cố đẩy cánh cửa sao cho không gây tiếng động, tôi suýt mất dấu thân hình mảnh khảnh của ông giữa những hàng cây. Đây có phải cùng là một con người, vị cha xứ đáng kính, ân nhân của đám trẻ, đang lướt nhanh dưới ánh trăng mờ, uyển chuyển hơn cả sói, đi vòng qua mấy bụi cây và gốc cây mà tôi đang giẫm lên bằng đôi chân đi đất của mình? Tôi run lên khi thấy ông bỏ xa mình. Tệ hơn, tôi sợ là ông biến mất rồi lại hiện hình thành một sinh vật đáng sợ gắn với những điều hắc ám nhất.

Ồng đi chậm lại trong khoảng rừng thưa cuối vườn, nơi bức tường bao dựng lên. Chỉ có một lối ra duy nhất, cánh cửa thấp bằng sắt mở ra phía con đường, bên cạnh nhà nguyện đổ nát. Với tôi, cuộc rượt đuổi dừng lại ở đó: tôi không bao giờ dám bám theo ông khi trên mình mặc mỗi pyjama, chân lạnh cóng, giữa bóng tối ở một vùng nông thôn xa lạ. Nhưng ông tiến đến bên khu nhà thờ nhỏ, rút từ trong áo choàng ra chiếc chìa khóa to tướng, mở cửa bước vào rồi khóa nhanh hai vòng.

Vậy đó, bí mật của cha Pons đây ư? Ông đến cầu nguyện một mình, kín đáo, vào buổi tối, ở phía cuối khu vườn. Tôi thất vọng. Còn gì vô nghĩa hơn nữa! Còn gì kém lãng mạn hơn nữa! Run cầm cập vì lạnh, các ngón chân ướt nhẹp, tôi chỉ còn nước quay về.

Đột nhiên, cánh cửa gỉ sét mở ra và một người lạ bước từ ngoài vào khu vườn với một cái bao trên lưng. Không ngần ngừ, bóng người đi về phía nhà nguyện rồi kín đáo gõ cửa theo một nhịp nhất định, chắc chắn là mật hiệu.

Cha xứ mở cửa, thì thầm với người lạ vài câu, lấy cái bao rồi lại khóa cửa. Người kia đi ngay lập tức.

Tôi nấp yên sau gốc cây, sững sờ. Cha xứ làm chuyện gì mờ ám vậy? Ông lấy gì trong cái bao kia?

Tôi ngồi xuống đám rêu, lưng dựa vào một cây sồi, quyết định đợi những đợt giao hàng mới.

Bầu không khí yên lặng của đêm vỡ vụn từ mọi phía, như thể ngọn lửa sợ hãi đang thiêu đốt nó. Những tiếng động thoáng qua cứ nổ lốp bốp, các tia lửa tóe lên rồi tắt lịm, không thể cắt nghĩa, những vết rách ngắn, những lời than thở không thể hiểu nổi giống như nỗi đau câm nín tiếp theo đó. Tim tôi đập quá nhanh. Một gọng kìm đang siết chặt lấy hộp sọ của tôi. Nỗi sợ trong tôi mang dáng dấp của một cơn sốt.

Điều duy nhất làm tôi yên tâm là tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ. Trên cổ tay tôi, không suy chuyển, thân thiện, mặt đồng hồ của Rudy không bị bóng tối tác động và vẫn tiếp tục đo thời gian.

Nửa đêm, cha Pons ra khỏi nhà nguyện, khóa cửa cẩn thận rồi đi về phía Villa.

Tôi suýt chặn ông lại khi ông đi ngang qua vì tôi quá mệt nhưng ông đi rất nhanh giữa hàng cây nên tôi không kịp làm điều ấy.

Khi quay về, tôi ít cẩn trọng hơn lúc đi. Tôi nhiều lần giẫm phải đám cành cây khô. Mỗi lần có tiếng động, cha xứ dừng lại, lo lắng và nhìn chăm chăm vào màn đêm dò xét. Đến Villa Jaune, ông biến mất trong đó rồi kéo chốt kèn kẹt sau lưng.

Bị nhốt bên ngoài tu viện là điều tôi không ngờ đến trước đó! Tòa nhà cao, sừng sững, tối thui, thù nghịch trước mắt tôi. Cái lạnh cùng việc thức đêm đã làm tôi kiệt sức. Tôi phải làm gì đây? Không chỉ có việc ngày mai người ta sẽ phát hiện ra tôi đã ở ngoài cả đêm mà vấn đề nữa là bây giờ tôi sẽ ngủ ở đâu đây? Liệu sáng mai tôi có còn sống nữa không?

Tôi ngồi trên bậu cửa và bắt đầu khóc. Ít nhất việc ấy cũng khiến người tôi ấm lên. Nỗi buồn gợi ý cho tôi một cách hành xử: chết! Đúng vậy, cao quý nhất là chết, chết ngay.

Một bàn tay đặt lên vai tôi.

“Nào, vào nhanh lên!”

Theo phản xạ, tôi giật nẩy mình. Rudy liếc tôi, mặt buồn bã.

“Khi không thấy chú mày đi lên sau cha xứ, tao đã hiểu là chú mày gặp rắc rối.”

Dù anh là anh đỡ đầu của tôi, dù anh cao hai mét và dù tôi phải nghiêm khắc với anh nếu muốn giữ được uy quyền của mình, tôi lao vào vòng tay anh và chấp nhận, với vài giọt nước mắt, rằng tôi mới chỉ bảy tuổi.

symbol21.png

Ngày hôm sau, vào giờ ra chơi, tôi thổ lộ điều mình đã khám phá cho Rudy. Vẻ hiểu biết, anh đưa ra nhận định của mình:

“Chợ đen rồi! Như mọi người thôi, ông ấy buôn bán chợ đen. Chẳng có gì khác.”

“Thế ông lấy gì trong cái bao ?”

“Đồ ăn chứ còn cái khỉ gì nữa!”

“Tại sao ông không mang cái bao vào đây?”

Rudy không trả lời được câu hỏi này. Tôi tiếp tục:

“Tại sao ông phải ở nhà nguyện tới hai tiếng trong cảnh tối tăm? Ông làm gì?”

Rudy gãi cái đầu bù xù của mình để tìm ý trả lời.

“Tao không biết... Có thể ông ấy ăn những thứ có trong cái bao!”

“Cha Pons ăn suốt hai tiếng mà gầy như thế ư? Ăn thứ đựng trong một cái bao to như thế? Anh có tin vào điều mình nói không?”

“Không.”

Suốt cả ngày tôi quan sát cha Pons mỗi khi có dịp. Ông che giấu bí mật gì đây? Ông cư xử hết sức bình thường, đến mức tôi thấy sợ ông. Làm sao người ta có thể giả vờ đến mức ấy? Làm sao người ta có thể lừa gạt giỏi đến vậy? Sự hai mặt mới khủng khiếp làm sao! Nếu ông là quỷ khoác áo thầy tu thì sao?

Trước bữa ăn tối, Rudy tung tăng nhảy đến chỗ tôi.

“Tao biết rồi: ông ấy thuộc quân kháng chiến. Có lẽ ông ấy giấu một chiếc máy phát vô tuyến trong nhà nguyện đổ nát. Mỗi tối, ông nhận thông tin và chuyển đi.”

“Anh nói có lý đấy!”

Ý nghĩ này làm tôi vui vì nó cứu cha Pons, khôi phục lại hình ảnh người anh hùng đã đến đón tôi ở nhà Sully.

Cuối buổi chiều, cha Pons tổ chức đá bóng ma trên sân. Tôi từ chối chơi để có thể ngắm ông rõ hơn, thoải mái, tốt bụng, tươi cười giữa đám trẻ mà ông bảo bọc chống lại bọn Quốc xã. Chẳng có nét ma quái nào phát ra từ ông. Chỉ có lòng tốt hiển hiện. Rõ như ban ngày.

symbol21.png

Những ngày sau đó tôi ngủ ngon hơn một chút. Bởi từ khi đến đây, đêm nào tôi cũng sợ hãi. Trên giường sắt, nằm giữa mấy lớp chăn ga lạnh toát, dưới mái trần cao vút của nhà ngủ tập thể, bên dưới là cái đệm mỏng đến mức xương tôi đập cả vào phần lò xo kim loại trên giát giường, dù ở chung phòng với ba mươi đứa nữa và một giám thị, tôi thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết. Tôi sợ mình ngủ thiếp đi, tôi thậm chí còn ngăn mình ngủ, và trong những lúc đấu tranh như thế, tôi cũng chẳng thích bản thân mình. Tệ hơn, nó làm tôi ghê tởm. Quả thật, tôi chỉ là một mảnh giẻ rách bẩn thỉu, một con rận, tệ hơn cả một đống phân bò. Tôi tự hành hạ mình, tự mắng mình, tự dành cho mình những hình phạt khủng khiếp. “Nếu ngủ thì mày phải mất viên bi đẹp nhất của mày, viên đá mã não đỏ cho thằng mày ghét nhất. Nào, mất cho thằng Fernand!” Tuy nhiên, bất chấp những lời đe dọa, tôi lại nhượng bộ lần nữa... Cẩn trọng cũng chẳng ích chi, sáng ra tôi thức dậy, hông dính bết xuống một vết nong nóng, âm ẩm, bốc mùi cỏ mới cắt nồng nặc mà ban đầu tôi còn thích tiếp xúc, tôi thậm chí còn sung sướng lăn trên đấy, thế rồi, thật khủng khiếp, tôi ý thức được rằng mình lại tè dầm thêm lần nữa! Tôi lại càng xấu hổ hơn vì từ nhiều năm nay tôi đã trở nên sạch sẽ. Vậy mà Villa Jaune lại khiến tôi thụt lùi, không hiểu tại sao.

Trong vài đêm, lúc chìm vào giấc ngủ, đầu đặt trên gối, có thể là nhờ nghĩ tới sự anh hùng của cha Pons, nên tôi có thể kiểm soát được bàng quang của mình.

Một chiều Chủ nhật, Rudy đi về phía tôi, vẻ đầy mưu mô.

“Tao đã có chìa khóa...”

“Của cái gì?”

“Chìa khóa nhà nguyện chứ còn gì nữa.”

“Chúng tôi sẽ có thể xác minh được hành động của vị anh hùng của mình.”

Vài phút sau, hết hơi nhưng hào hứng, chúng tôi thâm nhập được vào nhà nguyện.

Nó trống trơn.

Không ghế băng, không ghế cầu kinh, không bàn thờ. Không có gì ngoài mấy bức tường nham nhở. Sàn nhà đầy bụi. Mạng nhện khô cong, cứng đờ. Không có gì. Một tòa nhà cũ kỹ, không có gì đáng chú ý.

Chúng tôi không dám nhìn nhau, đứa này sợ phải nhận ra trong nỗi thất vọng của đứa kia nỗi thất vọng của chính mình.

“Trèo lèn tháp chuông xem. Nếu có máy phát thì nó phải ở trên cao.”

Chúng tôi chạy như bay lên cầu thang xoáy trôn ốc. Trên cao chỉ có vài đống phân chim bồ câu đợi chúng tôi.

“Thế là thế nào, không thể thế được!”

Rudy giậm chân. Giả thiết của anh đã sụp đổ. Cha xứ đã thoát khỏi chúng tôi. Chúng tôi không tìm ra được bí mật của ông.”

Với tôi chuyện còn tệ hơn, tôi không còn có thể tự thuyết phục mình rằng ông là một anh hùng.

“Chúng ta về thôi.”

Khi lại đi qua khoảnh rừng, bị giày vò bởi câu hỏi - cha xứ làm gì mỗi đêm giữa mấy bức tường trống trơn tối om này? -, chúng tôi không nói với nhau câu nào. Tôi đã quyết định: tôi sẽ không đợi thêm một ngày nào nữa mới đi khám phá câu trả lời, nhất là khi tôi có nguy cơ lại làm lụt tấm đệm của mình.

Đêm. Khung cảnh im lìm như chết. Lũ chim lặng tiếng.

Chín giờ rưỡi, tôi đã đứng canh ở cầu thang của Villa, chuẩn bị kỹ hơn lần trước, một cái khăn quấn quanh cổ, giày bọc ít vải dạ trộm được ở xưởng sửa chữa, để không gây ra tiếng động.

Bóng đen bước xuống cầu thang và tiến ra khu vườn nơi màn đêm xóa nhòa mọi hình dạng.

Đi đến nhà nguyện, tôi nhảy vào khoảnh rừng thưa rồi gõ mật hiệu lên cánh cửa gỗ.

Cánh cửa mở hé và không đợi có phản ứng gì, tôi lách vào trong.

“Cái gì thế này...”

Cha Pons không kịp nhận ra tôi, ông chỉ thấy một cái bóng nhỏ hơn thường lệ. Theo phản xạ, ông khóa trái cửa sau lưng tôi. Cả hai chúng tôi kẹt trong cảnh tranh tối tranh sáng, không nhìn ra đường nét hay thậm chí dáng người của đối phương.

“Ai vậy?” cha hét lên.

Phát hoảng vì đã liều lĩnh đến vậy, tôi không mở miệng được.

“Ai đấy?” cha lặp lại, lần này giọng đã trở nên đe dọa.

Tôi muốn chạy trốn. Một tiếng xoẹt vang lên và ánh sáng bùng lên. Mặt cha Pons xuất hiện sau một que diêm, biến dạng, nhăn nhó, lo lắng. Tôi lùi lại. Ngọn lửa sáp lại gần.

“Gì thế này? Con đấy à Joseph?”

“Vâng.”

“Sao con lại dám rời Villa?”

“Con muốn biết cha làm gì ở đây.”

Tôi nói liền một hơi những nghi ngờ của mình, chuyến theo dõi, các câu hỏi và cả chuyện nhà thờ trống trơn nữa.

“Con quay lại nhà ngủ ngay lập tức.”

“Không ạ.”

“Con phải nghe lời ta.”

“Không. Nếu cha không nói cho con là cha làm gì, con sẽ hét ầm lên và đồng phạm của cha sẽ biết là cha không giữ được bí mật.”

“Con đang tống tiền đấy Joseph.”

Đúng lúc đó, tiếng gõ cửa vang lên. Tôi im bặt. Cha Pons mở cửa, thò đầu ra ngoài, lấy cái bao vào sau vài lời thì thầm ngắn gọn.

Khi người giao hàng bí mật đi xa rồi, tôi kết luận:

“Cha thấy đấy. Con đã im lặng. Con ở phe cha, không phải chống lại cha.”

“Ta không tha thứ cho đám gián điệp Joseph ạ.”

Mây trôi đi, mặt trăng lộ ra chiếu ánh sáng xanh vào phòng, làm mặt chúng tôi xám xịt. Đột nhiên tôi thấy cha quá gầy, quá mảnh khảnh, một dấu hỏi vẽ bằng than trên vách tường, gần giống bức biếm họa người Do Thái độc ác mà bọn Quốc xã dán trên tường khu chúng tôi ở, ánh mắt căng lên vì lo lắng. Ông mỉm cười.

“Thôi nào, đến đây!”

Cầm tay tôi, ông dẫn tôi đến gian nhà bên trái nhà nguyện, ở đó ông nhấc một tấm thảm cũ cứng đơ vì bụi bẩn ra. Dưới đất có một vòng tròn xuất hiện. Cha nhấc lên. Một lối đi xuất hiện.

Cầu thang dẫn xuống lòng đất đen ngòm. Trên bậc đầu tiên để sẵn một cây đèn dầu. Cha châm đèn rồi bước chầm chậm xuống địa đạo, khoát tay bảo tôi đi theo.

“Bên dưới nền nhà thờ thì có gì hả Joseph?”

“Một căn hầm ạ?”

“Hầm trú ẩn.”

Chúng tôi xuống đến bậc thang cuối cùng. Mùi nấm tươi bốc lên từ lòng đất. Hơi thở của đất chăng?

“Thế có gì ở hầm trú ẩn của ta hả con?”

“Con không biết.”

“Một nhà thờ Do Thái.”

Cha châm vài ngọn nến lên và tôi nhìn thấy nhà thờ Do Thái bí mật mà cha đã thu xếp. Dưới một tấm màn làm bằng vải dày thêu, cha giấu một cuộn kinh Torah, một tấm da dài trên đó viết đầy những dòng chữ thiêng. Một bức ảnh Jérusalem có chỉ hướng để quỳ lạy, bởi lời cầu nguyện được chuyển đến Chúa qua thành phố này.

Sau lưng chúng tôi, những kệ giá chất đầy đồ.

“Đó là gì vậy ạ?”

“Bộ sưu tập của ta.”

Ông chỉ tay về phía những quyển sách kinh, những bài thơ bí ẩn, những lời ghi chú của các giáo sĩ, những giá nến bảy hoặc chín nhánh. Bên cạnh một chiếc máy hát là nhiều chồng đĩa đen nhánh.

“Đây là đĩa gì vậy ạ?”

“Những bản nhạc cầu nguyện, những bài hát tiếng Yiddish. Con có biết ai là nhà sưu tầm đầu tiên trong lịch sử nhân loại không Joseph bé nhỏ?”

“Không ạ!”

“Đó là Noé.”

“Con không quen.”

“Cách đây đã rất lâu, những trận mưa không ngớt cứ đổ xuống mặt đất. Nước đục thủng mái nhà, làm tường vỡ nứt, phá hủy những cây cầu, nước ngập đầy đường đi và khiến các con sông lớn, nhỏ tràn bờ. Nhiều trận lũ lớn cuốn trôi làng mạc, thành phố. Những người sống sót rút lên núi cao, ban đầu thì đó là chỗ trú ẩn an toàn, nhưng sau đó do sụt lở và ngấm nước, các vết nứt xuất hiện rồi núi lở từng mảng lớn. Có một người tên là Noé dự cảm rằng toàn bộ hành tinh của chúng ta sẽ ngập trong nước. Và thế là ông bắt đầu sưu tầm. Được các con trai và con gái của mình trợ giúp, ông sưu tầm từng cặp đực cái của các loài sinh vật trên trái đất, cáo đực và cáo cái, hổ đực và hổ cái, trĩ đực trĩ cái, một cặp nhện, đà điều, rắn... chỉ không sưu tầm các loài cá và sinh vật có vú sống dưới biển bởi chúng sẽ sinh sôi nảy nở nhiều khi đại dương ngày càng mở rộng. Cùng lúc đó, ông cũng đóng một con thuyền khổng lồ. Khi nước dâng đến chỗ ông, ông cho tất cả loài vật và những người còn sống sót lên thuyền. Thuyền của Noé đã lênh đênh nhiều tháng không biết đi đầu về đâu trên mặt đất đã biến thành biển cả mênh mông. Thế rồi mưa ngừng rơi. Nước rút dần. Ông Noé lo không thể tiếp tục nuôi sống mọi sinh vật trên tàu của mình. Ông thả một con chim bồ câu ra và con chim đã quay trở lại, ngậm trong mỏ một nhành lá ô liu tươi, dấu hiệu cho thấy cuối cùng đã có những chỏm núi vượt trên các ngọn sóng. Ông hiểu rằng mình đã thắng trong cuộc thách đố điên rồ: cứu được tất cả các tạo vật của Chúa.”

“Tại sao Chúa không tự cứu các tạo vật của mình? Người mặc kệ à? Hay lúc đó Người dang đi nghỉ?”

“Chúa chỉ tạo ra vũ trụ một lần. Người đã tạo ra linh tính và trí thông minh để chúng ta tự xoay xở mà không cần Người.”

“Ông Noé là hình mẫu của cha à?”

“Đúng. Giống như ông ấy, ta sưu tầm. Hồi còn nhỏ, ta sống ở Congo thuộc Bỉ, nơi cha ta là một công chức; người da trắng ở đó coi khinh người da đen và ta đã bắt đầu sưu tầm những đồ vật của người bản địa.

“Bộ sưu tập đó giờ ở đâu ạ?”

“Ở bảo tàng Namur. Ngày nay, nhờ có các họa sĩ, thứ đó lại thành mốt: người ta gọi là “nghệ thuật của người da đen”. Hiện ta đang sưu tầm hai thứ: đồ của người Digan và đồ của người Do Thái. Những thứ mà Hitler muốn loại bỏ.”

“Sao cha không giết quách Hitler đi thì chẳng sẽ tốt hơn?”

Không trả lời tôi, cha đưa tôi đến xem đống đồ đó.

“Tối nào ta cũng rút vào đây để nghiền ngẫm những cuốn sách Do Thái. Và ban ngày, ở văn phòng, ta học tiếng Hebrew. Ai mà biết được...”

“Ai mà biết được gì cơ ạ?”

“Nếu trận đại hồng thủy lại xảy ra, nếu trong vũ trụ này không còn người Do Thái nào nói được tiếng Hebrew, thì ta có thể dạy con. Và con sẽ dạy cho người khác.”

Tôi gật đầu. Với tôi, vào giờ muộn như thế này, với khung cảnh tuyệt vời của hầm trú ẩn, một cái hang Ali Baba rung rinh dưới ánh nến run rẩy, đây vừa là một trò chơi vừa là một thực tế. Tôi hăng hái nói, giọng sang sảng:

“Vậy thì cha là ông Noé còn con là con của cha!”

Xúc động, cha Pons quỳ xuống trước mặt tôi. Tôi nhận thấy ông muốn ôm tôi mà không dám. Cũng tốt.

“Chúng ta sẽ thỏa thuận như thế này nhé, con đồng ý không? Con, Joseph, con sẽ giả vờ là người Công Giáo còn ta, ta sẽ giả vờ là người Do Thái. Con sẽ đi lễ, học giáo lý, học câu chuyện về Jésus trong sách Tân ước còn ta, ta sẽ kể cho con nghe kinh Torah, kinh Michna, kinh Talmud và chúng ta sẽ cùng nhau vẽ những nét chữ Hebrew. Con có muốn không?”

“Đập tay nào!”

“Đây là bí mật của chúng ta, bí mật lớn nhất trong các bí mật. Ta và con có thể chết nếu phản bội bí mật này. Thề không nào?”

“Con xin thề.”

Tôi làm lại động tác tay ngoằn ngoèo mà Rudy đã dạy tôi để thể và tôi nhổ nước bọt xuống đất.

Từ đêm hôm đó, tôi được phép có một cuộc sống ngầm bên cha Pons. Tôi giấu Rudy các chuyến du hành ban đêm của mình và tìm cách để anh thắc mắc ít hơn về thái độ của cha Pons bằng cách đánh lạc hướng anh sang chị phụ bếp Rosa, cô gái mười sáu tuổi, xinh đẹp, tóc vàng, dáng người uể oải, giúp việc cho bà quản gia. Tôi quả quyết rằng chị thường nhìn Rudy mỗi khi anh không nhìn chị. Rudy rơi ngon ơ vào bẫy của tôi và trở nên bị ám ảnh bởi Rosa. Anh thích than thở về các mối tình ngoài tầm với của mình.

Trong thời gian này, tôi học tiếng Hebrew với hai mươi hai phụ âm và mười hai nguyên âm và nhất là, tôi nhìn ra dưới lớp vỏ ngoài chính thức, những giới luật thực sự cai quản nơi này. Bằng một thủ thuật về nội quy, cha Pons đã tìm ra cách để chúng tôi tôn trọng ngày shabbat: ngày thứ Bảy bắt buộc phải nghỉ ngơi. Chúng tôi chỉ có thể làm bài tập và học bài vào Chủ nhật, sau giờ kinh chiều.

“Với người Do Thái, một tuần bắt đầu vào ngày Chủ nhật còn người Công Giáo là thứ Hai.”

“Tại sao vậy ạ, thưa cha?”

“Kinh Thánh - thứ mà cả người Công Giáo và Do Thái đều phải đọc - kể rằng Chúa tạo ra thế giới trong sáu ngày và nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Chúng ta nên làm theo Người. Ngày thứ bảy đó, theo người Do Thái, là thứ Bảy. Sau này người Công Giáo, để cho khác với người Do Thái, những người không chịu công nhận Jésus như đấng Cứu thế, đã cho rằng ngày Chúa nghỉ ngơi là ngày chủ nhật.”

“Ai đúng ạ?”

“Có quan trọng gì?”

“Còn Chúa, Người không thể nói những gì Người nghĩ cho con người biết hay sao ạ?”

“Cái quan trọng không phải là Chúa nghĩ gì về con người mà là con người nghĩ gì về Chúa.”

“Vâầng... cái con thấy là, Chúa đã làm việc sáu ngày rồi từ đó, Người chẳng làm gì nữa!”

Cha Pons bật cười còn tôi thì bực mình. Lúc nào cũng vậy, tôi tìm cách giảm thiểu sự khác biệt giữa hai tôn giáo để gom lại làm một; lúc nào cũng vậy, cha ngăn tôi đơn giản hóa mọi chuyện.

“Joseph, con lúc nào cũng muốn biết một trong hai tôn giáo, cái nào đúng. Nhưng không có cái nào đúng cả! Tôn giáo không đúng không sai, nó chỉ đưa ra một cách sống.”

“Sao cha lại muốn con tôn trọng tôn giáo nếu chúng không đúng?”

“Nếu chỉ tôn trọng sự thật, thì con sẽ chẳng tôn trọng được mấy điều. 2 + 2 = 4, đó chính là đối tượng duy nhất cho sự tôn trọng của con. Ngoài cái đó ra, con sẽ đối mặt với những yếu tố không chắc chắn: tình cảm, chuẩn mực, giá trị, các chọn lựa, chừng ấy kết cấu mong manh và luôn biến đổi. Chẳng có gì chắc chắn hết. Sự tôn trọng không dành cho những cái được chứng nhận mà dành cho những thứ được đề xuất.”

Tháng Mười hai, cha Pons chơi bài lập lờ để chúng tôi vừa được tổ chức lễ Giáng sinh của người Công Giáo, vừa kỷ niệm lễ Do Thái Hanoukka, một chiêu mà chỉ bọn trẻ Do Thái mới đoán ra. Một mặt, chúng tôi kỷ niệm ngày chúa Jésus ra đời, trang trí máng cỏ cho làng và tham dự vào các nghi lễ. Mặt khác, chúng tôi phải làm cho một “xưởng nến” nơi chúng tôi học cách làm lõi nến, nấu chảy sáp, trang trí màu, đổ khuôn nến; buổi tối, chúng tôi thắp tác phẩm của mình lên và trưng ra cửa sổ; làm như vậy, đám trẻ Công Giáo được nhìn ngắm thành quả lao động của mình, còn chúng tôi, những đứa trẻ Do Thái có thể kín đáo thực hiện nghi lễ Hanoukka, lễ Ánh sáng, thời điểm để vui chơi và tặng quà, theo đó người ta phải bố thí và thắp nến vào lúc hoàng hôn. Chúng tôi, những đứa trẻ Do Thái... Có bao nhiêu đứa như chúng tôi ở Villa Jaune? Là những ai? Cha Pons là người duy nhất biết điều ấy. Khi tôi nghi ngờ bạn nào là người Do Thái, tôi không cho phép mình đi xa hơn. Nói dối và để người khác nói dối. Chính cách đó sẽ cứu sống chúng tôi.

Năm 1943, cảnh sát nhiều lần đến kiểm tra Villa Jaune. Mỗi lần kiểm tra căn cước một lứa tuổi. Giả hay thật, giấy tờ chúng tôi đều qua cả. Việc lục soát có hệ thống các ngăn tủ không đem lại điều gì. Không ai bị bắt.

Tuy nhiên, cha Pons lại lo lắng.

“Hiện tại thì chỉ là cảnh sát Bỉ, ta biết chúng, nếu không biết từng đứa thì cũng biết bố mẹ chúng; khi thấy ta, chúng không dám làm quá. Nhưng người ta nói là Gestapo thường tiến hành kiểm tra đột xuất...”

Tuy nhiên, sau mỗi lần báo động, cuộc sống trở lại bình thường. Đồ ăn của chúng tôi ít ỏi và chán ngắt, hạt dẻ, khoai tây, xúp củ cải loãng toẹt, tráng miệng là chút sữa bốc khói. Đám chúng tôi, đám học sinh nội trú thường phá tủ của mấy đứa vừa nhận được gói hàng do ông đưa thư mang đến; nhờ thế, có khi chúng tôi kiếm được một hộp bánh, hộp mứt, mật ong và phải ăn thật nhanh nếu không muốn bị ai khác trấn lột.

symbol21.png

Vào mùa xuân, trong một buổi học tiếng Hebrew mà cha Pons dạy tôi trong văn phòng khóa kỹ đến hai vòng, ông không thể tập trung được. Trán nhăn lại, ông không nghe thấy tôi hỏi gì.

“Cha làm sao vậy ạ?”

“Lễ ban thánh thể sắp đến rồi Joseph ạ. Ta lo lắng. Không thể để đám trẻ nội trú Do Thái đến tuổi làm lễ lại trải qua việc đó với người Công Giáo. Ta không có quyền. Với các em ấy ta không có tư cách gì, với tôn giáo của ta cũng không được. Đó là sự báng bổ. Ta sẽ phải làm thế nào?”

Tôi không ngần ngừ một giây nào.

“Cha hãy hỏi cô Marcelle ấy.”

“Tại sao con nói vậy?”

“Nếu có ai đó sẵn lòng ngăn cản một lễ ban thánh thể, đó chính là ‘Mẹ kiếp’, phải không ạ?”

Ông mỉm cười khi nghe lời đề xuất của tôi.

Ngày hôm sau, tôi được đi cùng cha đến tiệm thuốc Chemlay.

“Thằng bé dễ thương quá, cô Marcelle lẩm bẩm khi nhìn thấy tôi. Này, bắt lấy!”

Cô ném cho tôi một viên kẹo bạc hà.

Trong lúc tôi nhai nghiến ngấu thứ của ngọt này thì cha Pons giải thích tình hình với cô Marcelle.

“Mẹ kiếp, không vấn đế gì, ông Pons ạ: tôi sẽ giúp ông một tay. Có bao nhiêu đứa nhỉ?”

“Mười hai.”

“Ông chỉ cần bảo chúng bị ốm! Xong! Mười hai đứa phải đi viện.”

Cha Pons suy nghĩ.

“Người ta sẽ để ý đến việc chúng vắng mặt. Chúng sẽ bị lộ vì việc ấy mất.”

“Không lộ nếu có một bệnh dịch...”

“Ngay cả khi như vậy. Người ta sẽ nghi ngờ.”

“Vậy thì cần thêm vào một hoặc hai đứa con trai không bị nghi ngờ gì cả. Xem nào, con ông xã trưởng chẳng hạn. Tốt hơn nữa thì con của Brognard, cái nhà ngu ngốc đã đặt cả ảnh Hitler trong tủ kính cửa hàng pho mát nhà nó.”

“Đúng rồi! Tuy nhiên, ta không thể làm cho mười bốn đứa trẻ cùng ốm một lúc như vậy...”

“Là lá la, để tôi lo.”

“Mẹ kiếp” đã làm gì? Với lý do đến thăm khám, cô đến trạm xá và khám cho lũ trẻ sắp tham gia lễ ban thánh thể. Hai ngày sau, con ông xã trưởng và con nhà Brognard đau bụng dữ dội, nằm liệt giường và không thể đi học. “Mẹ kiếp” miêu tả triệu chứng cho cha Pons, cha bảo mười hai đứa trẻ Do Thái sắp chịu lễ ban thánh thể giả vờ bị như vậy.

Lễ ban thánh thể được dự định tổ chức vào ngày hôm sau, mười hai đứa giả ốm được chỉ định cách ly ba ngày ở trạm xá.

Buổi lễ được tổ chức trong nhà thờ Chemlay, một buổi lễ hoành tráng và giàn đàn ống kêu to hơn bao giờ hết. Tôi ganh tị với đám bạn mặc áo lễ màu trắng để tham gia một buổi lễ như vậy. Trong thâm tâm, tôi tự hứa một ngày nào đó sẽ thay chỗ chúng. Cha Pons dạy tôi kinh Torah cũng vô ích, không gì làm tôi xúc động bằng nghi lễ Công Giáo với những món đồ bằng vàng, vẻ hào nhoáng, âm nhạc và vị Chúa khổng lồ, nhân từ, dịu dàng, ngự trị trên trần nhà.

Quay lại Villa Jaune để chia sẻ một bữa ăn thanh đạm mà với chúng tôi lại là rất thịnh soạn, vì chúng tôi đói mềm, tôi ngạc nhiên khi trông thấy cô Marcelle đang đứng giữa sảnh. Ngay khi cha Pons xuất hiện, cô biến mất cùng ông vào văn phòng.

Tối hôm ấy, tôi được cha kể về thảm họa suýt ập xuống chúng tôi.

Trong khi lễ ban thánh thể đang diễn ra, bọn Gestapo đã đột nhập vào trường. Bọn Quốc xã chắc chắn đã lập luận như cha Pons: việc những đứa trẻ trong độ tuổi ban thánh thể vắng mặt đã tố cáo chúng.

May mắn thay, cô Marcelle đã đứng gác trước cửa trạm xá. Nhà ngủ trống trơn, bọn Quốc xã trèo lên gác trên cùng, thì cô bắt đầu ho và nhổ “một cách kinh tởm” như lời cô nói. Nếu đã biết thường ngày cô “Mẹ kiếp” xấu xí khạc nhổ thế nào thì ta phải rùng mình khi nghĩ đến điều xảy ra khi cô làm quá lên. Không phản đối yêu cầu của chúng, cô mở cửa trạm xá và báo trước rằng bệnh của bọn trẻ vô cùng dễ lây nhiễm. Nói đến đây, cô chẳng may hắt hơi thêm một cái và thế là mặt bọn Quốc xã phải nhận một bãi đờm.

Sau khi lo lắng lau mặt, bọn Gestapo vội vã quay gót rời trường. Khi đám xe đen rời đi, cô Marcelle đã cười ngặt nghẽo suốt hai tiếng trên một giường bệnh trong trạm xá, điều mà, theo bọn bạn tôi, đầu tiên khá là khủng khiếp sau đó giống như bệnh dịch.

Tôi cảm thấy cha Pons ngày càng lo lắng, dù cha không để lộ điều gì ra ngoài.

“Ta sợ bọn chúng kiểm tra thân thể các con Joseph ạ. Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng bắt các con tụt quần để xem bao quy đầu có bị cắt hay không?”

Tôi nhăn nhó gật đầu tỏ ý rằng tôi chia sẻ nỗi lo của cha. Trên thực tế, tôi chẳng hiểu cha nói gì với mình. Cắt bao quy đầu à? Khi nghe thấy câu hỏi của tôi, Rudy bắt đầu cười khùng khục y như khi nói về Rosa xinh xắn, như thể anh đập một cái túi đầy quả óc chó vào ngực mình.

“Mày đùa hả! Mày không biết cắt bao quy đầu là gì ư? Đừng nói là mày thậm chí không biết mình đã làm thế?”

“Làm gì?”

“Cắt bao quy đầu!”

Cuộc đối thoại xoay sang hướng tôi không thích: lại một lần nữa bản thân tôi có một thứ đặc biệt mà tôi không biết! Cứ như thể là người Do Thái còn chưa đủ hay sao ấy!

“Chim của mày ấy, phần da không kéo trùm lên tận đầu được phải không?”

“Đương nhiên.”

“Ấy thế mà với người Công Giáo ấy, da đầu chim của bọn họ còn lủng lẳng xuống dưới cơ. Không nhìn thấy cái đầu chim tròn tròn đâu.”

“Như của chó ấy à?”

“Ừ. Chính xác là như của chó.”

“Vậy thì, đúng là chúng ta thuộc về một giống loài khác!”

Thông tin này làm tôi đổ sụp: hy vọng được trở thành người Công Giáo với tôi vụt bay. Chỉ vì một mẩu da không ai nhìn thấy, tôi bị kết án phải là người Do Thái mãi mãi.

“Không phải vậy thằng ngu, Rudy nói, chẳng có gì tự nhiên cả, đó chỉ là một phẫu thuật nhỏ: người ta cắt nó vài ngày sau khi mày sinh ra. Chính ông giáo sĩ đã cắt miếng da đó.”

“Tại sao?”

“Để mày giống bố mày.”

“Tại sao?”

“Bởi đã như thế từ hàng nghìn năm nay!”

“Tại sao ?”

Khám phá này làm tôi sững sờ. Tối hôm đó, tôi trốn bạn bè và mất nhiều thời gian để kiểm tra cái phần phụ có làn da mỏng và hồng hồng đó mà chẳng hiểu thêm điều gì. Tôi không tưởng tượng được cái của người khác lại khác cái của mình. Những ngày sau đó, để chắc là Rudy không nói dối, tôi đứng lì ở nhà vệ sinh trong sân trường vào giờ ra chơi để rửa đi rửa lại tay trước bồn rửa; mắt tôi liếc vào những bồn tiểu bên cạnh, cố nhìn chim của các bạn cùng trường lúc chúng móc ra và nhét vào! Rất nhanh chóng tôi có thể kiểm chứng là Rudy không nói dối tôi.

“Rudy, thật nực cười! Mấy đứa Công Giáo ấy, cái đó có một nhúm da mịn ở đầu, thắt lại nhăn nheo, trông như phần thắt nút ở đuôi quả bóng. Và không chỉ có thế: chúng nó mất nhiều thời gian để tè hơn chúng ta, chúng nó phải vẩy chim sau khi tè. Cứ như thể chúng giận cái đó. Chúng nó tự trừng phạt mình à?”

“Không phải, chúng vẩy những giọt còn sót lại trước khi trùm đầu chim lại. Chúng giữ sạch chỗ đó khó hơn chúng ta. Nếu không chú ý, chúng có thể bị đầy vi khuẩn bám vào và bốc mùi, làm cho chúng đau.”

“Thế mà chúng ta mới là kẻ bị truy đuổi ư? Anh có hiểu điều đấy không?”

Ngược lại, tôi đã nắm được vấn đề của cha Pons. Tôi nhận ra nguyên tắc vô hình áp dụng cho những buổi tắm hằng tuần: cha lập danh sách do đích thân cha kiểm tra bằng cách điểm danh, theo đó cứ mười đứa một, tuổi khác nhau, sẽ cởi truồng từ phòng thay đồ đến phòng tắm chung dưới sự giám sát của một mình ông. Trong mỗi nhóm, các thành viên đều giống nhau. Không bao giờ một đứa trẻ không phải Do Thái có dịp nhìn thấy một đứa trẻ Do Thái và ngược lại, ở truồng bị cấm và sẽ bị phạt nếu làm thế ở bất cứ nơi nào trong trường ngoại trừ phòng tắm. Vì thế từ nay tôi có thể dễ dàng đoán ra ai là người Do Thái trốn trong Villa Jaune. Từ ngày đó, tôi rút ra những kết luận cho riêng mình và tôi tập thói quen xả bàng quang ở nơi có cửa khóa kín, không bao giờ đi tè ở bồn tiểu. Tôi thậm chí còn tìm cách sửa cái dấu phẫu thuật mình phải chịu: lúc nào ở riêng, tôi lại kéo da trùm lên đầu chim để nó trở lại như hồi tôi sinh ra. Chẳng ích gì! Kéo thế nào thì kéo, cuối cùng nó lại như cũ, chả có tiến triển gì.

“Nếu bọn Gestapo bắt các con cởi quần ra, thì con làm gì hả Joseph?”

Tại sao cha Pons lại tâm sự điều này với đứa học sinh ít tuổi nhất trường nhỉ? Có phải cha cho rằng tôi can đảm hơn người khác? Ông có cần phá vỡ sự im lặng không? Ông có khổ sở khi phải một mình gánh những trách nhiệm đau đầu này?

“Này Joseph, nếu bọn Gestapo bắt các con phải tụt quần xuống thì sao?”

Câu trả lời suýt nữa đã bắt hết chúng tôi đi vào tháng Tám năm 1943. Mùa hè tới, trường học chính thức đóng cửa và được biến thành trại hè. Ai không có gia đình tiếp nhận thì ở lại ký túc xá đến ngày khai trường. Chúng tôi, đúng hơn là những đứa vô thừa nhận, cảm thấy như ông hoàng: Villa Jaune thuộc về chúng tôi, mùa này hoa quả nhiều nên chúng tôi cũng có cái dằn bụng. Được một số giáo sinh giúp, cha Pons dành toàn bộ thời gian cho chúng tôi. Chúng tôi luân phiên đi dạo, đốt lửa trại, đá bóng, buổi tối thì xem phim hề Sác lô chiếu lên một tấm ga trắng căng dưới mái hiên. Dù vẫn phải giữ ý với các giám thị nhưng giữa chúng tôi thì không có gì phải để phòng: tất cả đều là Do Thái. Thể hiện lòng biết ơn với cha Pons, chúng tôi nỗ lực hết sức để tham gia vào lớp học duy nhất còn sót lại, lớp giáo lý, chúng tôi hào hứng hát phục vụ thánh thần, những sáng trời mưa chúng tôi say sưa làm máng cỏ và các hình nhân để chuẩn bị cho mùa Noel tới.

Một hôm, sau khi đá bóng, chúng tôi mồ hôi mồ kê nhễ nhại, cha Pons yêu cầu chúng tôi đi tắm ngay lập tức.

Các anh lớn và anh nhỡ vừa tắm xong, chỉ còn mấy đứa nhỏ và tôi là một trong số ấy.

Chúng tôi có độ hai mươi đứa đang hò hét và chơi đùa dưới vòi nước mát thì bỗng một viên sĩ quan Đức bước vào phòng thay đồ.

Viên sĩ quan tóc vàng bước vào, bọn trẻ chết đứng, bặt tiếng, cha Pons nhợt nhạt hơn cả gạch lát nền. Tất cả đứng im, trừ vòi nước tiếp tục chảy, vui vẻ, vô thức, xuống chúng tôi.

Viên sĩ quan dò xét nhìn chúng tôi. Theo bản năng, vài đứa thò tay che hạ bộ, hành động thẹn thùng theo lẽ tự nhiên xảy đến quá muộn màng nên đã trở thành lời thú tội.

Nước vẫn chảy. Sự im lặng toát mồ hôi thành giọt to.

Viên sĩ quan vừa nhìn thấu chân tướng chúng tôi. Mắt đảo nhanh cho thấy ông ta đang suy nghĩ. Cha Pons bước tới và lạc giọng hỏi:

“Ông tìm gì vậy?”

Viên sĩ quan giải thích sự tình bằng tiếng Pháp. Từ sáng, nhóm của ông ta đã theo dấu một người kháng chiến đang lẩn trốn và trèo qua tường vào khu vườn; ông ta đến chỗ chúng tôi để xem người lạ có thể trốn ở đâu.

“Ông có thể thấy rằng không ai lẩn trốn ở đây cả,” cha Pons nói.

“Tôi thấy rõ, đúng là như vậy,” viên sĩ quan chậm rãi trả lời.

Sự im lặng trở lại, trĩu nặng lo âu và đe dọa. Tôi cảm nhận được là sự tồn tại của mình sắp dừng lại. Chỉ vài phút nữa, chúng tôi sẽ xếp thành hàng, trần truồng, bị sỉ nhục rồi trèo lên một cái xe đưa chúng tôi đi đâu không biết.

Có tiếng bước chân vang lên bên ngoài. Tiếng giày bốt. Gót sắt nện xuống sàn. Những tiếng kêu khàn khàn.

Viên sĩ quan mặc quân phục xanh xám đi nhanh ra phía cửa rồi mở hé ra.

“Hắn không ở đây, đi chỗ khác lục soát. Schnell[\*](#__Tieng_Duc_trong_nguyen_ban_ngh).

Cánh cửa đóng lại và toán quân đi xa.

Viên sĩ quan nhìn cha Pons môi đang run lên. Vài đứa bật khóc. Răng tôi va vào nhau lập cập.

Ban đầu, tôi ngỡ viên sĩ quan sẽ rút súng ở thắt lưng ra. Hóa ra, ông ta rút ví.

“Cầm lấy,” ông ta nói với cha Pons rồi đưa cho cha một tờ bạc, “ông hãy mua kẹo cho lũ trẻ.”

Vì cha Pons đờ đẫn, không phản ứng gì, viên sĩ quan nhét năm franc vào tay ông rồi nháy mắt cười với chúng tôi và dập gót giày đi ra.

Sự yên lặng kéo dài bao lâu sau khi ông ta đi? Cần bao nhiêu phút để hiểu ra chúng tôi đã được cứu? Vài đứa tiếp tục khóc vì nỗi sợ vẫn chưa mất đi; vài đứa khác vẫn đứng như trời trồng, nghi hoặc; có mấy đứa tròn mắt như muốn hỏi “mày có tin chuyện này không, mày ấy, mày có tin chuyện này không?”

Cha Pons, mặt vàng như nghệ, môi trắng bệch, đổ sụp xuống nền nhà. Đầu gối quỳ trên nền xi măng ướt, ông lắc lư người từ trước ra sau và thốt lên những câu không đầu không đuôi, mắt mở trừng trừng, kinh hoàng. Tôi lao đến ôm lấy ông dù người còn ướt, một cử chỉ chở che, cũng như tôi hẳn sẽ làm với Rudy.

Tôi nghe thấy câu ông nhắc đi nhắc lại:

“Tạ ơn Chúa. Tạ ơn chúa. Vì các con của con, tạ ơn Người.”

Rồi ông quay sang tôi, dường như phát hiện ra sự có mặt của tôi và ông không ngần ngại bật khóc trong tay tôi.

Có những cảm xúc mạnh đến nỗi, dù là hạnh phúc hay đau khổ, thì cũng đều làm chúng ta vỡ vụn. Cha thở phào làm chúng tôi xáo động đến mức vì hiệu ứng lan truyền, vài phút sau, mười hai cậu bé Do Thái trần như nhộng và một thầy tu mặc áo choàng, ôm lấy nhau, ướt sũng, căng thẳng, khóc cười lẫn lộn.

Một niềm vui khó tả kéo dài suốt mấy ngày sau. Cha lúc nào cũng cười. Ông tiết lộ với tôi rằng sau vị thoát hiểm này, ông đã lấy lại niềm tin.

“Cha có thực sự tin là Chúa đã giúp chúng ta không thưa cha?”

Tôi tận dụng giờ học tiếng Hebrew để đặt câu hỏi cứ lảng vảng trong đầu mình. Cha Pons nhìn tôi âu yếm.

“Thực lòng là không Joseph nhỏ bé của ta ạ. Chúa không tham dự vào việc này. Ta thấy thoải mái sau phản ứng của tay sĩ quan Đức này như vậy, là vì ta đã lấy lại niềm tin vào con người.”

“Con ấy à, con nghĩ là nhờ có cha. Chúa đã che chở cha.”

“Đừng nói lung tung vậy.”

“Cha không tin là nếu chúng ta thành kính, làm người Do Thái tốt hoặc làm người Công Giáo tốt, thì không có gì có thể xảy ra với chúng ta ư?”

“Con lấy ở đâu ý nghĩ vớ vẩn đó vậy?”

“Từ buổi học giáo lý. Cha Boniface nói...”

“Dừng lại ngay! Sự ngờ nghệch nguy hiểm! Người với người hại nhau và Chúa không liên quan gì. Chúa đã tạo ra con người tự do. Do đó, chúng ta đau khổ hay vui cười không có liên quan gì đến phẩm chất hay nhược điểm của chúng ta. Vai trò con gán cho Chúa mới khủng khiếp làm sao? Liệu có giây phút nào con có thể tưởng tượng rằng người thoát khỏi bàn tay của Quốc xã được Chúa yêu còn người bị bắt thì bị Chúa ghét? Chúa không can dự vào việc chúng ta làm.”

“Ý cha là dù điều gì xảy ra thì Chúa cũng mặc kệ phải không ạ?”

“Ta muốn nói rằng, dù điều gì xảy ra thì Chúa cũng đã làm xong việc của mình. Từ giờ đến lượt chúng ta. Chúng ta tự chịu trách nhiệm về số phận của mình.”

symbol21.png

Năm học thứ hai bắt đầu.

Rudy và tôi ngày càng thân thiết. Do chúng tôi khác nhau mọi mặt - tuổi tác, chiều cao, mối quan tâm, thái độ - nên mỗi điểm khác nhau thay vì khiến chúng tôi xa cách lại càng làm chúng tôi yêu thương nhau thêm bội phần. Tôi giúp anh làm sáng tỏ những điều anh không rõ trong khi bằng tầm vóc của mình, anh bảo vệ tôi khỏi các cuộc đánh lộn và trên hết nhờ vào tai tiếng học sinh cá biệt của anh. “Không thể thấy được điếu gì tốt đẹp ở thằng bé này, các giáo viên nhắc đi nhắc lại, một đứa cứng đầu, chưa bao giờ thấy đứa nào như thế.” Kiến thức vào đầu Rudy như nước đổ đầu vịt, điều này dường như làm chúng tôi ngưỡng mộ. Các giáo viên bao giờ cũng “rút ra được cái gì đó” từ chúng tôi, điều này cho thấy bản chất của chúng tôi, hèn hạ, hư hỏng, cởi mở đáng ngờ đối với các thỏa hiệp. Còn từ Rudy, họ chẳng rút ra được cái gì. Học sinh lười biếng hoàn hảo, thuần khiết, bền vững, liêm khiết, anh dành cho họ sự chống đối tuyệt đối. Anh trở thành người hùng trong một cuộc chiến khác, cuộc chiến của học sinh chống lại thầy cô. Các hình phạt rơi xuống cái đầu chim ưng bù xù của anh nhiều đến mức được vinh danh bằng sự tán thưởng phụ: cành cọ dành cho người tử vì đạo.

Một buổi chiểu khi anh bị phạt, nhân lúc đưa cho anh một mẩu bánh mì lấy trộm được qua cửa sổ, tôi hỏi anh tại sao, ngay cả khi bị phạt, anh luôn luôn nhẹ nhàng, cứng đầu và cự tuyệt học. Anh thổ lộ:

“Nhà tao có bảy người: bố mẹ, năm đứa con. Tất cả đều là trí thức, trừ tao. Bố tao là luật sư, mẹ tao là nghệ sĩ dương cẩm có tên tuổi, chơi với những dàn nhạc nổi tiếng nhất, các anh chị tao tốt nghiệp đại học khi mới hai mươi tuổi. Ai cũng rất trí tuệ... Tất cả đều bị bắt! Bị đưa đi bằng xe cam nhông! Họ không tin điều đó có thể xảy ra với mình, vì thế họ không đi trốn. Những người thông minh như thế, đáng kính như thế. Tao ấy à, cái cứu tao chính là việc tao không ở trường cũng không ở nhà! Lúc ấy tao đang lang thang ngoài phố. Trốn thoát vì tao đang đi chơi... Vì thế mà học hành với tao...”

“Anh có nghĩ là em sai lầm khi học bài không?”

“Không, mày khác, Joseph. Mày có điều kiện và mày còn có cuộc sống ở phía trước...”

“Rudy, anh còn chưa mười sáu tuổi...”

“Ừ, nhưng đã quá muộn rồi...”

Có nói nữa cũng chẳng ích gì, tôi hiểu là anh cũng cảm thấy giận gia đình mình. Ngay cả khi họ đã biến mất, ngay cả khi họ không trả lời chúng tôi, bố mẹ lúc nào cũng có một vai trò trong sự tồn tại của chúng tôi ở Villa Jaune. Tôi ấy à, tôi giận họ! Tôi giận họ là người Do Thái, giận họ đã tạo ra tôi là người Do Thái, giận họ để chúng tôi phải chịu nguy hiểm. Hai con người vô ý thức! Bố tôi ư? Một người vô dụng. Mẹ tôi ư? Một nạn nhân. Nạn nhân vì đã cưới bố tôi, nạn nhân vì đã không liệu chừng được sự yếu đuối quá đỗi của ông, nạn nhân vì chỉ là một người phụ nữ dịu hiền và tận tâm. Dù có khinh thường mẹ, thì tôi cũng vẫn tha thứ cho bà vì tôi không thể ngăn mình yêu bà. Ngược lại, tôi giận bố nhiều lắm. Ông đã bắt tôi trở thành con ông trong khi không có khả năng đảm bảo cho tôi một số phận đàng hoàng. Tại sao tôi không phải là con của cha Pons cơ chứ?

Một buổi chiểu tháng Mười một năm 1943, trèo lên cành một cây sồi già, từ đó có thể nhìn toàn cảnh làng quê trải dài trên những cánh đồng, tôi và Rudy thử tìm trên cây hang ổ nơi bọn sóc ngủ đông. Chân chúng tôi lướt trên tường cao bao quanh khu vườn. Nếu muốn, chúng tôi đã có thể trốn đi, nhảy xuống con đường mòn bao quanh địa giới này, và bỏ trốn. Nhưng đi đâu? Không có chỗ nào an toàn hơn Villa Jaune. Chúng tôi giới hạn các cuộc phiêu lưu của mình trong phạm vi được rào kín. Khi Rudy trèo lên cao hơn, tôi ngồi im trên cái chạc đầu tiên và từ chỗ đó, tôi nghĩ mình đã nhìn thấy bố.

Có một cái máy kéo đang xuống dốc. Xe sắp đi ngang qua chỗ chúng tôi. Một người đàn ông đang lái xe. Dù không có râu và mặc đồ nông dân, ông giống bố tôi nhiều đến mức đủ để tôi có thể nhận ra. Đúng là tôi đã nhận ra ông.

Tôi đứng như trời trồng. Tôi không muốn cuộc gặp này. “Cầu cho ông ấy đừng nhìn thấy mình!” Tôi nín thở. Cái xe kéo khục khặc dưới bóng cây chúng tôi đang trèo rồi tiếp tục đi về phía thung lũng. “Phù, ông ấy không nhìn thấy mình!” Trong khi ông chỉ cách tôi có mười mét và tôi còn có thể gọi hoặc đuổi kịp ông.

Miệng khô khốc, nín thở, tôi đợi cho đến khi chiếc xe trở thành một chấm nhỏ và không còn nghe tiếng. Khi chắc chắn là ông đã đi xa, tôi mới quay lại hiện thực: tôi thở hắt ra, chớp chớp mắt, thở phù phù. Rudy cảm thấy tôi có điều bất ổn.

“Có chuyện gì vậy?”

“Em nghĩ là vừa thấy người quen ngồi trên chiếc máy kéo đó.”

“Ai?”

“Bố em.”

“Joseph tội nghiệp, không thể như thế được.”

Tôi lắc đầu để xua những ý nghĩ ngu ngốc ra khỏi đầu.

“Đương nhiên là không thể như thế rồi...”

Để Rudy thương hại mình, tôi giả vờ làm mặt thất vọng. Trên thực tế tôi rất vui vì đã tránh mặt được bố. Vả lại, liệu đó có phải bố tôi không? Rudy nói có lẽ đúng. Chúng tôi sống cách nhau có vài ki lô mét mà không biết ư? Lẽ nào lại thế được! Tối hôm đó, tôi tin chắc mình đã nằm mơ. Và tôi xóa điều này khỏi trí nhớ của mình.

Nhiều năm sau, tôi phát hiện ra rằng chính bố tôi đã lướt qua ngày hôm ấy. Người bố mà tôi chối bỏ, người bố mà tôi muốn đang ở xa, đi vắng hoặc chết rồi... Sự nhầm lẫn có chủ đích này, một phản ứng khủng khiếp, dù tôi cố biện hộ thế nào bằng sự yếu đuối và nỗi sợ của tôi ngày ấy, thì đó vẫn mãi là một hành động khiến tôi cảm thấy xấu hổ - nỗi xấu hổ ấy vẫn nguyên vẹn, dữ dội, bỏng rát - đến tận hơi thở cuối cùng.

symbol21.png

Khi chúng tôi gặp nhau trong nhà thờ Do Thái bí mật, cha Pons cập nhật thông tin chiến sự cho tôi.

“Từ khi quân Đức sa lầy ở Nga và quân Mỹ tham chiến, cha nghĩ rằng Hitler sẽ thua. Nhưng với cái giá nào đây? Ở dây, bọn Quốc xã càng ngày càng căng thẳng, chúng điên cuồng truy tìm quân kháng chiến đến độ bất thường, năng lượng của sự tuyệt vọng. Cha rất sợ cho chúng ta, Joseph ạ, rất sợ.”

Ông cảm thấy một mối đe dọa lơ lửng trong không khí, như thể chó nhà cảm nhận được chó sói đang đến gần.

“Thôi nào cha, tất cả rồi sẽ qua. Chúng ta tiếp tục việc của mình nào.”

Với cha Pons cũng như với Rudy, tôi có xu hướng trở thành người bảo vệ. Tôi yêu họ đến mức để ngăn họ không lo lắng, tôi phô ra niềm lạc quan không gì lay chuyển được và khiến người ta phải yên tâm.

“Cha hãy nói cho con rõ hơn về sự khác biệt giữa người Công Giáo và người Do Thái đi ạ.”

“Người Do Thái và người Công Giáo cùng tin vào một vị Chúa trời, người đã đọc cho Moïse bảng đá khắc Luật. Nhưng người Do Thái không thừa nhận Jésus là đấng Cứu thế, là đặc sứ của chúa trời mà họ chờ đợi; họ chỉ coi đó là một nhà hiền triết Do Thái mà thôi. Con trở thành người Công Giáo khi con thừa nhận Jésus đúng là con của Chúa trời và trong Người, Chúa trời hiện thân, chết đi rồi phục sinh.”

“Như vậy với người Công Giáo, đó là chuyện trong quá khứ; với người Do Thái, đó là chuyện trong tương lai.”

“Đúng vậy Joseph. Người Công Giáo là những người tưởng nhớ và người Do Thái là những người còn hy vọng.”

“Như vậy, người Công Giáo là một người Do Thái đã ngưng chờ đợi phải không ạ?”

“Đúng. Và người Do Thái là một người Công Giáo trước khi có Jésus.”

Điều này làm tôi rất vui khi tưởng tượng minh là một “người Công Giáo trước khi có Jésus”. Giữa giáo lý Công Giáo và nhập môn bí mật vào kinh Torah, lịch sử thánh thần khiến tôi chú ý nhiều hơn là các cầu chuyện dành cho trẻ con mượn ở thư viện: nghe nó trần tục hơn, gần gũi hơn, cụ thể hơn. Nói gì thì nói, đó cũng là chuyện về tổ tiên của tôi, Moïse, Abraham, David, Jean-Baptiste hay Jésus! Trong mạch máu của tôi đang chảy dòng máu của một trong số họ. Hơn nữa, cuộc đời họ không hề nhạt nhẽo, không nhạt như cuộc đời tôi: họ bị đánh đập, họ đã hét lên, khóc lóc, hát ca, họ có nguy cơ đánh mất sự sống bất cứ lúc nào. Điều tôi không dám thổ lộ với cha Pons là tôi dã đưa ông vào chuyện này. Tôi không thể ngăn mình vẽ ra trong đầu hình ảnh Ponce Pilate, vị tổng trấn La Mã với tướng mạo của cha Pons, đang rửa tay: với tôi, chuyện cha Pons ở đó hết sức bình thường, trong kinh Phúc âm, đứng ngay cạnh Jésus, đứng giữa người Do Thái và những người Công Giáo tương lai, một người trung gian bối rối, một con người chính trực không biết chọn lựa.

Tôi có cảm giác cha Pons bị rối trước những điều cha buộc phải dạy cho tôi. Giống như nhiều người Công Giáo, trước đây, ông không biết nhiều về kinh Cựu ước và khi đọc cuốn kinh cũng như một số luận giải của các giáo sĩ Do Thái, ông thấy kinh ngạc.

“Joseph, có những ngày ta tự hỏi không biết mình là người Do Thái có tốt hơn không,” ông nói với tôi, mắt rực lên phấn khích.

“Không thưa cha, hãy vẫn là người Công Giáo, cha không hiểu mình may mắn đến thế nào đâu.”

“Do Thái giáo nhấn mạnh sự tôn trọng, Công Giáo thì chú trọng tình yêu. Vậy mà ta tự hỏi mình: chẳng phải sự tôn trọng mang tính nền tảng hơn tình yêu hay sao? Và cũng dễ thực hiện hơn... Yêu kẻ thù của mình như đức Jésus nói và chìa má còn lại ra, cha thấy điều đó thật đáng ngưỡng mộ nhưng không thể làm được. Nhất là vào lúc này. Con có chìa má con lại cho Hitler tát không?”

“Không bao giờ!”

“Cha cũng vậy! Đúng là ta không xứng được so sánh với đấng Kitô. Cả cuộc đời ta không đủ để học theo Người... Tuy nhiên, liệu tình yêu có phải một nghĩa vụ? Liệu người ta có thể ép buộc con tim mình không? Cha không nghĩ là được. Theo những giáo sĩ Do Thái có uy tín, sự tôn trọng còn cao hơn tình yêu. Nó là một nghĩa vụ liên tục không ngừng nghỉ. Điều này cha thấy là có thể. Ta có thể tôn trọng người ta không yêu thương hoặc người ta không quan tâm đến. Nhưng yêu thương họ ư? Vả lại, nếu ta đã tôn trọng họ rồi thì có còn nhất thiết phải yêu thương họ không? Thật khó, tình yêu ấy à, người ta không thể tạo ra, không thể kiểm soát nó cũng như không thể kéo dài nó. Trong khi sự tôn trọng...”

Ông gãi gãi cái đầu nhẵn bóng của mình.

“Ta tự hỏi liệu có phải chúng ta, người Công Giáo, cũng chỉ là những người Do Thái ủy mị hay không...”

Vậy đó, cuộc sống của tôi là như vậy, được điểm nhịp bằng những buổi học, những suy nghĩ cao quý về Kinh Thánh, nỗi sợ bọn Quốc xã, những cuộc tập kích của quân kháng chiến ngày càng nhiều và táo bạo hơn, những buổi chơi đùa với bạn bè và những cuộc dạo chơi cùng Rudy. Bom vẫn rơi trên vùng Chemlay nhưng các phi công Anh tránh khu Villa Jaune, chắc chắn là bởi nó cách xa nhà ga, đặc biệt nhất là vì cha Pons đã thận trọng cắm một lá cờ chữ thập đỏ trên cột thu lôi. Ngược lại, tôi rất thích cảnh báo động này: tôi không bao giờ chui xuống hầm trú ẩn với các bạn, trái lại, tôi cùng với Rudy ngắm nhìn cảnh tượng từ mái nhà. Những chiếc máy bay nhanh như sao xẹt của Không quân Hoàng gia Anh bay thấp đến mức chúng tôi có thể nhìn thấy cả phi công và ra hiệu thân thiện với họ.

Vào thời chiến, thói quen là điều nguy hiểm ghê gớm nhất. Đặc biệt là việc quá quen với nguy hiểm.

Vì ở Chemlay có hàng tá người bí mật phản đối sự chiếm đóng của Quốc xã, dần dà, họ đánh giá thấp chúng, thế nên tin đổ bộ ở Normandie đã làm chúng tôi phải trả giá đắt.

Khi biết quân đội Mỹ, đông đảo và được trang bị vũ khí hiện đại, vừa đặt chân lên châu Âu, chúng tôi vui mừng tột độ. Mặc dù phải im miệng nhưng nụ cười đã nở rộ trên mặt chúng tôi. Cha Pons đi lướt trên mặt đất, như Chúa Jésus đi trên mặt nước, niềm vui tỏa rạng trên mặt ông.

Chủ nhật đó, chúng tôi đang rối rít đi lễ, nóng lòng được chia sẻ tin mừng gần như tin chiến thắng này với dân làng, ít nhất là bằng ánh mắt. Tất cả học sinh tập hợp thành hàng trong sân sớm mười lăm phút.

Trên đường đi, những người nông dân ăn diện đẹp đẽ hân hoan nháy mắt với chúng tôi. Một bà còn cho tôi sô cô la. Một bà khác đặt vào tay tôi một trái cam. Một bà khác nữa thả vào túi tôi một miếng bánh.

“Tại sao lúc nào cũng là Joseph nhỉ?” Một đứa cùng lớp tôi cằn nhằn.

“Bình thường thôi! Nó là đứa đẹp nhất!” Rudy hét lên từ xa.

Điều này xảy đến thật đúng lúc: bụng tôi lúc nào cũng lép xẹp, vì rằng ở tuổi này tôi đang lớn như thổi.

Tôi rình tới lúc cả đoàn rồng rắn đi qua hiệu thuốc bởi tôi chắc chắn cô Marcelle, người đã cùng với cha Pons cứu và bảo vệ chừng ấy đứa trẻ, sẽ có vẻ mặt rạng rỡ. Có thể, vì vui mừng, cô ấy sẽ quẳng cho tôi vài cái kẹo chăng?

Thế nhưng, cửa kính hiệu thuốc đã bị cửa kéo bằng sắt che kín.

Nhóm chúng tôi tới quảng trường làng sớm và ở đó, tất cả mọi người, trẻ em cùng dân làng, đột ngột dừng lại trước cửa nhà thờ.

Từ phía hai cánh cửa mở to phát ra một dòng âm thanh như quân nhạc, từ giàn đàn ống chơi to hết cỡ. Tôi ngỡ ngàng nhận ra điệp khúc: La Brabançonne!

Đám đông ngẩn ngơ. Chơi bản La Brabançonne, quốc ca của chúng tôi, ngay trước mũi bọn Quốc xã, là sự xúc phạm cao độ. Điều này như nói với chúng: “Đi đi, cuốn xéo đi, các người đã thua rồi, các người chẳng còn là gì cả!”

Ai mà ngạo mạn đến vậy?

Những người đầu tiên nhìn thấy nhanh chóng thì thào với người khác: “Mẹ kiếp”! Cô Marcelle, tay lướt trên phím đàn, chân đạp pêđan, lần đầu tiên trong đời, bước vào một nhà thờ để nói với bọn Quốc xã rằng chúng sẽ thua trận.

Sung sướng, hào hứng, chúng tôi đứng xung quanh nhà thờ, như thể đang xem một tiết mục xiếc mạo hiểm xuất sắc. “Mẹ kiếp” chơi quá đỉnh, hay hơn cái người lờ đờ chơi đàn thường ngày. Dưới ngón tay cô, chiếc đàn kêu to như đội kèn đồng quê mùa, rực lên sắc đỏ và vàng, với tiếng thanh la chói tai và tiếng trống hùng tráng. Âm thanh tràn đến phía chúng tôi đầy mạnh mẽ, làm mặt đất và cửa kính các cửa hàng rung lên.

Đột nhiên, một tiếng phanh rít lên. Một chiếc ô tô đen phanh lại trước nhà thờ và bốn tên Quốc xã nhảy ra.

Bọn cảnh sát của Gestapo bắt giữ cô Marcelle, khi đó đã ngừng chơi nhưng bắt đầu chửi rủa chúng:

“Chúng mày hết đời rồi! Xong rồi! chúng mày có thể bắt tao nhưng điều đó chẳng thay đổi được gì! Bọn khốn! Bọn hèn! Bọn bất lực!”

Bọn Quốc xã ném cô lên xe không thương tiếc rồi đi khỏi.

Cha Pons, nhợt nhạt hơn bao giờ hết, làm dấu thánh. Tay tôi nắm chặt lại, tôi muốn chạy theo xe, giữ cô lại, đánh bọn khốn nạn ấy. Tôi nắm tay cha, một bàn tay lạnh giá.

“Cô ấy sẽ không nói gì đâu thưa cha. Con chắc chắn là cô ấy không nói gì.”

“Ta biết Joseph, ta biết. “Mẹ kiếp” là người dũng cảm nhất trong chúng ta. Nhưng chúng sẽ làm gì cô ấy đây?”

symbol21.png

Chúng tôi không có thời gian đợi câu trả lời. Tối hôm đó, lúc mười một giờ, Villa Jaune bị Gestapo bao vây.

Cô Marcelle dù bị tra tấn cũng không hé răng. Tuy nhiên, bọn Quốc xã trong khi khám xét nhà cô đã tìm ra phim âm bản làm giấy tờ giả cho chúng tôi.

Chúng tôi đã bị lật tẩy. Thậm chí không cần tụt quần chúng tôi xuống. Bọn Quốc xã chỉ cần mở hộ chiếu của chúng tôi để tìm ra kẻ giả mạo.

Trong vòng hai mươi phút, tất cả lủ trẻ Do Thái tại Villa Jaune đếu được gom vào một nhà ngủ.

Bọn Quốc xã vui mừng. Còn sợ hãi đè nặng lên chúng tôi. Tôi cảm thấy sợ đến mức không thể nghĩ được gì nữa. Không nhận thức được, tôi ngoan ngoãn nghe theo chúng.

“Đứng sát vào tường, tay giơ lên. Nhanh!”

Rudy luồn đến gần tôi nhưng điều này vẫn không làm tôi yên tâm: mắt anh mở trừng trừng, thất thần vì sợ hãi.

Cha Pons lao vào cuộc chiến.

“Thưa các ông, ta thấy thật khủng khiếp: ta không biết thân phận của chúng! Ta không hề ngờ rằng những đứa trẻ này là người Do Thái. Người ta dẫn chúng đến cho ta như những đứa trẻ Aryan, những người Aryan thực thụ. Ta đã bị lừa, người ta đã cười nhạo ta, người ta đã lợi dụng sự cả tin của ta.”

Dù không hiểu ngay thái độ của cha, tôi cũng không nghĩ cha cố gắng biện minh là mình vô tội để khỏi bị bắt.

Tên sếp của bọn Gestapo thô lỗ hỏi ông:

“Ai dẫn bọn trẻ tới cho cha?”

Cha Pons ngập ngừng. Mười giây chầm chậm trôi qua.

“Ta sẽ không nói dối ông: tất cả những đứa trẻ này đều do cô Marcelle, dược sĩ, dẫn đến.”

“Điều đó không làm cha ngạc nhiên à?”

“Cô ta thường xuyên gửi ta giữ trẻ mồ côi. Từ mười lăm năm nay. Trước cả thời chiến tranh cơ. Đó là một người tốt. Cô ấy liên kết với một nhóm tình nguyện viên giúp đỡ những đứa trẻ bất hạnh.”

“Thế ai trả tiền trọ học cho chúng?”

Mặt cha Pons thoáng biến sắc.

“Mỗi tháng đều có một phong bì gửi theo tên từng đứa trẻ đến chỗ chúng ta. Ông có thể kiểm tra bên kế toán.”

“Những chiếc phong bì này đến từ đâu?”

“Từ các nhà tài trợ... Còn từ ai nữa chứ? Có ghi rõ trong sổ của chúng ta đấy. Ông sẽ có thông tin đối chiếu.”

Bọn Quốc xã tin ông. Sếp của chúng nuốt nước bọt thèm muốn chỉ riêng với ý nghĩ sẽ được xem danh sách này. Biết vậy nên cha Pons tấn công không ngần ngại.

“Các ông sẽ đưa lũ trẻ đi đâu?”

“Vùng Malines.”

“Sau đó thì sao?”

“Không liên quan tới cha.”

“Đó có phải một chuyến đi dài không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Vậy thì hãy để ta dọn đồ cho chúng, xếp va li cho chúng, cho chúng mặc quần áo, cho chúng cái gì đó để ăn dọc đường. Các con ơi, không thể đối xử với trẻ em theo cách này được. Nếu các con đưa con mình cho ta chăm sóc, liệu các con có chấp nhận ta để chúng ra đi như thế không?”

Tên chỉ huy có bàn tay mập mạp do dự. Cha Pons tấn công luôn vào kẽ hở:

“Ta biết là con không muốn làm điều xấu. Thôi nào, ta sẽ sắp xếp mọi thứ và sáng sớm mai con đến đón bọn chúng.”

Bị mắc vào chiếc bẫy tình cảm này, và cảm thấy phiền lòng trước vẻ ngây thơ của cha xứ, tên chỉ huy Gestapo muốn chứng minh mình không phải tên yêu tinh xấu xa.

“Đúng bảy giờ sáng mai, chúng sẽ sạch sẽ, mặc quần áo chỉnh tề, ăn uống đầy đủ, xếp hàng trong sân với đồ đạc của chúng,” cha Pons khẽ khàng xin. “Đừng làm ta buồn lòng. Ta chăm sóc chúng nhiều năm nay rồi: khi người ta giao một đứa trẻ cho ta, họ có thể hoàn toàn yên tâm.”

Tên chỉ huy Gestapo đang buồn ngủ, nhìn lướt qua ba mươi đứa trẻ mặc áo ngủ, chợt nhớ ra sẽ không có chiếc xe thùng nào trước sáng mai, nhún vai làu bàu:

“Đồng ý, tôi tin tưởng ở cha.”

“Con có thể tin ta. Cứ yên tâm đi đi.”

Đám người mặc đồ đen của Gestapo rời khỏi trường.

Khi bọn Quốc xã đã đi xa hẳn, cha quay lại phía chúng tôi.

“Nào các con, không được hét lên, không phải hoảng sợ: các con yên lặng đi lấy đồ đạc rồi mặc quẩn áo chỉnh tề vào. Sau đó các con sẽ đi trốn.”

Cả bọn chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Cha Pons đi gọi giám thị ở các khu nhà ngủ khác lại, độ năm giáo sĩ trẻ rồi nhốt họ vào cùng phòng với chúng tôi.

“Các con thân mến, cha cần các con.”

“Cha có thể tin chúng con.”

“Ta muốn các con nói dối.”

“Nhưng...”

“Các con cần phải nói dối. Nhân danh đức Kitô. Ngày mai, các con sẽ nói với bọn Gestapo là quân kháng chiến bí mật đã chiếm Villa sau khi bọn chúng rời đi. Các con hãy khẳng định là mình đá bị đánh đập. Ngoài ra, các con sẽ được tìm thấy trong tình trạng bị trói vào giường, như thế các con sẽ trắng tội. Các con có đồng ý để ta trói không?”

“Cha thậm chí có thể đánh chúng con ạ.”

“Cảm ơn các con. Chuyện đánh đập ta không phản đối nhưng các con phải tự làm.”

“Thế còn cha, cha sẽ ra sao ạ?”

“Ta không thể ở lại với các con được nữa. Ngày mai bọn Gestapo sẽ không còn tin ta. Cần phải cho chúng một thủ phạm. Vậy nên ta sẽ đi trốn với đám trẻ. Các con cứ đàng hoàng nói ta đã báo cho quân kháng chiến và họ đồng lõa với ta.”

Trong vài phút sau đó, một cảnh tượng khó tin nhất mà tôi từng được chứng kiến xảy ra: các giáo sĩ trẻ cẩn thận đấm nhau, nghiêm túc, chính xác, người thì đấm vào mũi, người vào môi, người vào mắt, ai cũng hỏi bạn mình xem đấm thế đã vừa chưa. Rồi cha Pons trói chặt họ vào chân giường và nhét giẻ vào miệng họ.

“Các con có thở được không?”

Các giáo sĩ trẻ gật đầu. Vài người mặt sưng húp, người thì mũi tóe máu, ai cũng rưng rưng.

“Cảm ơn các con của ta,” cha Pons nói. “Và để trụ được đến sáng mai, hãy nghĩ đến đấng Kitô.”

Nói đến đó, cha kiểm tra xem chúng tôi có mang đủ hành lý gọn nhẹ không, rồi hết sức trật tự, cha cho chúng tôi xuống cầu thang đi qua cửa sau.

“Chúng ta đi đâu đây?” Rudy thì thầm.

Dù là đứa duy nhất có chút ý niệm về chuyện này, tôi vẫn im lặng.

Chúng tôi đi qua khu vườn đến tận khoảnh rừng thưa. Ở đó, cha bảo chúng tôi dừng lại.

“Các con ơi, ta mặc kệ nếu các con cảm thấy có vẻ điên rồ nhưng chúng ta sẽ không đi xa hơn nữa!”

Ông nói kế hoạch của mình cho chúng tôi và suốt đêm chúng tôi thực hiện điều ấy.

Một nửa trong số chúng tôi tới trốn ở hầm nhà nguyện. Nửa còn lại - tôi ở trong nhóm ấy - trong những giờ tiếp theo xóa dấu vết thật và tạo dấu vết giả. Mặt đất ẩm ướt vì cơn mưa gần đây lún xuống sau mỗi bước chân phát ra những tiếng oàm oạp: không gì dễ dàng bằng việc để lại đó những dấu vết rõ ràng.

Nhóm chúng tôi đi qua khoảng rừng thưa và ra khỏi khu vườn qua cánh cửa hẹp. Sau đó, chúng tôi dùng gót giày giẫm lên lớp mùn tơi xốp, bẻ gãy vài cành cây, cố tình làm rơi vài món đồ, chúng tôi đi ngang qua cánh đồng ra tới tận bờ sông. Ở đó, cha Pons dẫn chúng tôi đến bến đò.

“Vậy đó, chúng sẽ tưởng có một chiếc thuyền đợi chúng ta ở đây... Bây giờ, chúng ta quay về, nhưng sẽ đi lùi các con ạ, để chúng nghĩ là chúng ta đông gấp đôi và tránh để lại dấu vết theo hướng ngược lại.”

Việc đi lùi trở lại rất chậm và khó nhọc; chúng tôi trượt ngã; cố gắng này đi đôi với nỗi sợ và cơn mệt. Trong khoảng rừng thưa, chúng tôi còn phải làm một việc khó hơn: xóa các vết chân dẫn về phía nhà nguyện đổ nát bằng cách quật cành cây xuống mặt đất ẩm.

Bình minh vừa rạng thì chúng tôi quay lại được chỗ các bạn đang ngủ ở phía cuối hầm. Cha Pons đóng cửa cẩn thận và dậy nắp hầm trên đầu chúng tôi lại, chỉ thắp một ngọn nến đã được che bớt sáng.

“Ngủ đi các con. Sáng nay không bắt buộc phải dậy.”

Không xa nơi tôi nằm vật xuống, cha đã dọn được một chỗ giữa đống sách vở mà ông xếp chồng xung quanh trông như một bức tường gạch. Khi ông nhìn thấy tôi, tôi hỏi:

“Con có thể vào phòng cha được không ạ?”

“Đến đây Joseph bé nhỏ.”

Tôi lăn đến chỗ ông và áp má mình vào đôi vai gầy của ông. Vừa tưởng tượng ra ánh nhìn trìu mến của ông dành cho mình thì tôi đã lăn ra ngủ.

symbol21.png

Sáng hôm sau, bọn Gestapo bao vây Villa Jaune, thấy những giáo sĩ trẻ bị trói, chúng hét lên ầm ĩ và đuổi theo các dấu vết giả của chúng tôi đến tận bờ sông rồi đi tìm chúng tôi xa hơn nữa: không giây phút nào chúng mảy may ngờ rằng chúng tôi đã không chạy trốn.

Với cha Pons thì không có chuyện xuất hiện trên mặt đất nữa. Cũng không có chuyện chúng tôi ở mãi trong nhà thờ Do Thái bí mật dưới nền nhà nguyện. Mặc dù chúng tôi còn sống nhưng tất cả dấu hiệu của sự sống giờ đều thành vấn đề: nói, ăn, đi tiểu, đi ị. Thậm chí ngủ cũng không phải lối thoát bởi chúng tôi ngủ luôn dưới nền đất và mỗi người sống một nhịp khác nhau.

“Con thấy không Joseph,” cha Pons hóm hỉnh nói với tôi, “chuyến đi trên con thuyền của Noé không phải chuyến dạo chơi đâu.”

Rất nhanh, mạng lưới quân kháng chiến đã đến đón từng đứa một để giấu chúng tôi đi nơi khác. Rudy đi với những người đầu tiên. Chắc là bởi anh chiếm nhiều chỗ quá. Cha Pons không bao giờ chỉ vào tôi khi có người tới đón. Liệu đó có phải là cố ý? Tôi đồ rằng cha muốn giữ tôi bên cha càng lâu càng tốt.

“Biết đâu quân Đồng minh sẽ chiến thắng sớm hơn dự tính? Biết đâu họ sẽ sớm đến giải phóng chúng ta?” cha nháy mắt nói với tôi.

Ông tận dụng những tuần này để cùng tôi nâng cao hiểu biết của mình về Do Thái giáo.

“Cuộc sống của các con không phải chỉ là cuộc sống của các con, cuộc sống ấy mang trong mình một thông điệp. Ta không muốn dân tộc con bị tiêu diệt, chúng ta làm việc nào.”

Một ngày, khi chúng tôi chỉ còn năm người trong hầm, tôi chỉ cho cha ba bạn đang ngủ.

“Cha biết không, con không muốn chết cùng các bạn ấy.”

“Tại sao?”

“Bởi vì, ngay cả khi con bên họ, họ cũng không phải bạn của con. Con có điểm gì chung với họ chứ? Ngoài việc cùng là nạn nhân.”

“Tại sao con nói với ta điều ấy, Joseph?”

“Bởi vì con thích chết bên cha hơn.”

Tôi để đầu mình trượt xuống gối cha và nói ra những suy nghĩ tôi hằng nung nấu.

“Con thích chết bên cha bởi con thích cha nhất. Con thích chết bên cha bởi con không muốn phải khóc cha, càng không muốn cha khóc con. Con thích chết bên cha bởi như vậy cha sẽ là người cuối cùng con nhìn thấy trên đời. Con thích chết bên cha bởi bầu trời không cha sẽ không làm con vui, thậm chí còn làm con hoảng loạn.”

Vào giây phút ấy, những tiếng hét vang lên đập vào cánh cửa nhà nguyện.

“Bruxelles được giải phóng rồi! Chúng ta đã thắng! Bruxelles được quân Anh giải phóng rồi!”

Cha Pons nhảy cẫng lên ôm chầm lấy tôi.

“Tự do rồi! Con có nghe thấy không Joseph? Chúng ta tự do rồi! Người Đức đã đi rồi!”

Những đứa trẻ khác thức giấc.

Quân kháng chiến tới dẫn chúng tôi khỏi hầm và chúng tôi bắt đầu chạy, nhảy, cười trên đường phố Chemlay. Những tiếng kêu vui mừng vang khắp các mái nhà, những khẩu súng bắn chỉ thiên, những lá cờ tung bay ngoài cửa sổ, người ta nhảy múa tùy hứng trên phố, người ta khui những chai rượu được giấu kín suốt năm năm.

Đến tận tối, tôi vẫn còn ở trong vòng tay cha Pons. Bình luận các sự kiện với từng người dân trong làng, ông khóc vì sung sướng. Tôi lấy tay lau nước mắt cho ông. Bởi đó là một ngày vui, tôi có quyền được chín tuổi, được ngồi như một đứa trẻ trên vai của người đã cứu tôi, tôi có quyền được hôn lên cặp má hồng mằn mặn của ông, tôi có quyền được cười phá lên không cần lý do. Đến tận tối, rạng rỡ, tôi vẫn không rời ông. Ngay cả khi tôi nặng như thế, cha cũng không kêu ca câu nào.

“Chiến tranh sắp kết thúc!”

“Quân Mỹ đến Liège rồi đó.”

“Quân Mỹ muôn năm!”

“Quân Anh muôn năm!”

“Chúng ta muôn năm!”

“Hoan hô!”

Từ ngày 4 tháng Chín năm 1944, tôi luôn luôn nghĩ rằng Bruxelles được giải phóng là nhờ tôi đã đột nhiên thổ lộ tình yêu của mình với cha Pons, không vòng vo. Tôi nhớ mãi lúc ấy. Từ đó, tôi mong là pháo sẽ nổ và những lá cờ sẽ được dựng lên khi tôi thổ lộ tình cảm với một người phụ nữ.

symbol21.png

Những ngày sau đó, trong vùng chúng tôi lại nguy hiểm và nhiều người chết hơn thời gian chiến tranh. Trong thời Chiếm đóng, kẻ thù xuất hiện rõ ràng nên ai cũng phân biệt được đâu là thù; trong thời Giải phóng, súng vẫn nổ đây đó, không được ai kiểm soát, không ai kiểm soát được và bất ổn ngự trị. Sau khi đã dẫn đám trẻ về Villa Jaune, cha Pons cấm chúng tôi đi quá phạm vi khu vườn. Tuy nhiên, Rudy và tôi không thể ngăn mình trèo lên cây sồi có cành xòe ra ngoài tường ngăn. Qua những kẽ lá của vòm cây, ta có thể nhìn thấy thảo nguyên trải dài, trần trụi, đến tận những trang trại xa xôi. Từ đó, chúng tôi có thể, nếu không được xem các trận chiến thì ít nhất cũng thấy khói lửa. Chính vì thế mà tôi nhìn thấy trong một chiếc xe mui trần, người sĩ quan Đức, người đã quyết định không tố cáo chúng tôi hôm ở nhà tắm, người này mặc áo sơ mi, loang lổ máu, mặt sưng vù, đầu cạo trọc, bị những người lính giải phóng có vũ khí trói chặt, những người đưa ông ta đi và tôi không biết họ sẽ làm những gì để trả thù...

Tiếp tế đồ ăn luôn có vấn đề. Để tránh đói, Rudy và tôi đi tìm trong đám cỏ một thứ cỏ xanh đậm, dày hơn các loại khác, chúng tôi hái đầy tay rồi nhét cả khóm vào mồm. Đăng đắng, ghê ghê nhưng điều đó cho chúng tôi cảm giác phồng mồm.

Dần dần, trật tự đã trở lại. Thế nhưng nó không mang lại cho chúng tôi tin vui. Cô Marcelle, nữ dược sĩ, đã bị tra tấn dã man trước khi bị đày sang Đông Âu. Cô sẽ trở lại bằng cách nào? Cô có trở lại không? Bởi điều chúng tôi e ngại trong chiến tranh đã được khẳng định: bọn Quốc xã giết tù nhân trong các trại tập trung. Hàng triệu người đã bị tàn sát, bắn bằng đạn, bị xịt hơi ngạt, bị thiêu hoặc chôn sống.

Tôi lại tè dầm trên giường. Một nỗi sợ hồi cố: tôi sợ cái số phận mà tôi đã thoát khỏi. Nỗi xấu hổ của tôi cũng hồi cố: tôi nghĩ đến người cha tôi đã thoáng gặp mà không gọi. Nhưng có thật sự đó là bố tôi không? Liệu ông có còn sống? Còn mẹ tôi thì sao? Tôi bắt đầu trở lại yêu họ bằng một tình yêu được nhân lên gấp bội vì ăn năn.

Những đêm không mây, tôi trốn khỏi nhà ngủ tập thể đi ngắm sao trời. Khi tôi nhìn thấy “sao của Joseph và mẹ”, các vì tinh tú lại khiến tôi cất tiếng hát bằng tiếng Yiddish. Mắt tôi sớm nhòa đi, tôi ngạt thở, tay bắt tréo, nằm dán xuống thảm cỏ, cuối cùng tôi lại ăn gỉ mũi và nước mắt.

Cha Pons không còn thời gian dạy tiếng Hebrew cho tôi nữa. Suốt nhiều tháng, ông chạy đôn đáo từ sáng đến tối, tìm kiếm dấu vết của cha mẹ chúng tôi, đối chiếu sổ sách được mã hóa và ghi chép bởi quân kháng chiến, mang từ Bruxelles về danh sách những người chết trong khi bị đày.

Với một số đứa trong số chúng tôi, kết quả được công bố tương đối sớm: chúng là những người sống sót duy nhất trong gia đình. Ngoài giờ học, chúng tôi an ủi chúng, chăm sóc chúng, tuy nhiên, sâu tận đáy lòng chúng tôi thầm nghĩ: mình có phải người tiếp theo không? Liệu là tin vui đến muộn hay tin buồn đến muộn?

Rudy, ngay khi sự thực thay chỗ hy vọng, đã chọn cách nghĩ là đã mất hết người thân. “Schlemazel như tao ấy à, việc không thể khác đi được.” Quả nhiên, cha Pons quay về, hết tuần này sang tuần khác, với lời khẳng định khủng khiếp là anh cả của anh, rồi những người anh khác, rồi những người chị và cha của anh bị xả hơi ngạt ở Auschwitz. Mỗi lần như vậy, một nỗi đau câm nín khủng khiếp lại quật ngã bạn tôi: chúng tôi nằm hàng giờ trên bãi cỏ, ngửa mặt lên bầu trời đầy nắng và những cánh én, tay chúng tôi nắm lấy nhau. Tôi nghĩ là anh khóc nhưng không dám quay sang anh, vì sợ điều đó sẽ khiến anh cảm thấy tủi nhục.

Một tối, cha Pons trở về từ Bruxelles, mặt đỏ bừng vì đạp xe nhanh, rồi lao về phía Rudy.

“Rudy, mẹ con còn sống. Bà sẽ đến Bruxelles thứ Sáu này, trên một chuyến xe chở những người sống sót.”

Đêm đó, vì gánh nặng đã được cất đi nên Rudy khóc nhiều đến mức tôi tưởng anh chết mất, ngạt thở bởi những dòng nước mắt, trước khi kịp gặp lại mẹ.

Thứ Sáu, Rudy thức dậy trước khi trời sáng để tắm rửa, vận quần áo, đánh giày, mặc theo kiểu tư sản mà chúng tôi chưa bao giờ thấy trước đây, đến mức tôi không nhận ra anh qua mái tóc chẻ ngôi và vuốt keo, mà chỉ nhận ra cái tai như thú hoang của anh. Quá phấn khích, anh liến thoắng, nói hết chuyện này sang chuyện kia, bỏ dở câu này để chuyển sang câu khác.

Mượn được một chiếc ô tô, cha Pons quyết định cho tôi đi cùng và lần đầu tiên từ ba năm nay, tôi ra khỏi Villa Jaune. Vì Rudy vui quá, tôi dằn lại những lo lẳng cho số phận của chính gia đình mình.

symbol21.png

Ở Bruxelles, một làn mưa mỏng, bụi nước lắc rắc trước mặt tiền xám xịt của các tòa nhà, che phủ kính ô tô bằng một màn sương trong suốt, làm vỉa hè lấp lánh. Đến khách sạn sang trọng nơi người ta tập hợp những người sống sót, Rudy lao về phía người gác cổng mặc đồng phục đỏ và vàng.

“Piano để ở đâu? Cháu cần phải đưa mẹ đến đó. Mẹ cháu là một nghệ sĩ piano xuất sắc. Một người chơi đàn lão luyện. Bà biểu diễn trong các buổi hòa nhạc.”

Vừa nhìn thấy chiếc đàn bóng loáng ở quầy bar, thì chúng tôi được thông báo là những người sống sót đã đến và sau khi được diệt rận rồi cho vào buồng xông hơi thì người ta đưa họ vào ăn ở nhà hàng.

Rudy chạy vào phòng, theo sau là tôi và cha Pons.

Những người đàn ông và đàn bà gầy guộc, da xám xịt bọc xương, ai cũng có quầng dưới mắt cùng ánh nhìn trống rỗng, kiệt sức đến mức không nhấc nổi thìa dĩa, đang cúi rạp xuống một bát xúp. Họ không đoái hoài gì đến sự có mặt của chúng tôi vì đang bận ăn lấy ăn để, sợ rằng người ta sẽ ngăn họ làm điều ấy.

Rudy nhìn quanh căn phòng.

“Bà không ở đây rồi. Có nhà hàng nào khác không thưa cha?”

“Ta sẽ hỏi, cha xứ trả lời.”

Một giọng nói cất lên từ phía một chiếc ghế băng.

“Rudy ơi!”

Một người đàn bà đứng dậy và suýt khuỵu ngã khi giơ tay ra hiệu cho chúng tôi.

“Rudy ơi!”

“Mẹ ơi!”

Rudy lao về phía người đàn bà đang khóc và ôm siết lấy bà.

Tôi không nhận ra người mẹ mà Rudy đã miêu tả cho tôi, một người đàn bà quý phái, anh thường nói, với bộ ngực đồ sộ, đồng tử xanh như thép, mái tóc đen suôn và dày, dài bất tận, làm ai cũng phải ngưỡng mộ. Thay vào đó, anh đang ôm một bà già bé nhỏ, gần như hói đầu, mắt nhìn trân trân, lo lắng, đôi mắt màu ghi nhạt, thân mình gầy guộc, to và phẳng, lộ dưới lớp váy len.

Tuy nhiên, họ đang nói thầm với nhau bằng tiếng Yiddish, người này khóc gục trên vai người kia, tôi kết luận rằng hoặc Rudy nhận nhầm người hoặc anh đã kể vống lên về người mẹ của mình.

Anh muốn đưa mẹ đi.

“Đi nào mẹ, có một cây đàn piano trong khách sạn này.”

“Không Rudy, mẹ muốn ăn xong đã.”

“Đi nào mẹ, đi đi.”

“Mẹ còn chưa ăn xong cà rốt,” bà vừa nói vừa giậm chân, như một đứa trẻ hờn dỗi.

Rudy ngạc nhiên ra mặt: trước mặt anh không phải bà mẹ uy quyền mà là một cô bé không muốn rời cái cà mèn của mình, cha Pons ra dấu cho anh không cản bà nữa.

Bà ăn chầm chậm hết bát xúp, nhâm nhi, nhúng một mẩu bánh mì vào nước xúp, vét cho đến lúc cái đĩa nhẵn bóng, không quan tâm đến việc gì khác. Xung quanh bà, những người sống sót tỉ mẩn ăn y như vậy. Đói khát từ nhiều năm nay, họ ăn uống với vẻ chậm rãi đến tàn khốc.

Rồi Rudy chìa tay đỡ mẹ đứng dậy và giới thiệu với chúng tôi. Dù kiệt sức, bà vẫn gượng mỉm cười.

“Cha biết không,” bà nói với cha Pons, “tôi đã cố sống chỉ bởi hy vọng sẽ được gặp lại Rudy.”

Rudy chớp chớp mắt và xoay câu chuyện sang hướng khác.

“Đi nào mẹ, đến chỗ chiếc piano.”

Sau khi đi qua mấy phòng khách được trang trí quá cầu kỳ, qua nhiều cánh cửa như nặng thêm vì treo đầy ri đô lụa, anh nhẹ nhàng đỡ bà lên ghế và mở nắp nhạc cụ.

Bà nhìn trân trân cây đàn piano nửa cánh đầy xúc động, rồi nghi hoặc. Liệu bà còn có thể chơi nhạc được nữa không? Chân bà tiến dần về phía pêđan và ngón tay bà ve vuốt bàn phím. Bà run lên. Bà sợ.

“Chơi đi, mẹ!” Rudy thầm thì.

Hoảng sợ, bà nhìn con trai. Bà không dám nói với con rằng bà sợ không làm được, rằng bà không còn sức, rằng...

“Chơi đi, mẹ. Con cũng thế, con đã đi qua chiến tranh bằng ý nghĩ rằng một ngày nào đó mẹ sẽ lại chơi đàn cho con nghe.”

Bà lảo đảo, phải bám vào cây đàn, rồi nhìn bàn phím như một chướng ngại vật phải vượt qua. Tay bà đưa lại gần, rụt rè, rồi tinh tế đặt lên phím ngà.

Một âm điệu nhẹ nhàng nhất, buồn bã nhất mà tôi từng được nghe vang lên. Hơi mỏng mảnh, hơi thưa lúc đầu, rồi dày dặn hơn, tự tin hơn, âm nhạc vang lên, ngày càng to, ngày càng mạnh, làm say lòng người, mê hoặc.

Mẹ của Rudy lấy lại da thịt khi chơi. Tôi nhận ra trong hình hài mình đang nhìn thấy người đàn bà đúng như lời Rudy kể.

Cuối bản nhạc, bà quay lại phía con mình.

“Nhạc Chopin đấy,” bà thì thầm. “Ông không phải trải qua điều chúng ta vừa phải chịu đựng nhưng ông đã tưởng tượng ra tất cả.”

Rudy ôm bà vào lòng mình.

“Con sẽ đi học lại chứ Rudy?”

“Con thề với mẹ.”

symbol21.png

Những tuần sau đó, tôi thường đến thăm mẹ Rudy tại nhà một bà già ở Chemlay nhận cho ở nhờ. Bà lấy lại vóc dáng, sắc da, mái tóc, sự quý phái và Rudy gặp bà vào buổi tối. Anh không còn tỏ ra cứng đầu cứng cổ như trước và bộc lộ khả năng đặc biệt về môn toán.

Chủ nhật, Villa Jaune trở thành nơi tụ hội của những đứa trẻ được che giấu. Người ta mời đến từ các vùng phụ cận tất cả những đứa trẻ từ ba đến mười sáu tuổi chưa tìm được người thân. Chúng đi lại trên một cái bục dựng tạm dưới mái sân chơi. Người đến rất đông, người thì tìm con trai, con gái, người tìm cháu trai, cháu gái, người tìm họ hàng xa mà sau các vụ thảm sát người ta thấy mình từ nay phải có trách nhiệm cưu mang. Có cả các cặp vợ chồng đến nhận con nuôi trong đám trẻ mồ côi.

Tôi vừa chờ đợi vừa thấy sợ những buổi sáng ấy. Mỗi lần bước lên bục, sau khi người ta đọc tên tôi, tôi hy vọng sẽ nghe thấy một tiếng hét, tiếng hét của mẹ tôi. Mỗi lần quay lại con đường đã đi qua trong cảnh im lặng đầy lịch sự, tôi cứ muốn chặt mình ra.

“Chính là lỗi tại con, thưa cha, nếu bố mẹ con không trở lại thì đó là vì con không hề nghĩ đến họ trong chiến tranh.”

“Đừng nói lung tung, Joseph. Nếu cha mẹ con không trở lại đó là tại Hitler và Quốc xã. Không phải lỗi của con hay của họ.”

“Cha không muốn cho ai nhận con làm con nuôi ạ?”

“Sớm quá Joseph ạ. Không có giấy chứng tử của bố mẹ các con, ta không có quyền ấy.”

“Dù gì thì cũng chẳng ai muốn con cả!”

“Thôi nào, con cần phải hy vọng chứ.”

“Con ghét hy vọng. Con thấy mình là đồ bỏ đi và tồi tệ khi con hy vọng.”

“Hãy khiêm tốn hơn và vậy nên, hãy cứ hy vọng một chút.”

Chủ nhật đó, sau buổi trình diễn truyền thống của bọn trẻ mồ côi, trắng tay và lại bị sỉ nhục thêm lần nữa, tôi quyết định đi cùng Rudy tới uống trà với mẹ anh ở làng.

Chúng tôi đi xuống con đường dẫn vào làng và chợt nhìn thấy hai bóng người từ xa đang leo lên dốc.

Không suy nghĩ nhiều, tôi chạy về phía ấy. Chân tôi không chạm đất. Tôi chạy như bay. Nhanh tới mức tôi ngỡ rằng một cái chân đã lìa khỏi hông mình.

Tôi không nhận ra người đàn ông hay người đàn bà: tôi nhận ra chiếc áo măng tô của mẹ tôi. Một chiếc măng tô kiểu Scotland màu hồng và xanh lá cây, có mũ. Mẹ ơi! Tôi chưa nhìn thấy ai mặc áo măng tô kiểu Scotland màu hồng và xanh lá cây, có mũ cả.

“Joseph!”

Tôi ôm chầm lấy bố mẹ. Thở hổn hển, không nói được câu nào, tôi sờ họ, tôi nắn họ, tôi ôm lấy họ, tôi kiểm tra họ, tôi giữ họ lại, tôi không cho họ đi. Tôi làm đi làm lại cả trăm lần những cử chỉ lộn xộn. Vâng, tôi cảm nhận họ, tôi nhìn thấy họ, vâng, họ còn sống.

Tôi vui mừng đến phát ốm.

“Joseph, Joseph của mẹ! Mischke này, anh xem con có đẹp trai không?”

“Con đã lớn rồi, con trai ạ!”

Họ nói mấy điều ngốc nghếch linh tinh, vô nghĩa, nhưng tôi bật khóc. Tôi ấy à, tôi không nói được nữa. Một nỗi đau đè nặng từ ba năm nay - bằng thời gian chúng tôi phải xa nhau - vừa rơi xuống vai tôi và tôi bị hạ đo ván. Mồm há to với những tiếng kêu câm nín, tôi chỉ có thể khóc nức nở.

Khi bố mẹ nhận ra rằng tôi không trả lời câu hỏi nào, mẹ tôi mới quay sang Rudy.

“Joseph bé bỏng của cô đang xúc động quá phải không cháu?”

Rudy xác định điều ấy. Lại được mẹ hiểu, được mẹ đoán ra, điều ấy làm tôi khóc thêm một chập nữa.

Phải mất hơn một tiếng đồng hồ tôi không nói được. Trong thời gian đó, tôi không thả bố mẹ ra, một tay bám chặt vào cánh tay bố, một tay vùi trong bàn tay mẹ. Trong thời gian ấy, qua câu chuyện bố mẹ kể cho cha Pons, tôi đã hiểu cha mẹ sống sót như thế nào. Họ sống không xa nơi đây, trốn trong một trang trại lớn và làm việc như những công nhân nông nghiệp. Họ mất nhiều thời gian như thế mới tìm ra tôi là bởi vì khi quay lại Bruxelles thì hai vợ chồng bá tước De Sully không còn ở đó, những người kháng chiến đã chỉ dẫn nhầm về tôi làm họ phải sang tận Hà Lan tìm.

Khi họ kể về chuyến đi vất vả của mình, thi thoảng mẹ lại quay sang tôi vừa vuốt ve vừa nói:

“Joseph bé bỏng yêu của mẹ...”

Tôi quá đỗi vui mừng vì được nghe lại tiếng Yiddish, thứ ngôn ngữ êm ái đến mức người ta thậm chí không thể gọi một đứa trẻ bằng tên mà không thêm vào đó một cái vuốt ve, một tính từ giảm nhẹ, một âm tiết êm ái khi nghe, như một món đồ ngọt được nhồi vào giữa những từ ngữ... Nghĩ đến đây, tôi hồi tỉnh và chỉ nghĩ đến việc dẫn bố mẹ đi thăm lãnh địa của mình, Villa Jaune và khu vườn, nơi tôi đã trải qua những năm tháng vui vẻ đến thế.

Khi chuyện đã vãn, họ quay sang tôi:

“Chúng ta sẽ trở lại Bruxelles. Con đi dọn đồ đi nhé.”

Đến lúc này tôi mới mở miệng nói lại được.

“Sao cơ ạ? Con không thể ở lại đây được ư?”

Một khoảng im lặng bối rối xảy ra sau câu hỏi của tôi. Mẹ tôi chớp chớp mắt, không chắc là mình nghe rõ, bố tôi thì vừa trân trân nhìn trần nhà vừa nghiến răng còn cha Pons thì vươn cổ về phía tôi.

“Con nói gì cơ Joseph?”

Đột nhiên tôi hiểu lời nói của mình dã man như thế nào trong tai của bố mẹ mình. Tôi xấu hổ quá! Quá muộn rồi! Tuy nhiên, tôi lặp lại, hy vọng rằng lần thứ hai sẽ tạo ra hiệu ứng khác lần thứ nhất:

“Con không thể ở lại đây được sao?”

Hỏng rồi! Lần này còn tệ hơn! Mắt họ nhòe lệ; họ quay mặt ra phía cửa sổ. Cha Pons nhướng mắt.

“Con có biết mình đang nói gì không Joseph?”

“Con nói là con muốn ở lại đây.”

Cái tát không ngờ giáng vào mặt tôi. Cha Pons, tay bốc khói, nhìn tôi trân trân buồn bã. Tôi nhìn lại cha Pons, hoảng hốt: ông chưa bao giờ đánh tôi.

“Con xin lỗi,” thưa cha, “tôi lắp bắp.”

Ông lắc lắc cái đầu nghiêm khắc ý nói rằng đó không phải phản ứng ông chờ đợi; ông hướng mắt về phía cha mẹ tôi. Tôi tuân theo.

“Con xin lỗi bố, con xin lỗi mẹ. Đó chỉ là một cách để nói rằng con ở đây rất tốt, một cách để nói lời cảm ơn.”

Cha mẹ dang rộng vòng tay đón tôi.

“Con có lý, con yêu ạ. Chúng ta nói lời cảm ơn với cha Pons bao nhiêu cũng không đủ.”

“Không thể đủ được!” bố tôi tiếp lời.

“Anh đã nghe con nói đó Mischke, Joseph bé bỏng không nói với giọng như xưa. Người ta sẽ không tin đó là con chúng ta mất.”

“Con nó có lý đó. Chúng ta nên từ bỏ thứ tiếng Yiddish mang đến nhiều bất hạnh này.”

Tôi chen vào để nói cho rõ ý, vừa nói vừa nhìn cha Pons:

“Con chỉ muốn nói là con rất khó xa được cha...”

symbol21.png

Quay lại Bruxelles, dù ở trong một căn nhà rộng rãi mà bố tôi, đã quay lại với công việc kinh doanh đầy hăng say, lo liệu tiền thuê, dù mẹ luôn vuốt ve, dịu dàng và mỗi lần cất giọng đều như hát, tôi vẫn cảm thấy cô đơn, như một con thuyền không mái chèo. Bruxelles, rộng mênh mông, không giới hạn, mở cửa cho mọi thứ nhưng vẫn thiếu một bức tường bao làm tôi yên tâm. Tôi ăn uống no nê, mặc đồ may đo và đi giày đóng riêng, tôi chất đống đồ chơi và sách vở trong căn phòng tuyệt đẹp dành riêng cho mình nhưng tôi thấy nhớ những giờ phút bên cha Pons để suy nghĩ về những điều bí ẩn lớn lao. Những người bạn mới của tôi ở trường thì nhạt nhẽo, thầy cô thì máy móc, giờ học rỗng tuếch, ở nhà thì buồn chán. Người ta chỉ tìm lại bố mẹ mình để ôm ấp họ. Trong vòng ba năm, họ đã trở nên xa lạ với tôi, chắc vì họ đã thay đổi, chắc vì tôi đã thay đổi. Họ đã rời xa một đứa trẻ và tìm lại được một thiếu niên. Ham muốn có được thành công vật chất đã xâm chiếm bố tôi và biến đổi ông đến mức tôi khó có thể nhận ra người thợ may khiêm nhường và hay phàn nàn của Schaerbeek trong hình hài một ông chủ mới phất của ngành xuất nhập khẩu.

“Con sẽ thấy con trai ạ, ta sẽ làm giàu và con chỉ cần tiếp nối sự nghiệp kinh doanh của ta sau này,” ông nói với tôi, mắt sáng bừng vì phấn khích.

Liệu tôi có mong muốn trở thành người như bố không?

Khi ông đề nghị tôi chuẩn bị cho lễ bar-mitsva, lễ ban thánh thể, đồng thời đăng ký vào héder, trường học Do Thái truyền thống, tôi đột ngột từ chối.

“Con không muốn làm lễ bar-mitsva?”

“Không ạ.”

“Con không muốn học đọc kinh Torah, học viết và cầu nguyện bằng tiếng Hebrew sao?”

“Không ạ.”

“Tại sao?”

“Vì con muốn thành người Công Giáo!”

Câu đáp trả đến không chút chậm trễ: một cái tát lạnh lùng, cực mạnh, nhanh gọn. Cái tát thứ hai trong vòng vài tuần. Sau cha Pons, đến cha tôi. Giải phóng, với tôi, trên hết là sự giải phóng của những cái tát.

Ông gọi mẹ tôi lại làm chứng. Tôi nhắc lại và khẳng định là tôi muốn theo đạo Công Giáo. Mẹ tôi khóc, bố tôi gào thét. Tối hôm đó, tôi trốn nhà.

Lấy một chiếc xe đạp, tôi đi lại con đường, có nhầm một số lần, dẫn về Chemlay và khoảng mười một giờ tôi đến Villa Jaune.

Tôi thậm chí không bấm chuông cửa. Đi vòng quanh tường rào, tôi đẩy cái cửa gỉ sét ở chỗ khoảng rừng thưa rồi đi đến nhà nguyện đổ nát.

Cửa vẫn mở và cái nắp hầm cũng thế.

Như tôi dự đoán, cha Pons đang đứng trong hầm.

Ông mở rộng vòng tay đón tôi. Tôi lao vào lòng ông và kể về nỗi hoảng sợ của mình.

“Con xứng đáng để ta cho con một cái tát nữa,” ông vừa nói vừa ôm tôi vào lòng.

“Nhưng mọi người, tất cả mọi người bị sao vậy?”

Ông ra dấu cho tôi ngồi xuống và thắp vài ngọn nến.

“Joseph, con là một trong những người sống sót cuối cùng của một dân tộc vẻ vang, vừa bị tàn sát. Sáu triệu người Do Thái đã bị giết... sáu triệu người! Đối diện với những xác chết này, con không thể trốn được nữa.”

“Con có gì chung với họ, thưa cha?”

“Điểm chung là đã có được sự sống này nhờ họ. Điểm chung là đã bị đe dọa mạng sống cùng lúc với họ.”

“Thế sau đó? Con có quyền được nghĩ khác họ phải không ạ?”

“Tất nhiên. Tuy nhiên, con phải chứng minh rằng họ tồn tại vào thời điểm mà họ không còn tồn tại nữa.”

“Tại sao lại là con mà không phải cha?”

“Cả cha và con đều thế, nhưng mỗi người một cách.”

“Con không muốn làm lễ bar-mitsva. Con muốn tin vào đức Kitô. Như cha.”

“Nghe này Joseph, con sẽ làm lễ bar-mitsva bởi vì con yêu mẹ con và tôn trọng bố con. Về mặt tôn giáo, ta sẽ xem xét sau.”

“Nhưng...”

“Ngày hôm nay, việc chính yếu là con chấp nhận mình là người Do Thái. Điều này không có liên quan gì tới đức tin tôn giáo cả. Sau này, nếu vẫn tiếp tục muốn như vậy thì con sẽ trở thành một người Do Thái cải đạo.”

“Như vậy đã là người Do Thái rồi thì sẽ là người Do Thái mãi mãi ạ?”

“Đúng vậy, mãi mãi. Hãy làm lễ bar-mitsva của con, Joseph. Nếu không, con sẽ làm tan vỡ trái tim cha mẹ con.”

Tôi cho rằng cha có lý.

“Đúng ra thì, thưa cha, con muốn làm người Do Thái với cha.”

Cha Pons bật cười.

“Cha cũng thế, Joseph, cha cũng muốn làm người Do Thái với con.”

Chúng tôi vui cười hồi lâu. Sau đó ông đặt tay lên vai tôi.

“Cha con rất yêu con, Joseph ạ. Có thể ông ấy không biết yêu đúng cách, có thể yêu theo cách mà con không thích, nhưng ông mãi mãi yêu con mà không yêu một ai khác như thế và cũng không ai khác yêu con như thế.

“Thậm chí cả cha ư?”

“Joseph, ta yêu con như yêu một đứa trẻ khác, có thể hơi nhiều hơn một chút. Nhưng đó không phải cùng một tình yêu.”

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, tôi hiểu rằng mình đến đây chính là để tìm câu nói này.

“Hãy giải phóng con khỏi ta, Joseph. Ta đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Chúng ta giờ đây có thể là bạn.”

Ông khoát tay chỉ về phía hầm.

“Con không thấy gì ư?”

Dù thiếu ánh sáng, tôi vẫn nhận ra rằng những giá nến đã biến mất, kinh Torah cũng vậy, những bức ảnh Jérusalem cũng vậy... Tôi đến gần mấy quyển sách chất đống trên giá.

“Gì cơ!... Không còn là tiếng Hebrew nữa...”

“Đây không còn là một nhà thờ Do Thái nữa.”

“Điều gì đã xảy ra vậy ạ?”

“Ta bắt đầu một bộ sưu tập mới.”

Tôi vuốt ve vài quyển sách mà chữ tiếng nước ngoài trên đó tôi chẳng hiểu gì.

“Kiểu gì thì tâm hồn Nga cũng sẽ bị giết chết: ta sưu tầm tác phẩm của các nhà văn ly khai.”

Cha Pons đã phản bội chúng tôi! Chắc chắn cha nhìn thấy lời trách móc này trong mắt tôi.

“Không, ta không phản bội con Joseph ạ. Với người Do Thái, giờ đây có con rồi. Từ nay, con chính là Noé.”

symbol21.png

Tôi viết xong câu chuyện này bên sân hiên đầy bóng mát, trước một vườn ô liu sum suê. Thay vì ngủ trưa giống như các bạn mình, tôi không chạy trốn cái nóng bởi ánh nắng đưa niềm vui của nó vào tim tôi.

Năm mươi năm đã trôi qua từ khi những sự kiện ấy xảy ra. Cuối cùng, tôi đã làm lễ bar-mitsva, tôi kế tục việc kinh doanh của bố và tôi không cải sang đạo Công Giáo. Tôi say mê học về tôn giáo của cha mẹ mình và truyền lại cho con cái. Nhưng Chúa không đến như đã hẹn...

Chưa bao giờ, trong suốt cuộc đời người Do Thái sùng đạo rồi Do Thái hờ hững của tôi, tôi gặp lại vị Chúa mà tôi đã cảm nhận được vào thời thơ ấu của mình trong cái nhà thờ nhỏ ở vùng quê đó, giữa những ô cửa kính mầu nhiệm, những thiên thần đeo tràng hoa cùng tiếng ầm ù của giàn đàn ống, vị Chúa nhân từ ấy bay trên những bó hoa ly, những ngọn lửa êm ái, trên mùi gỗ được đánh xi và ngắm những đứa trẻ được che giấu cùng những người dân làng đồng lõa.

Tôi thường xuyên đến thăm cha Pons. Lần đầu tôi quay lại Chemlay năm 1948, khi đó, chính quyền xã đã đặt tên cho một con phố là Cô Marcelle, người không bao giờ quay lại từ khi bị đi đày. Tất cả chúng tôi đều có mặt ở đó, những đứa trẻ mà cô đã tiếp nhận, nuôi dưỡng, làm giấy tờ giả cho. Trước khi giật tấm vải che tên phố dành cho cô xuống, ông xã trưởng đọc bài diễn văn dài về người nữ dược sĩ, nêu cả tên ông bố vốn là một sĩ quan, anh hùng của cuộc chiến trước, ở giữa những khóm hoa là hai bức ảnh của họ. Tôi nhìn chằm chằm vào ảnh chân dung của “Mẹ kiếp” và ông đại tá: cùng một khuôn mặt, chính xác là giống nhau như đúc, xấu khủng khiếp như nhau, chỉ khác mỗi điểm là người quân nhân thì có thêm râu. Ba giáo sĩ Do Thái thực thụ long trọng tưởng niệm và tôn vinh lòng can đảm của người đã cho đi cuộc sống của mình; tiếp theo đó cha Pons dẫn mọi người đi xem bộ sưu tập trước đây của ông.

Khi tôi cưới Barbara, cha đã có dịp tới một nhà thờ Do Thái thực sự; ông khoan khoái theo dõi kỹ tiến trình của buổi lễ. Sau đó, ông thường xuyên đến chơi nhà chúng tôi vào những dịp lễ Kippour, Rosh ha-Shana hay dịp sinh nhật các con tôi. Trong khi đó, tôi thường thích đến Chemlay để chui xuống hầm dưới nhà nguyện cùng ông, ở đó sự lộn xộn hài hòa làm người ta thấy thoải mái. Suốt ba mươi năm, ông thường xuyên thông báo với tôi:

“Cha bắt đầu một bộ sưu tập mới.”

Chắc chắn là không có gì tương tự với cuộc Đại đồ sát và các nỗi đau không thể so sánh với nhau, nhưng mỗi khi một dân tộc nào đó trên Trái Đất bị đe dọa bởi sự điên cuồng của một dân tộc khác, cha Pons lại bắt đầu lưu giữ những vật dụng là minh chứng của một tâm hồn bị đe dọa. Chừng đó để nói rằng ông đã thu thập được một khối lượng lớn các vật dụng linh tinh trên chiếc thuyền Noé của mình: có bộ sưu tập về người Da đỏ, một bộ sưu tập đồ Việt Nam, một bộ sưu tập đồ của các vị Tăng lữ Tây Tạng.

Nhờ đọc báo, cuối cùng tôi cũng đoán ra được lần tới gặp nhau, cha Pons có thể sẽ nói:

“Cha bắt đầu một bộ sưu tập mới.”

Rudy và tôi vẫn giữ mối quan hệ bè bạn. Chúng tôi đóng góp vào việc xây dựng Israel. Tôi tặng tiền còn anh thì đến ở đó. Cả nghìn lần, cha Pons tuyên bố rằng ông hạnh phúc khi nhìn thấy tiếng Hebrew, ngôn ngữ thiêng liêng ấy, được phục sinh.

Ở Jérusalem, Viện Yad Vashem quyết định trao danh hiệu “Người dân ngoại công chính” cho những người, trong thời gian Quốc xã chiếm đóng và khủng bố, là hiện thân cho điều tốt đẹp nhất của nhân loại khi cứu những người Do Thái, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng. Cha Pons đã nhận danh hiệu này vào năm 1983.

Ông không bao giờ biết điều ấy, ông vừa qua đời. Chắc chắn bản tính khiêm tốn của ông không thích nghi lễ mà chúng tôi, Rudy và tôi, dự định tổ chức; chắc chắn ông sẽ phản đối rằng người ta không phải cảm ơn ông và rằng ông chỉ làm bổn phận của mình khi nghe theo tiếng nói của con tim. Trên thực tế, chính là với chúng tôi, các con của ông, mà một ngày hội như thế mang lại nhiều niềm vui nhất.

Sáng nay, Rudy và tôi sục sạo trên khắp các con đường mòn trong khu rừng mang tên ông ở Israel. “Rừng cha Pons” gồm hai trăm bảy mươi mốt cái cây, tượng trưng cho hai trăm bảy mươi mốt đứa trẻ mà ông đã cứu sống.

Giờ đây những cây con mọc lên dưới gốc cây gỗ lớn.

“Xem này Rudy, sắp có nhiều cây hơn này, như thế thì chẳng còn ý nghĩa gì...”

“Bình thường thôi Joseph. Chú có bao nhiêu con? Bốn. Và bao nhiêu cháu? Năm. Khi cứu chú, cha Pons đã cứu chín người. Đối với anh là mười hai. Rồi thế hệ sau đến nữa, số lượng sẽ mãi tăng lên không ngừng. Tính tới vài thế kỷ nữa, số người cha cứu được sẽ lên đến hàng triệu.”

“Như Noé nhỉ.”

“Chú có nhớ kinh Cựu ước không hả đồ ngoại đạo? Chú làm anh ngạc nhiên quá...”

Không khác gì khi xưa, Rudy và tôi khác nhau về mọi chuyện. Càng khác nhau chừng nào chúng tôi càng yêu mến nhau chừng ấy. Chúng tôi có thể cãi nhau rất hăng rồi vẫn ôm hôn nhau và chúc nhau ngủ ngon. Mỗi lần đến đây, trong trang trại của anh ở Palestine, hay anh đến thăm tôi ở Bỉ, chúng tôi lại nói nhiều về Israel. Tôi ủng hộ quốc gia trẻ này nhưng tôi không ủng hộ bất cứ hành động nào của họ, ngược với Rudy, người ủng hộ nhiệt thành và tán đồng mọi hành động của chế độ, ngay cả những hành động bạo lực nhất.

“Cuối cùng Rudy ạ, lòng hướng về Israel không đồng nghĩa với việc tán đồng mọi thứ Israel quyết định. Cần phải hòa bình với người Palestine. Họ cũng có quyền sống ở đây như anh. Đây cũng là mảnh đất của họ. Họ đã sống ở đây trước khi người ta thành lập Israel. Chính sự đọa đày mà dân tộc ta đã phải chịu trong lịch sử lẽ ra phải khiến chúng ta nói với họ những lời mà chính chúng ta, chúng ta đã chờ đợi từ bao thế kỷ nay...”

“Nhưng còn sự an toàn của chúng ta...”

“Hòa bình, Rudy ạ, hòa bình là thứ mà cha Pons đã dạy chúng ta mong muốn.”

“Đừng có ngây thơ, Joseph. Cách tốt nhất để đạt được hòa bình, thường là chiến tranh.”

“Em không đồng ý. Anh càng chất chồng thù hận giữa hai bên, thì càng ít cơ hội cho hòa bình.”

Lúc nãy, trên đường quay lại đồn điển ô liu, chúng tôi đi ngang qua một ngôi nhà của người Palestine vừa bị xích sắt của một chiếc xe tăng phá hủy. Đồ đạc chỏng chơ, vương vãi trong đám bụi bay lên trời. Hai nhóm trẻ con đang đánh nhau rất hăng giữa đống đổ nát.

Tôi ra hiệu cho anh dừng chiếc xe Jeep lại.

“Chuyện gì vậy?”

“Chúng ta trả đũa,” anh trả lời tôi. “Có một người Palestine tấn công tự sát tối qua. Ba nạn nhân. Chúng ta cần phải hành động.”

Không trả lời anh, tôi xuống xe và bước đi trên đống đổ nát.

Hai nhóm trẻ đối nghịch, đám con trai Do Thái và Palestine đang ném đá vào nhau. Ném trượt, một đứa cầm một thanh rầm lao về phía đối thủ gần nhất và phang thằng kia. Bọn kia cũng ngay lập tức trả đũa. Chỉ trong một loáng, bọn trẻ hai phía đã lấy các thanh rầm phang nhau chí tử.

Tôi nhảy về phía chúng, hét to.

Chúng có sợ không? Chúng có tranh thủ sự đánh lạc hướng này để kết thúc cuộc ẩu đả? Chúng chạy tán loạn.

Rudy chầm chậm đi về phía tôi, bình thản.

Tôi cúi xuống và nhìn thấy mấy thứ đồ mà bọn trẻ làm rơi. Tôi nhặt một chiếc mủ kippa và một cái khăn choàng ca rô Palestine. Tôi đút một cái vào túi bên phải của mình và cái kia vào túi bên trái.

“Chú làm gì vậy?” Rudy hỏi tôi.

“Em bắt đầu một bộ sưu tập.”

• Chú Thích •

Tiếng Pháp trong nguyên bản nghĩa là “đá kỳ”. Tên ông đọc như "Đá kỳ xà bông”. (Mọi chú thích không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch.)

Tiếng Pháp, nghĩa là: màu vàng.

Tiếng Đức trong nguyên bản nghĩa là: Nhanh lên!